

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-THÔNG VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 285 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 66 — 1-10-1961

1.— Mặt Trăng giữa thế kỷ XX	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Đêm Trung-thu khắp các miền Trung-quốc	Thịnh-Quang	10 — 16 17 — 21
3.— Những mùa thu cũ (truyện ngắn)...	Hoàng-Thống	22 — 26
4.— Nguyễn-Du, thi sĩ của mùa thu	Thiếu-Son	27
5.— Hùng Thu (thơ)	Đông-Xuyên	28
6.— Giấc mộng mùa thu (thơ).	Thanh-Nguyễn	29 — 32
7.— Trở trời là ánh trăng Thu.	Bs. Hoàng-mộng-Lương	33 — 38
8.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	39 — 44
9.— Vua nước Quốc và Vua nước Ngu . . .	Thiếu Son	45 — 50
10.— Hằng Nga và Hậu-Nghê	Nguyễn-tử-Quang	51 — 56
11.— Cái mốc thời-gian kỳ diệu	Từ-Trầm-Lệ	57
12.— Dấu chân đi lạc (thơ).	Huỳnh-Minh-Tấn	58
13.— Sao quên mùa thu cũ (thơ)	Hải Thơ	59 — 64
14.— Một nghi án lịch-sử : Trả lời tạp chí Bách-Khoa	Ng. Thượng Khánh	65 — 68
15.— Liền (truyện ngắn)	Lữ Quỳnh	69 — 70
16.— Sinh viên Việt-Nam ca vũ nhạc tại Heidelberg	Richard Wilm	

17.—	Màu áo đen (thơ)	Tâm-Tĩnh	71
18.—	Dương liễu bên sông	Thu Hường	
	Buổi chiều thu (thơ)	Nho Sinh	72
19.—	Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	73 — 77
20.—	Cả mặt trăng	Anh Vũ	78 — 80
21.—	Khi người đẹp thất vọng	Hoàng Thống	81 — 90
22.—	Mơ hồ (thơ)	Phương Lan	91
23.—	Nỗi sầu hôm nay (thơ)	Thanh Nhung	92
24.—	Thu Nhớ (thơ).	Đặng Hồng Lạc	93
25.—	Mình ơi !	Diệu Huyền	94 — 103
26.—	Mồ hôi nước mắt.	Nguyễn Vỹ	104 — 109
27.—	Ký giả thuở trước	Tế Xuyên	110 — 116
28.—	Thơ lên ruột	Song Vân	117 — 118
	Lên Trăng	Tâm Tĩnh	119
29.—	Sách báo mới	Phổ Thông	120 — 121
30.—	Những áng thơ hay	Bàng Bá Lân	122 — 126
31.—	Vào Thu (thơ)	Thanh Lệ Hải	127
32.—	Trăng Hiện (thơ)	Thanh Thủy	128
33.—	Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	129 — 146

- ★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong.
 Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài **lai**
 cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
 đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng
 yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG »
 và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc
 mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
 reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

MẶT TRĂNG

giữa Thê-kỳ 20

LỄ TRUNG-THU ngày nay gần mất hết ý-nghĩa nguyên-thủy của nó. Họ chẳng còn lại phần nào đôi chút hào-húng ngày-thor trong những chiếc đèn giấy của các em, những tiếng trống tiêu-cổ và đầu lân mà các em bưng cao lên để múa nhảy nô-dùa, hân-hoan ngày lễ nhi-dồng.

Với chúng ta, người của thế-hệ Hòa-tiến, Mặt Trăng không còn phăng-phất thi-vị huyền-ảo của xa xưa nữa. Khoa-học đã vượt lên đến Trăng, đã phá tan những lâu-đài thơ-mộng của Nguyệt-điện, đã xua-đuổi Hằng-Nga Tiên-nữ, đã giết chết thằng Cuội, đã bứng gốc Cây Đa, chỉ còn lại một nguyệt-cầu khô-khan, hoang-vắng, lồm-chồm những gò núi ngón-ngang... không một giọt nước, không một cành hoa, một bụi cỏ...



HỒI-tưởng lại từ khi có bóng loài người trên Trái-đất, đã một triệu năm, biết bao nhiêu cặp mắt tò-mò của những người ăn lông ở lỗ, đã nhìn lên Trăng và ngạc-nghạc không hiểu Trăng là gì, không biết Trăng từ đâu đến, không biết Trăng đi đâu. Cho đến cả những dân-tộc đã dần-dần văn-minh sớm hơn các dân-tộc khác, trước ta hằng 5000 năm, người Ai-Cập, người Assyriens, người Hy-Lạp, người Ba-Tư, người Tàu, cũng còn sợ Trăng, tôn Trăng làm một Nữ-Thần thiêng-liêng, một vị Chúa-tể hiền-dịu của ban Đêm.

Người đầu-tiên có óc tưởng-tượng táo bạo lên tận cung Trăng, và viết quyển sách thuật lại cuộc du-hành ly-kỳ bí-hiểm ấy, mới sống ở Thế-kỷ thứ III, vào khoảng năm 262 sau J.C., trước ta vừa chẵn 1700 năm. Ông là một nhà Triết-học, vừa là một Thi-sĩ Grec (Hy-Lạp), hơi ươn ươn gàn-gàn, tên là LUCIEN DE SAMOSATE.

TÈ-THIÊN ĐẠI-THÁNH
cũng bay được lên cao, thật cao, trên những Đỉnh núi lạ-lùng, đại-náo Thiên-cung, mà lại không nói đã lên đến đất nước của Hằng

Nga, nơi đây Kinh PHẬT kể chuyện có con Thỏ trắng tu thành đắc đạo, và sách Tàu nói có con Cóc già đã sống được 8000 năm... Thế-kỷ thứ 8, vua MINH HOÀNG nhà ĐƯỜNG không biết đi ngả nào mà đã lên đến Trăng, và được Tiên-nữ Hằng-Nga tiếp đón, thết tiệc vô cùng long-trọng... Thế-kỷ 17, Thi-sĩ Pháp, CYRANO DE BERGERAC cũng mò-mẫm lên Trăng. Trong quyển sách *'Histoire Comique des Etats et Empires de la Lune'* xuất bản năm 1656 (Lịch-sử trào lộng của các Quốc-gia và Đế-quốc Trăng), ông đã kể lại rành - mạch những hồi ký của ông. Thế-kỷ 19, nhà văn Jules Verne cũng có nói chuyện du-lịch «từ Trái-Đất lên Mặt Trăng». Văn-sĩ-Anh, H. G. WELLS, cũng có nói đến cuộc hành-trình lên Nguyệt-Điện. Chỉ có nhà Thơ Việt-Nam TÂN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIỆU gánh thơ lên bán trên chợ Giời, nhưng chúng ta không nghe ông nói có ghé vào nhậu rượu với cô Hằng Nga hay không? Nhà thơ LÝ - THÁI - BẠCH đời Đường, không biết đường lên Cung Trăng, ngồi trên thuyền uống rượu, trông thấy cô Hằng tắm dưới sông, si - mê mà nhảy tòm xuống nước để ôm lấy cô, không dè bị giòng ngân-thủy cuốn trôi đi chết ngẻo.

Kể ra như thế, mới thấy rõ rằng Mặt Trăng đã hấp-dẫn biết bao nhiêu con người tự cổ chí kim! Nhưng, sách vở từ nghìn xưa chẳng qua để lại di-tích những hình trình trong mộng ảo. Con đường không lộ từ cõi trần đầy cát-bụi này lên đến Cung Trăng trắng-nồn trắng-nà kia chỉ trung-bình là 384.000 kí-lô-mét, mà loài người ở trên Trái-đất đã MỘT TRIỆU NĂM rồi vẫn chưa bước chân lên viếng được cô hàng xóm nằm lơ-lửng trên mây.

Cho nên từ xưa, cứ đến đêm Rằm tháng Tám, Hằng-Nga đẹp nhất, sáng nhất, hiện về, bọn phàm-giói chúng ta chỉ đua nhau bày tiệc bánh trái, rượu chè, trên mặt đất để ngâm thơ ngâm vịnh mừng Trăng, ngắm Trăng...

●

NHƯNG Trung Thu năm nay, chúng ta hết muốn bày tiệc bánh tiệc thơ nữa. Hằng Nga đâu còn! Bao nhiêu thi-văn từ xưa còn để đồng trên tao-đàn, chỉ là những bức tranh thêu dệt, sương gió mĩa-mai, phai hình, nhạt bóng.



Youri Gagarine

Khoa-học đã làm chúa-tể trên không-gian. Trí-óc tiến bộ của loài người đã vượt qua 384.000 kí-lô-mét.

Sau bao nhiêu lần bay thí nghiệm của các vệ-tinh nhân-tạo Mỹ và Nga, TRUNG-THU năm KỶ-HỢI, 10 giờ đêm, 2 phút, 24 giây, ngày 13-9-1959, vệ-tinh LUNIK II đã đổ bộ lên Trăng, giữa một cánh gò khô-khan, lôm-chôm đá và đá...

Ngày 6-10-1959, hồi 15 giờ 16 phút, LUNIK III bay kề Mặt Trăng, chụp hình được phía bên kia của mặt trăng mà từ xưa đến nay chưa hao giờ chúng ta trông thấy.

Ngày thứ Tư 12-4-1961 YOURI GAGARINE, người đầu tiên đã ngồi trên

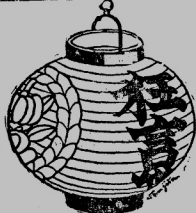
phi-thuyền vũ-trụ (cosmonaute) bay trên tầng trọng lực (302km.) và vòng quanh Trái Đất chỉ trong 108 phút, không đầy 2 tiếng đồng hồ. Kể đó, đầu tháng 5, đến lượt Alan SHEPARD...

Hai cuộc bay trên phi-thuyền vũ-trụ là bước đầu của con người lên trên trọng-lực (pesanteur) và cả hai đều thành-công. Nếu không có chiến-tranh, để các cuộc thí-nghiệm có thể tiếp-tục được hoàn-hảo, thì chắc-chắn không bao lâu nữa (nhiều người tin-tưởng rằng chỉ trong một vài năm nữa thôi) con người sẽ có thể đổ-bộ thật-sự lên Trăng.

Trung-Thu, nhìn Trăng, chúng ta chỉ mơ-tưởng đến biển-cổ trọng-đại ấy. Mặt Trăng ngày nay không còn của Thi-nhân nữa, mà là Trăng của Khoa-học rồi vậy! Chúng tôi để số báo Trung Thu này ghi kỷ-niệm đầu tiên của mùa Trăng Khoa-học.



Alan Shepard



ĐÊM TRUNG THỰC KHẮP CÁC MIỀN TRUNG QUỐC

L. T. S. : Bạn THINH-QUANG, là một người Trung-Hoa, vừa mới nhập quốc - tịch Việt-Nam. Dĩ nhiên, bạn thông-suốt chữ Hán, nhưng bạn viết Việt-văn cũng thạo. Dưới đây là bài của bạn Thinh-Quang nói về một vài phong-tục lạ về Tết Trung Thu ở mấy tỉnh bên Tàu...

PHỒ-THÔNG



Cứ mỗi lần lá vàng rơi nhẹ-nước lặng giữa sông hồ, sương trong bao mờ đỉnh núi, là chúng ta lại nhớ đến cái đẹp mùa Thu mà ĐỖ-THIỆU-LĂNG đã gửi về LÝ-BẠCH :

Lương Phong khởi Thiên mạc
Quân tử ý như hà ?
Hồng nhan kỷ thời áo ?
Giang hồ thu thủy đa

(Thiên mạc hoài Lý-Bạch)

★ THINH-QUANG

Nhà thơ Phương - Đình đã dịch :

*Gió vèo năm hồ hết
Ý quân-từ ra sao ?
Hồng nhạn bao giờ lại
Sông hồ nước thu cao...*

Mùa thu... hiện thân cho vẻ đẹp vừa mơ màng, vừa huyền diệu mà cũng vừa có một "tiểu-sử" của cái Tết nằm trong lòng mùa thu, cảnh thái độ hòa mình trong một màu vàng nhạt.

Người dân Trung-Quốc quý Trăng Thu như quý đêm Trừ tịch. Họ chuẩn bị từ hàng tháng trước để rồi tung ra tận hưởng suốt đêm Rằm.

Trung-thu-Tiết (1) có màu sáng vàng, có trăng xanh bạc mà trần gian đã tìm thấy nó từ thời «xuân thu chiến-quốc» xa xưa...

Thuở «Trăng riêng của cửa nhà Vua» ấy, chỉ có triều đình Hoàng-tộc mới có quyền tận hưởng.

Cho mãi đến đời Đường, quyền hạn ích kỷ ấy chấm dứt, và từ đạo ấy ngoài dân gian mới có quyền thưởng nguyệt, ở điền viên.

Tuy nhiên, tục-lệ «bái nguyệt»

chỉ thịnh hành ở vào đời nhà Tống.

Đa số các tiệc «thưởng nguyệt canh» đều thiết ở các ven hồ cảnh đẹp, hoặc bên những giòng sông dề vừa ngắm cảnh trăng tròn tháng 8, vừa xem hàng vạn chiếc đèn hoa bằng giấy muôn màu lừng lờ trên giòng sông, ve-vãn nó đùa bên ánh nguyệt đang tắm mình dưới lòng sông xanh thẳm.

TÔ THỨC, xưa kia đã mô tả cảnh đẹp huyền-diệu ấy trong đoạn *Tiền-xích-bích phú* sau một đêm thưởng nguyệt đêm thu :

«Duy giang thượng chi thanh phong dữ sơn giang chi minh nguyệt, nhi đất chi nhi vi thanh, mục ngụ chi nhi thành sắc ; thử chi vô cảm, dụng chi bất kiệt.

«Thị tạo vật chi vô tận tàng giả, nhi ngộ dữ từ chi sở công thích khách hi nhi tiểu, tẩy trần cánh chước. «Hào hải ký tận, bôi bằng lang tạ, tương dư trầm tịch hồ chu trung, bất tri đông phương chi ký bạch».

Có nghĩa là :

(1) Chữ «Tết» của Việt-nam, là do chữ «Tiết» của Tàu.

thêm ra đêm «Truy nguyệt».

«Truy nguyệt» có nghĩa là «đuổi theo trăng» để tận hưởng những cái gì đẹp đẽ mà đêm rằm họ vẫn còn chưa nhận trọn.

Sự dụng ý của đêm «truy nguyệt» chính là... đêm mà các cô gái xuất giá từng phu, sau đêm rằm cùng gia-đình chồng «vui trăng» đều phải trở về quê mẹ để dự lễ «Đuổi bóng chị Hằng» vào đêm 16.

Thật ra, đêm «Truy nguyệt» chỉ áp dụng cho các cô gái vừa «ôm của hồi môn» lên xe hoa mới về nhà chồng... chứ đối với các «phu nhân năm bảy lữa» nó không còn ý nghĩa... thâm thúy nữa.

Theo sách «Kim Linh Tuế Thời» đã viết :

«Truy nguyệt có tính chất biểu hiệu cho sự đoàn tụ, đối với gái xuất giá, nó không có giá trị đối với phái Nam tử».

Cũng theo «Kim Tinh Tuế Thời» thì phong khí của đêm truy nguyệt này hiện đang thịnh hành ở đất Giang-Nam và ngay cả trong đất Quảng-Đông, Trùng-Khánh và tỉnh Phúc-kiến nữa.

● BA TIÊU LỤC CÚNG, vị Hoàng-thượng si-tình.

Tục truyền theo Thần Thoại của Thổ dân miền núi Mãn Châu, họ bảo rằng : chính BA TIÊU LỤC CÚNG, ông Thần thân cao hai thước, có 3 sừng trên trán và 2 mắt trắng chột, chính là thằng Cuội ở gốc cây Đa bị đẩy xuống cõi trần chẵn bảy Ma quý.

Cứ theo «Mãn châu thần thoại» thì vị thần «Ba Tiêu Lục Cúng» mà các chùa người Trung-Hoa ở Hoa Nam hay thờ cúng là một vị Hòa Thượng... đa tình, không phải đa tình với người trần có thân hình ảo lả, mà với chị Hằng Nga ở trên mặt Nguyệt.

Vị Hòa Thượng này đã nhờ một đạo sĩ đưa lên cung Trăng giữ làm một đứa chăn trâu dê... được trộm xem tận mắt vẻ diễm kiều của Hằng Nga tiên-nữ.

Và khi tội nguyên được ngẫm người đẹp cung Trăng, vị Hòa Thượng nọ ngẩn-ngơ si-mê, và một đêm kia liều-linh lên chùa vào cung cấm của cô Hằng. Sự việc bị phát giác, Hằng Nga trình tâu cùng Thượng Đế và vị Hòa Thượng nọ bị cấm cho 3

sừng nhọn và dày về nhân thể đề
chấn Ma chuộc tội.

Tin theo thuyết Thần Thoại
này, người Thờ dân miền núi
Mán châu, mỗi khi làm lễ « Bái
nguyệt » đều có dựng tượng Thần
BA TIÊU LỤC CÚNG và... đặc
biệt là chỉ cho vị này xơi vài...
nải chuối, ít nắm xôi và hai tô
muối mặn!

★ ĐOÀN SƠN NỮ ★
★ KHỎA THÂN ★
★ BÁI NGUYỆT ★

Tiết Trung-thu không riêng biệt
gì cho miền trung-châu mà cả
một ít sắc dân miền núi cũng
« ăn » cò-lệ này.

Đối với thờ dân đình Thái-
son, họ xem trăng không phải là
cô Hằng Nga, mà là một vị thần
có 3 đầu 6 tay, miệng phà ra lửa
và... dưới chân Thần có hàng
vạn gái tơ. Do đó, vào những
đêm trăng Trung Thu, họ tổ
chức cúng tế linh đình. Họ cũng
có những ông thầy tu, họ tế hàng
trăm trâu, hàng ngàn cân rượu.

Một đặc điểm là... hàng
trăm cô gái hơ hớ đào xuân,
lò lờ nhún nhảy, múa hát
suốt đêm dưới ánh trăng
tăm do một thiếu phụ đẹp nhất

vùng đứng ra điều-khiển.

Các cô sơn nữ lỏa thể, sau
một đêm « ca vũ » ấy, được nhân
dân tôn thờ làm nữ thần trong
10 hôm sau ngày rằm tháng 8.

Suốt trong 10 hôm, dân chúng
trong làng luôn luôn phải thay
phiên nhau tế lễ các cô vũ-nữ
kia mà họ bảo là vợ chính thức
của « Thần Trăng » và được
Thần Trăng ủy nhiệm đại diện
cho người suốt tuần trăng của
mùa tháng 8.

Các sắc thờ dân khác ở giáp
ranh Mông-Cồ, Cao-ly, cũng
đều có những tục lệ Tế Trăng
na ná giống như dân ở miền núi
Thái-son.

Duy chỉ ở miền Bắc Ngoại
Mông, sơn nhân vùng này có
giống người, hàng năm bắt một
trinh nữ do sự bầu cử của dân
chúng, buộc tắm rửa sạch sẽ, đặt
lên chiếc bàn đề tế Thần Trăng.

Sau khi tế xong, họ đặt Trinh
nữ nọ trên một đống củi cao lối
10 thước làm phép hỏa thiêu.

Gia đình nào được điểm phúc
có người Trinh nữ Tế Trăng sẽ
được cử lên chức Tù-Trưởng.

Đĩ nhiên là mỗi năm đều có
sự thay đổi, ở chức vị này.

thêm ra đêm «Truy nguyệt».

«Truy nguyệt» có nghĩa là «đuổi theo trăng» để tận hưởng những cái gì đẹp để mà đêm rằm họ vẫn còn chưa nhận trọn.

Sự dụng ý của đêm «truy nguyệt» chính là... đêm mà các cô gái xuất giá từng phu, sau đêm rằm cùng gia đình chồng «vui trăng» đều phải trở về quê mẹ để dự lễ «Đuổi bóng chị Hằng» vào đêm 16.

Thật ra, đêm «Truy nguyệt» chỉ áp dụng cho các cô gái vừa «ôm của hồi môn» lên xe hoa mới về nhà chồng... chứ đối với các «phu nhân năm bảy lửa» nó không còn ý nghĩa... thâm thúy nữa.

Theo sách «Kim Linh Tuế Thời» đã viết :

«Truy nguyệt có tính chất biểu hiệu cho sự đoàn tụ, đối với gái xuất giá, nó không có giá trị đối với phái Nam tử».

Cũng theo «Kim Tinh Tuế Thời» thì phong khí của đêm truy nguyệt này hiện đang thịnh hành ở đất Giang-Nam và ngay cả trong đất Quảng-Đông. Trùng-Khánh và tỉnh Phúc-kiến nữa.

● BA TIÊU LỤC CÚNG, vị Hoàng-thượng si-tình.

Tục truyền theo Thần Thoại của Thờ dân miền núi Mãn Châu, họ bảo rằng : chính BA TIÊU LỤC CÚNG, ông Thần thân cao hai thước, có 3 sừng trên trán và 2 mắt trắng chột, chính là thần Cuội ở gốc cây Đa bị đẩy xuống cõi trần chốn bầy Ma quỷ.

Cứ theo «Mãn châu thần thoại» thì vị thần «Ba Tiêu Lục Cúng» mà các chùa người Trung-Hoa ở Hoa Nam hay thờ cúng là một vị Hòa Thượng... đa tình, không phải đa tình với người trần có thân hình ảo là, mà với chị Hằng Nga ở trên mặt Nguyệt.

Vị Hòa Thượng này đã nhờ một đạo sĩ đưa lên cung Trăng giữa làm một đứa chăn trâu dề, được trộm xem tận mắt vẻ diễm kiều của Hằng Nga tiên-nữ.

Và khi tội nguyên được giảm người đẹp cung Trăng, vị Hòa Thượng nọ ngẩn-ngơ si-mê, và một đêm kia liêu-linh lên chùa vào cung cấm của cô Hằng. Sự việc bị phát giác, Hằng Nga trình tâu cùng Thượng Đế và vị Hòa Thượng nọ bị cạm cho 3

sừng nhọn và dày về nhân thể dễ chán Ma chuộc tội.

Tin theo thuyết Thần Thoại này, người Thổ dân miền núi Mãn châu, mỗi khi làm lễ « Bái nguyệt » đều có dựng tượng Thần BA TIÊU LỤC CÚNG và... đặc biệt là chỉ cho vị này xoi vãi... nải chuối, ít nải xôi và hai tô muối mặn!

★ ĐOÀN SƠN NỮ ★
★ KHỎA THÂN ★
★ BÁI NGUYỆT ★

Tiết Trung-thu không riêng biệt gì cho miền trung-châu mà cả một ít sắc dân miền núi cũng « ăn » cỗ-lễ này.

Đối với thổ dân đình Thái-sơn, họ xem trăng không phải là cô Hằng Nga, mà là một vị thần có 3 đầu 6 tay, miệng phả ra lửa và... dưới chân Thần có hàng vạn gái tơ. Do đó, vào những đêm trăng Trung Thu, họ tổ chức cúng tế linh đình. Họ cũng có những ông thầy tu, họ tế hàng trăm trâu, hàng ngàn cân rượu.

Một đặc điểm là... hàng trăm cô gái hơ hơ đào xuân, lả lả nhún nhảy, múa hát suốt đêm dưới ánh trăng rằm do một thiếu phụ đẹp nhất

vùng đứng ra điều-khiển.

Các cô sơn nữ lả thề, sai một đêm « ca vũ » ấy, được nhân dân tôn thờ làm nữ thần trong 10 hôm sau ngày rằm tháng 8.

Suốt trong 10 hôm, dân chúng trong làng luôn luôn phải thay phiên nhau tế lễ các cô vũ-nữ kia mà họ bảo là vợ chính thức của « Thần Trăng » và được Thần Trăng ủy nhiệm đại diện cho người suốt tuần trăng của mùa tháng 8.

Các sắc thổ dân khác ở giáp ranh Mông-Cò, Cao-ly, cũng đều có những tục lệ Tế Trăng na ná giống như dân ở miền núi Thái-sơn.

Duy chỉ ở miền Bắc Ngoại Mông, sơn nhân vùng này có giống người, hàng năm bắt một trinh nữ do sự bầu cử của dân chúng, buộc tắm rửa sạch sẽ, đặt lên chiếc bàn đề tế Thần Trăng.

Sau khi tế xong, họ đặt Trinh nữ nọ trên một đống củi cao lối 10 thước làm phép hỏa thiêu.

Gia đình nào được điểm phúc có người Trinh nữ Tế Trăng sẽ được cử lên chức Tù-Trưởng.

Dĩ nhiên là mỗi năm đều có sự thay đổi, ở chức vị này.



Tết Trung-Thu ở Trung-quốc đều có một lối thưởng nguyệt cách biệt, tùy mỗi vùng, mỗi giai cấp, mỗi tục lệ của mỗi sắc dân.

Người ta có thể thấy rõ ở giai cấp quan quyền, giàu có, đêm « thưởng nguyệt canh » của họ ngoài sự đoàn viên của gia-dình, còn là ngày « phô trương sức mạnh giàu sang quyền quý của mình trong thiên hạ ».

Giới thương nhân là một « ngày hối lộ » họ có thể tặng hàng

vạn chiếc bánh cho những người... trực tiếp mang lại cho họ những quyền lợi thiết thực.

Đối với Nông dân, là ngày « cầu nguyện chị Hằng và Trời Đất ban phước lành cho họ trong vụ mùa năm tới ».

Và... với các sắc dân man rợ ở dọc theo các ven núi, rừng sâu lại là dịp để họ... cầu cạnh Thần núi, quý rừng v.v..

Đối với thanh niên Nam nữ, Trung-Thu là tượng trưng mùa Mơ-mộng của Tình-yêu...



★ Trái đất không quan trọng

Nhà bác-học Einstein nói :

« Ở giữa vũ-trụ bao la không bờ bến, trái Đất của chúng ta bé nhỏ quá, bé nhỏ quá cho nên giá-sức nó có biến mất đi nữa, cũng không quan trọng gì.

★ B.B.

Một nữ sinh ở Paris tìm mình tình Martine Carol để xin hai chữ ký. Martine Carol ngạc-nhiên hỏi :

— Cô xin làm gì đến hai chữ ký ?

— Dạ, tôi phải có hai chữ ký Martine Carol mới đổi được một chữ ký của Brigitte Bardot.

Y.

mùa thu cũ



TH U năm nay Lân lại đi trên con đường vắng này, lòng xót-xa nhớ lại một hình ảnh cũ. Đi bên anh, Thủy vẫn cảm lạnh. Đôi mắt người con gái sầu vời-vội.

Cứ mỗi lần gió heo may bắt đầu thổi, lá xanh biến đổi màu, Lân lại cùng Thủy dắt nhau tới nghĩa-trang để thăm mộ Thanh, chị ruột Thủy.

Sau khi đặt bó hoa tươi mát xuống đầu mộ, Lân chậm bó nhang thơm. Lửa bùng lên rồi tắt ngúm, những chiếc lá vàng chạy lao-xao trước gió lộng. Thủy vội lấy nón che khuất gió để Lân châm lửa. Anh cầm nhang trên

★ HOÀNG-THẮNG

mộ rồi đứng lặng, mắt chăm chú nhìn những đốm lửa rung rinh theo chiều gió.

Có tiếng nước nở. Liếc nhìn Thủy, anh thấy đôi vai nàng rung nhẹ. Thủy khóc.

Lân nhẹ thở dài. Mỗi lần thấy Thủy khóc, anh lại nhớ tới lá thư ký-thác của người đã khuất.

Điêu Thủy ra băng đá ngồi, Lân lấy khăn lau nước mắt cho nàng rồi dịu dàng nói :

— Thôi, Thủy nín đi. Lần này chúng ta nên về sớm đừng chờ tới lúc tàn lửa nhang nữa. Trời bữa nay lạnh đấy.

Thủy ngược nhìn anh lặng lẽ gạt đầu, mắt còn mờ hơi nước.

Cả hai chậm chậm bước trên con đường hiu hắt, thỉnh thoảng từng chiếc lá rơi lảo đảo xuống bờ cỏ.



Sau khi xem qua căn gác trọ, Lân đã ưng thuận ngay ; dù bà chủ nhà có cho hay về buổi trưa căn buồng này cũng nóng lắm đấy.

Sở dĩ Lân không chú ý lắm tới vấn đề đó vì anh thấy căn nhà này rất tiện cho anh — gần nơi sở làm việc — như vậy, anh không tốn một đồng nào về tiền xe, dù chỉ là xe buýt rẻ tiền.

Mỗi khi chiều về, Lân thường ra bao lan ngồi chơi hóng mát cùng thành thoi nhìn những người qua lại — hầu hết là những khuôn mặt quen thuộc đã đi đi lại lại hàng ngày. Nhưng nhiều khi anh cũng cảm thấy khó chịu khi nhìn thấy những đám khói xám xám từ những ống khói đầu máy xe lửa phía nhà ga tuôn lên trời rồi theo làn gió tung bụi đi khắp chỗ.

Đối chiếu với chiếc bao lan căn gác trọ là căn gác xép, ván

gỗ nhẵn bóng, cửa sổ chỉ là miếng lưới mắt cáo đóng chặt vào tường cốt để cho căn buồng có ánh sáng và có gió lùa vào.

Một buổi chiều, khi đi làm về, Lân đã ngỡ ngàng thắc mắc khi nhìn thấy một người con gái ngồi bên cửa sổ.

« Trời, giống Thủy em ừa Thanh quá ! » Lân đã kêu lên khi nhìn thấy người con gái.

Trong khi Lân băn khoăn vì khuôn mặt hình như quen thuộc thì người con gái bất chợt ngừng đầu lên và bắt gặp anh đang nhìn nàng.

Người con gái cũng bối ngỡ khi thấy anh. Đôi mí mắt nàng chớp nhanh, lưới liếm môi như nghĩ tới một hình ảnh quen thuộc. Rồi, nàng reo to lên, tay rỳ mạnh lên tấm lưới mắt cáo :

— Anh Lân ! Có phải anh là anh Lân không ?

Lân vội gạt đầu hỏi lại :

— Còn em là Thủy ?

Thủy gạt đầu :

— Anh ở đây lâu chưa ?
Mấy năm xa cách rồi đấy anh nhỉ ?

— Thủy chóng lớn quá nhỉ !

Mới ngày nào ở Nam-dịnh... Có lẽ bây giờ em cũng mười-tám, mười-chín rồi đấy... à, còn chị Thanh đâu em?

Nét mặt tươi vui của Thủy đột biến nhanh. Đôi mắt nàng tối xăm lại.

— Chị em mất rồi!

Lân kêu lên:

— Trời! Thanh mất bao giờ?

Thủy lắc đầu không nói. Nàng thút thít khóc. Lân bồn chồn vội gọi Thủy, kêu nàng sang bên anh để hỏi rõ chuyện.

Lân miên man nghĩ ngợi. Anh nhớ tới người yêu năm cũ, những ngày xa nhau, bao nỗi nhớ nhung. Giờ đây...

— Anh Lân!

Lân giật mình khi nghe có tiếng gọi. Thủy đứng trước mặt anh, mắt còn đỏ hoe.

Lân vội hỏi:

— Thủy, chị Thanh mất rồi ư? Sao lại có thể thế được nhỉ? Tại sao chị Thanh mất? Vô lý quá!

— Vâng, vô lý thật đấy vì chị Thanh hãy còn trẻ phải không anh?

Lân nắm tay Thủy lay mạnh:

— Chị Thanh mất bao giờ hả em?

Thủy đáp qua giọng nức:

— Chị em mất đã được năm tháng nay rồi anh ạ.

Chợt Thủy ngừng mặt nhìn Lân hỏi nhanh:

— Em quên mất, từ lúc gặp anh tới giờ em chưa hỏi anh đã được mấy cháu rồi.

— Chưa em ạ!

Thủy ngừng thơ hỏi lại:

— Tại sao vậy?

— Vì anh sợ mất tự-do nên anh không muốn lấy vợ.

— Chưa không phải vì...

Đang nói, Thủy ngừng lời rồi ấp úng hỏi tiếp:

— Tại sao vậy?

— Đời sống của cá nhân mình còn chưa lo xong, anh đâu dám nghĩ tới chuyện xây dựng được.

— Chẳng lẽ anh cứ sống cô độc thế này mãi sao? Nhớ ra có lúc đau ốm, ai săn sóc cho anh? Nếu em không nhớ lầm, anh cũng gần ba-mươi rồi còn gì!

— Đúng! Anh đã ba-mươi rồi nhưng vì chưa có gì vĩnh

viễn bào đảm cả, nên anh đành chịu cô độc vậy còn hơn là lo méo mặt khi gia đình bị thiếu hụt.

— Sao anh bị quan thế ? Nghe anh nói em thương anh quá !

Lân nghĩ thầm «mình đã nhiều lần nghe Thanh nói câu *Em thương anh quá !* bây giờ lại tới lượt cô bé này». Và cũng từ lúc này, anh không dám coi Thủy như là một cô em gái nhỏ nữa.

Cả hai cùng im lặng trong tiếng ồn ào của lối ngõ. Đều phá tan sự im lặng nặng nề đó, Lân vội gọi khẽ :

— Thủy !

Cô gái từ từ ngừng đầu lên nhìn anh đáp nhẹ :

— Dạ !

— Anh cảm ơn em đã nghĩ tới anh nhưng em... em hãy nói cho anh nghe về những ngày cuối cùng của chị Thanh đi. Tự này giờ chúng ta đã nói nhiều về mình quá rồi.

— Chắc anh còn nhớ, lần đầu tiên khi anh nhận ra chị Thanh và em ở trước nhà anh hồi năm 1950. Khi đó, chị Thanh đã lấy chồng

và anh rề của em lại là ngoại nhân. Em khỏi phải nói lại anh cũng còn nhớ là chị Thanh đã nói cho anh hay tại sao chị phải lấy viên quan hai Pháp đó. Nếu chị Thanh không lấy hẳn, chị đã bị lũ giặc hiếp rồi khi chúng tràn về Hùng Phú. Dù hồi đó em còn nhỏ, nhưng những hình ảnh khủng khiếp ấy vẫn chưa mờ hẳn trong trí nhớ của em.

Em biết chị Thanh buồn lắm, nhất là lúc gặp lại anh. Nhưng biết làm sao được nữa.

Cho tới khi quân đội Pháp rút vào Nam, chị Thanh cũng phải theo chồng vào ở Saigon, rồi chồng chị về Pháp.

Vì buồn cho tình duyên, cho số phận, sau nữa không biết anh ở lại hay vào Nam, chị em nhuốm bệnh nặng.

Trước khi mất, chị Thanh có viết cho anh một lá thư. Chị có nói với em : « Dù không rõ anh Lân ở lại hay có vào trong Nam, nhưng em cũng phải giữ gìn cẩn thận lá thư này cho anh ấy; dù anh Lân đã có vợ con rồi ! »

Ngưng một chút, Thủy định nói thêm nhưng lại thôi. Lân bần thần hỏi :

— Vậy thư đó em để đâu ?
 Nhìn thẳng vào mắt Lân, Thủy
 nghiêm giọng hỏi :

— Anh có thể ra thăm mộ
 chị Thanh được không ?

Lân gật đầu :

— Sao lại không ?

...Sau khi thăm mộ Thanh rồi.
 Thủy mới trao lá thư của người
 đã khuất cho anh. Khi nhận lá
 thư, Lân thấy người con gái
 như ngập ngừng e lệ. Anh không
 biết gì cả, lặng lẽ mở thư ra coi.

Anh Lân mến !

*Em biết em không qua khỏi
 cơn bệnh nặng nên vội viết lá thư
 này cho anh.*

*Em không hiểu hiện giờ anh ở
 đâu nhưng em cũng cứ viết vì em
 biết trong một khoảng thời gian
 nào đó, Thủy sẽ gặp anh để trao
 cho anh lá thư vĩnh biệt này.*

*Anh ơi ! Em yêu anh lắm
 nhưng định mệnh đã bắt hai chúng
 ta phải xa nhau vì hoàn cảnh ngang
 trái.*

*Trước khi em mang bệnh, em
 đã được tự-do nhưng anh ơi, anh
 ở đâu mà không tìm lại với em ?*

Bây giờ thì muộn mất rồi !

*Khi em chết đi, chỉ còn có một
 mình em Thủy với cuộc sống. Thủy
 nó còn khờ dại lắm, phải có anh ở*

*bên cạnh nó để thay em săn sóc nó,
 dẫn dắt nó trên đường đời. Đó
 là ý nguyện mong muốn độc nhất
 của em.*

*Em chắc rằng anh cũng bằng
 lòng nhận trọng trách nặng nề này
 phải không anh ?*

*Nơi chín suối, em sẽ nở nụ
 cười mãi nguyện khi thấy Thủy
 luôn luôn ở bên cạnh anh.*

Người em bạc phước của anh.

THANH

Đọc xong thư, Lân đã hiểu rõ
 lý do tại sao Thủy đã e lệ ngập
 ngừng khi trao thư của Thanh
 cho anh.

Gập lá thư lại, Lân nhắm
 mắt nói khẽ như muốn nói riêng
 với hình bóng mơ hồ của Thanh
 như đang lờn vờn bên anh:

— Thanh ơi, tình của chúng ta
 đã mất. Vì em anh nguyện sẽ
 săn sóc Thủy thay em.

★

Trên con đường hiu hắt, Lân
 chậm chạp bước, du hẩn vào
 những mùa thu năm cũ, mùa thu
 thương nhớ. Lá vàng lá tả rơi,
 là cuộc sống. Bên anh, Thủy vẫn
 cặm lặng, đôi mắt còn đỏ hoe.

Lân nhắm mắt lại nói thầm :

— Thanh ơi, vì em anh nguyện
 săn sóc Thủy thay em !

NGUYỄN-DU

★ *Thi-Sĩ của mùa Thu*

★ *Thi-Sĩ của ngàn Thu*



T R O N G truyện
Kiều những đoạn buồn
phần nhiều là những
đoạn tả tình, tả cảnh về mùa Thu.

*Vì ló xan xát hơi may,
Một trời thu để riêng ai một
người.*

*Dặm khuya ngất lạnh mù khơi,
Thấy trăng mà thẹn những lời
non sông.*

*Rừng thu từng biếc chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng
thần hôn.*

*Đêm thu khắc lặn canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm
 gương.*

Đêm thu gió lọt song đào,

★ **THIỆU-SƠN**

*Nửa vành trăng khuyết, ba sao
giữa trời.*

.....

★

Ngoài Truyện Kiều, Nguyễn-Du còn sáng tác nhiều bài thơ bằng chữ Hán. Trong những bài này xuất-sắc nhất là những bài làm khi đi sứ sang Tàu. Có bài tứ-tuyệt « cảm thu » như sau :

*Giang thượng Tây phong một
diệp hy,*

*Hàn thiên chung nhật tảo cao
chì.*

*Kỳ-trung tự hữu thanh thương
điệu,*

Bất thị sầu nhân bất hứa tri.

Cụ Bùi-Kỷ đã dịch :

Gió thổi đầy sông lá rụng rào,

Tiếng ve inh ỏi, ngọn cành cao.

*Thanh thương điệu lẫn đâu trong
đó,*

*Người nếu không buồn dễ biết
sao ?*

Trong cảnh gió thu thổi, làm cho lá rụng đầy sông mà nghe tiếng ve kêu thì thật là buồn thảm.

Nhưng trong tiếng ve kêu, nhà thi-sĩ còn nhận ra được điệu thanh-thương là điệu buồn hơn hết trong ngũ-âm. Và còn nói thêm rằng phải là « sầu nhân » mới nhận ra được âm - điệu đó. Nhà thi-sĩ tự cho mình là «sầu-nhân» với một tâm-trạng u-buồn đặc-biệt của một trung-thần mà phải thờ hai chúa, của một trinh-nữ mà phải chịu hai chồng. Chỉ những người như thế mới hiểu được tiếng ve và hiểu được mùa Thu.



Chẳng những hiểu được mùa Thu mà cụ Tiên-Điền còn hiểu được ngàn thu. Qua Tương-

Đàm cụ nhớ tới Khuất-Nguyên, tác-giả bài Ly-Tao, người đã trầm mình ở sông Mịch-La trên hai ngàn năm về trước, Khuất-Nguyên đã làm hiến-lệnh dâng vua Sở để theo đó mà trị dân. Hiến-lệnh ban - hành nhân - dân ca-ngợi. Nhưng chẳng được bao lâu thì bị dèm, bị đuổi, tác-giả hiến-lệnh trở thành tác-giả Ly-Tao và tự-trầm với tấm cô-trung để cho người sau phải ngậm-ngùi thương-tiếc :

*Trực giao hiến lệnh hành thiên
hạ,*

Hà hữu Ly-Tao kế Quốc-phong.

Thiên cô thù nhân lên độc-lĩnh,

Tứ-phương hà xứ thác cô-trung ?

Dịch :

Vì bằng hiến lệnh ban thiên-hạ,

Nào có Ly-Tao nối Quốc-phong ?

*Nghìn thù ai thương người độc-
tinh ?*

Bốn phương đâu gởi dạ cô-trung ?

Nguyễn-Du không chết nhưng vẫn giữ vững tấm cô-trung nên mới hiểu rõ nỗi lòng người trước.

Khuất-Nguyên nếu dắc-dụng mà thành-công thì làm sao có thiên Ly-Tao bắt-hủ để nối tiếp với

Quốc-phong của Kinh - Thi ? Nguyễn-Du nếu không gặp ngang-trái thì đã thành một công-thần của triều Lê còn đâu tâm-sự u-buồn mà ký-thác vào một nàng Kiều bạc-mạng ? Cũng như Khuất Nguyên, Nguyễn-Du là con người «độc-tinh» và «cô-trung» giữa chợ đời say mê và đen bạc. Trước kia Giả-Nghị đã làm bài phú viếng Khuất-Nguyên tiếc cho ông sao không đi khắp chín Châu tìm minh-chúa mà thờ, hà tất phải chịu chết một cách oan-uổng như thế.

Nhưng Nguyễn-Du lại làm thơ bác ý-kiến của Giả-Nghị vì cho rằng liệt-nữ không hai chồng thì trung thần không hai Chúa.

Khuất - Nguyên tâm, Tương-giang thủy

Thiên thu, vạn thu thanh kiến đề.

(Lòng Khuất - Nguyên, nước Tương-Giang
Ngàn năm, vạn năm vẫn trong suốt thấy đáy).

Nguyễn-Du còn kết thúc bài thơ bằng 2 câu :

*Vị tất cô nhân tri hữu ngã,
Nhơn trung Tương thủy không du du.*

(Chưa chắc người xưa đã biết là có ta.

Hiện nay trước mắt chỉ thấy dòng sông Tương chảy).

Người xưa đâu không biết là có cụ. Nhưng người sau vẫn sung sướng mà thấy cụ hiểu rõ lòng người xưa trải qua trên hai ngàn mùa thu về trước.



Viếng tượng Tần-Cối ở kế ngay mộ Nhạc-Phi, Nguyễn-Du có những ý-kiến :

Được với trung-thần cùng bất hủ,

Phước trời to lớn lạ lùng thay !

và :

*At bảo thặng này vô công-trạng,
Làm gương vạn-cổ loạn-thần kinh*

Cũng trong chuyến đi sứ này, Nguyễn Tiên-Điền được đọc bài ký truyện nàng Tiểu - Thanh, tự Văn-Cơ là một tài nữ ở đất Quảng Lăng. Nàng sắc đẹp, thơ hay nhưng lại phải làm vợ bé một người học trò, bị vợ lớn hành-hạ nên buồn rầu sanh bệnh rồi chết.

Nàng để lại cho chồng những

bài thơ tuyệt mạng rất hay.

Vợ lớn tìm đốt những hức thơ đó nhưng còn sót lại ít bài không cháy gọi là « phần dư-cảo».

Tiên-sinh đọc bài ký rồi làm một bài thơ thương tiếc người tài sắc và có 2 câu kết như sau :

**Bất tri tam bách dư niên
hậu,**

**Thiên-hạ hà nhân khắp
Tố-Như.**

*Ba trăm năm nữa trong thiên-
hạ,*

*Biết có người nào khóc Tố-
Như ?*

Tính từ Tiều-Thanh đến Tố-Như được 300 năm. Sau 300 năm Tiều-Thanh còn có người thương-cảm là Tố-Như.

Nhưng 300 năm sau nữa rồi tới ai là kẻ khóc Tố-Như ?

Đặt 2 câu trên đây vào bài thơ khóc Tiều-Thanh ta thấy tác-giả khiêm-tốn, thiết-tha và trung-thực với lòng mình.

Tách rời hai câu đó ra ta thấy tác-giả có vẻ như tự-tôn, tự-dại, phần lại cái bản ngã của Nguyễn-Du ?

Người đã kết - thúc Truyện-Kiều bằng 2 câu :

*Lời quẻ góp nhặt dòng đời,
Mua vui cũng được một vài
trống canh.*

quyết không phải là người dăm nghĩ rằng mình đã để lại được một công-trình bất-hủ.

Cũng như phần nhiều văn-nhân thi-sĩ ở Đông-Phương, Tố-Như tiên-sinh làm văn-chương chỉ là đề tiêu-khiển và ký thác nỗi lòng. Cụ mong rằng sau 300 năm còn có người tìm hiểu nỗi lòng của cụ chứ không ngờ rằng mới được trên 1 thế kỷ nay cụ đã thành nên một thi-hào vô-dịch, một ngôi sao bắc đẩu trên vòm trời Văn-học Việt-Nam.

Mà được thế là bởi cụ có một tâm-hồn đặc-biệt trong số những tâm hồn đặc biệt của loài người. Những tâm-hồn này không nhiễm thế-tục, độc-tĩnh và cô-trung nên lúc sanh tiền ít thành-công và cũng ít tri-kỷ.

Nhờ thế mà cụ phân biệt được điệu thanh-hương của tiếng ve và lãnh-hội được tất cả những hình-ảnh và tiết-tấu của mùa Thu. Cụ cảm thu như những kẻ đã cảm thu trước cụ và đã ngủ những

giắc ngủ ngàn thu.

*Bá đồ dân diệt thiên niên hậu,
Cồ mộ hoang lương tam xích thu.
(Tan-lành nghiệp bá nghìn năm
trước,
Hiu-quạnh mồ xưa một năm thu)*

Hai câu này trong bài thơ của cụ Tiên - Điền viếng mộ Phạm-Tăng người đã biết trước rằng Hạng-Vô sẽ thất-bại mà cũng vẫn cứ trung-thành để mang tiếng là ngu.

Cụ Tiên-Điền cảm thấy mình cũng có cái ngu của Phạm-Tăng, của Khuất-Nguyên, của những kẻ ngàn thu còn sống mãi trong ký-ức của loài người.

★ Độc Tiểu Thanh ký ★

(Nguyên tác phiên âm)

Tây Hồ hoa uyển tện thành khư,

*Độc điếu song tiền nhứt chỉ thư.
Chi phẩn hữu thần liên tĩc hậu,
Văn-chương vô mạng lụy phần dư.
Cổ kìm hận sự thiển nan vãn,
Phong vận kỳ oan, ngã tự cư.
Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên-hạ hà nhân khắp Tố Như*

(Nguyễn-Du)

Dịch :

*Vườn cảnh Hồ Tây đám đất tro,
Bên song riêng viếng mấy vần thơ.
Để thương son phấn hồn thiếng
nhỉ !*

*Mang lụy văn chương số hăm ư ?
Cái hận cổ kìm đành thế thế,
Mỗi hồn phong vận cứ khư khư.
Ba trăm năm nữa trong thiên-hạ,
Biết có người nào khóc Tố-Như ?*



★ Làn-quần

Trong giờ địa-lý, thầy giáo hỏi trò A :

- Gió là gì ?
- Dạ, gió là sự chuyển động của không khí.
- Giỏi, nhưng tại sao không khí lại chuyển động ?
- Thưa, tại có gió ạ.

1.- hững thu

Nào biết thu sang tự thưở nào ?
Giữa thu chợt thấy hững thu hào !
Ngâm thơ thưởng nguyệt, tình đưa gió...
Xem trẻ giông đèn, bóng ruồi sao.
Chén cúc người say đầy muốn cạn,
Cành ngô phượng đậu thấp hay cao ?
Lòng ai, ai biết bao vui-sướng ?
— Trăng giãi sông thu, sóng rạt-rào !



2.- trăng

AI trau nên ngọc, chuốt nên vàng ?
Trong vắt lùng mây một tấm gương.
Khắp nước soi chung người lớn bé,
Giữa trời át cả bóng Sâm Thương.
Ơn nhờ cung quế có Hằng sương,
Tiếng ắp cành đa chú Cuội mang.
Cũng muốn lên trăng chơi tỷ-ly,
Còn chờ chắp cánh, tập leo thang !!!

ĐÔNG-XUYỀN

Giấc mộng mùa Thu

*Em thấy thu này thu đắm say,
Lòng em tươi thắm đẹp như mai.
Mắt em chan-chứa tình thơ-mộng.
Vì bởi yêu Anh, Anh có hay ?*

*Em thấy thu này không áng mây,
Trong veo như ngọc, gió hây-hây,
Hồn em như lạc miền thanh-khiết,
Xa hẳn trần-ai thoát kiếp này.*

*Em thấy thu về trên lá hoa, ~
Không rơi, không rụng buổi chiều tà.
Không vì sương khói mà tan-tác,
Ca ngợi tình em gió nhạc hòa.*

*Em thấy thu về vạn mẫn thương,
Long-lanh sáng đẹp đọng cảnh sương.
Một màu trinh-bạch trắng kiêu-diễm,
Em mở hồn em đón sắc hương.*

*Em chẳng về đâu em ở đây !
Vườn mơ em tươi mộng em xây.
Anh tìm chi mãi trong mây gió,
Thanh-thủy suốt tình em ở đây.*

THANH-NGUYỄN

(25-8-61)

TRỞ-TRÊN là ánh trăng Thu

★ Bác-sĩ HOÀNG-MỘNG-LƯỢNG

ĐÊ M hôm ấy là đêm thứ ba của tôi tại Hương - Cảng, gặp đêm Trung-Thu. Đúng hẹn, ông Đổ, bạn tôi đến khách-sạn rước tôi đi chơi.

— Bây giờ bạn định dắt tôi đi đâu đây ?

— Thì bác cứ đi với tôi, sẽ biết, tôi muốn dắt bác một bất-ngờ nơi Hải-cảng này.

— Ở nơi đây, đối với tôi, sự vật đều bất ngờ cả, bạn hãy cho tôi biết đề dự bị.

— Ô hay, người ta đã tính cuộc bất-ngờ mà còn cho bác dự bị thì còn thú gì nữa ?

Xe chạy quanh eo. Tôi có cảm tưởng đang « thính thị » một cuốn phim thời sự. Sóng người trùng trùng điệp điệp. Đủ màu sắc áo-quần, băng-hiệu, phương quảng cáo treo hai bên làm tôi phát loạn mắt. Tiếng còi, động cơ, nhạc radio phóng đại, hòa-tấu với tiếng

xập-xòa, tiếng trống, tiếng kèn, tiếng rao hàng « mại ló ». Tôi không thấy những cỗ bánh phôi bày nhưng tôi bắt được một hương vị đặc biệt nó lọt vào mũi: một mùi không thể tả được: hơi giống như xì-dầu lẫn lộn với hương-quả của Cam, lê, chuối, mùi đặc biệt của xứ này, cũng như mùi cari đặc biệt của Calcutta vậy. Đêm Trung-thu ở giữa chốn phồn hoa, trăng bị che lấp bởi ánh đèn điện. Những sắc thanh hương vị thấm vào não căng, biến-dịch thành một cảm xúc xào-bền hồ-lốn khó nói quá !

Rõ thật là một « Cốc tây » cảm hứng vậy.

— Đã tới nơi rồi, mời bạn theo tôi.

— Từ lâu, phạn-gia chó có gì là « bất ngờ » đâu nào ?

— Không phải, đây là câu-lạc bộ Thi-Họa-Sĩ mà tôi là một sáng

lập hội-viên. Hôm nay là đêm hội hiệp hàng tháng. Các bạn xa gần có đủ mặt.

— Đề ăn nhậu và thưởng thức bóng chày Hằng ?

— Và đề trình bày thi phẩm và họa phẩm của các tài - tử.

Thang máy ngừng lại, trong phòng đã có một nhóm hơn 20 người. Giọng chào vui vẻ đồng phát thanh một loạt, tay Lật, mặt mừng, giới thiệu, cúi đầu, chấp tay trong một bầu không khí tao nhã.

Phòng tiệc rất rộng, trang hoàng theo lối cổ-diễn Trung-Hoa. Trên vách tường, một bộ tứ-bình vẽ thủy mặc. Dựa theo vách, rất nhiều chậu cúc đại-dóa đủ màu. Tám cò cung-dăng treo lồng thòng từ trần nhà xuống. Những bóng đèn điện ở trong chói ra, chỉ rõ các đề-tài vẽ trên kiến : Văn-vương cầu Lữ - Vọng, Phụng-nghi-dinh... Ở giữa phòng, một đỉnh đồng lớn tỏa khói hương trầm nghi-ngút. Xung quanh lò hương, nhiều bộ bàn ghế đề tiếp khách. Ở một góc, có thiết sẵn một dàn nhạc cổ-diễn với 2 cây dương-cầm, vài ống tiêu, một cặp hồ, nhị. Ngoài phòng là một giảng kiến lộ thiên, non bộ, cá

vàng, hoa thơm cỏ lạ với giọt sương lóng lánh trên cành xanh dưới bóng đèn điện. Bạn tôi nói nhỏ với anh bồi, anh bồi ra tắt tất cả đèn ở hiên ngoài. Đèn lui, nhường chỗ cho Trăng, mọi người đều vỗ tay hoan nghênh như chào mừng một giai-nhơn giáng-hạ.

Hội - âm rất náo nhiệt giữa tiếng đàn, giọng hát trong hương-hoa. Thường cũng rượu, phạt cũng rượu, thật là một cơn túy-lúy với Trăng Thu. Xướng họa, ngâm vịnh xong, canh đã khuya, hơi men đã lạt bớt, người ta xúm nhau nói chuyện, có kẻ đi bách bộ ngoài hiên đề thưởng nguyệt.

Bây giờ đến lúc thưởng-thức một họa-phẩm của một họa-sĩ trẻ tuổi trình bày đề làm lễ ra mắt các bậc đàn anh. Hỏi ra mới biết rằng đây là lệ tục của hội THI-HOÀ. Khi hai cánh màn màu vàng mở hé ra, thì người ta thấy một bức tranh lớn cỡ vẽ thủy-mặc một gốc tùng trên đỉnh đồi, có một nhánh tùng dơ thẳng ra trên một tảng đá trọc, như một cánh tay đan ra đề cho phong sương cho tảng đá ấy. Mọi người đều im-lặng xem. Tác-giả, một thanh-niên trạc độ 25 tuổi, đứng

bên cạnh bức họa, hai tay xuôi thẳng, cúi đầu chào :

— Xin quý đàn anh lượng thứ cho các nét bút non nớt bờ ngõ của kẻ hậu sinh này. Chả giám khoe tài, tâm thành xin các bậc đàn anh nhuận sắc và chỉ giáo cho. đa tạ, đa tạ.

Cử-tọa đều làm thỉnh. Ông Đỗ lên tiếng, nhiều người hòa theo. Lẽ tất nhiên không ai dám chê ! Tác giả kéo nài, không dám nhận lời khen. Ông Đỗ lại nói : tôi khen theo con mắt thi-sĩ của tôi chưa đủ, vả lại ở đây, chúng ta cố gắng tìm Chơn-Thiện-Mỹ. Vậy các bạn họa-sĩ kỳ cựu chớ ngại, cứ nói thật. Thế rồi họ đồng quay lại, chỉ vào chỗ một ông già, và la ó lên : Bác Cả, bác không nên quá khiêm tốn, coi chừng đó bác ẹ, khiêm tốn quá-độ tức là thật lùi. Ông này ngồi xa bức vẽ, miệng ngậm ống điếu thật dài, chưa kịp trả lời thì bốn người thanh niên áp tới hề nhau khiêng cả người và ghế, họ khiêng ông ấy lại gần. Một tràng pháo tay. Họa-sĩ già nói : đề tài khéo chọn, nét họa cương trực, khéo tả tánh tình, nhưng tình này cần có bạn mới vui đời !

— Bác dạy rất đúng, vậy con



xin bác sửa lại hộ cho, đó là lời của tác giả, đầu ngúc, chấp tay vái, miệng lấp nháp.

Nhiều tiếng đồng nói : « lời thỉnh cầu của Hà-quân rất chân thành, xin cụ nhận cho ».

Bức họa hạ xuống, trải trên mặt bàn, một người mang bút mực và 1 tập giấy trắng lại, đặt trên một ghế đầu gần bên cạnh. Ông già ngậm đi ngậm lại họa phàm.

quay lại vái họa-sĩ trẻ tuổi một vái. Một người đưa quãng bút đã chấm mực, ông ta cầm và thử bút trên một trang giấy. Đề bút nơi nghiền mực, lấy khăn lau mắt và lau kiến, sửa kiến lại cho vừa tầm mắt, rồi cầm bút vẽ rất nhanh trên họa-phẩm. Vẽ xong, đề hai câu thơ, ký tên, đóng dấu đỏ. Khi bức họa treo lên tường, thì người ta thấy thêm một giấy bím bỏ nơi thân cây với năm chiếc lá lơ-thơ và vài sợi tua như tuồng dương phát phới dưới gió.

Hai câu thơ dịch nôm như thế này :
Có em đây

*Anh hết có lộp
Mưa nắng có nhau
Trăng thanh gió mát đều vui.*



Mười năm về sau, tôi lại được thấy tại Việt-nam một tấm ảnh của bức họa cây Tùng ấy. Ảnh đăng trong một tạp-chí nhan đề « Văn hóa Đông Nam Á ». Người ta ca tụng nó rất nhiều về phương diện mỹ-thuật. Còn tôi, tôi rất hãnh-diện, cái hãnh-diện của một kẻ phàm mà tình - cờ đã được lọt vào một đêm hội — « thi-hoa » bên Trung quốc. Thật là trở trêu. Mỗi độ Trung-thu, ánh trăng sáng nhắc lại cho tôi sự trở trêu bất ngờ ấy.



★ Vay nợ và trả nợ

Tân-nương muốn xin tiền chồng, nhưng còn rụt re, suy-nghĩ một chập lâu, cô bèn đánh bạo nói :

— Anh cho em mượn hai trăm nhé, nhưng chỉ đưa cho em một trăm thôi, còn một trăm em gởi lại đó.

Chồng hỏi : — Nhưng tại sao gởi lại một trăm chứ ?

Vợ thân-nhiên trả lời : — Thì em mượn anh một trăm và có gởi anh một trăm đó là để trả nợ một trăm kia.

HUYỀN ANH KIỆT

TUẤN.

★ NGUYỄN-VŨ

CHÀNG TRẠI 1910 NƯỚC VIỆT 1960

*Dân chúng lịch sử
và xã hội hiện đại*

(Tiếp theo P. T. số 64)

TRONG giờ Sử-ký Pháp, nhưng là giờ chót của niên - khóa 1915 - 16, chương - trình học đã hết rồi, và còn hai hôm nữa là nghỉ hè, học-trò lớp Đệ-nhất-niên đang ngồi nghe một Giáo-sư Pháp kể chuyện Pháp - Đức chiến tranh... Ông công kích nước Đức thậm-tệ, chửi nước Đức là một nước thù địch của cả Âu châu và Thế giới, dân Đức là một giống người dã-man, tàn-bạo, cho nên các nước Văn-minh không gọi người Đức là *Allemands*, mà gọi là *Boches*, một danh-từ khinh miệt, nguyên rủa... Rồi ông chê quân lính "Boches" đánh-giặc thua Pháp, bị quân đội Pháp giết chết vô-số kẻ. Ông khoe dân-tộc Pháp anh-hùng, ái-quốc, nhưng vẫn bác ái, nhân đạo, v.v...
Bỗng có tiếng giầy tây đi dộp

độp sần đến lớp Đệ-nhất-niên... Giáo-sư và cả học-trò đã quen tiếng giầy của ông Đốc-học, người Pháp. Đúng là ông. Nét mặt hăm-hăm, ông đi vào lớp. Giáo-sư và học-trò đều đứng dậy. Ông bảo ngồi xuống. Bỗng ông lớn tiếng hỏi :

— Đứa nào là *Tran-an-Tuan*?

Trần-Anh-Tuấn tái mặt, đứng dậy. Ông đưa một ngón tay trỏ ngoắc Tuấn lên :

— Viens ! (Lên đây !)

Cả lớp đều im phăng-phắc, ai nấy đều sợ run, cúi mặt xuống bàn, không dám ngó nét mặt sắt đá của ông *Directeur* (Đốc học). Tuấn rụt-rè từ dưới bàn bước lên đứng trước mặt ông. Ông trợn trắng đôi mắt nhìn dữ-tợn vào mặt Tuấn :

— Mày là phe-dàng của Duy-Tân phải không ? Hả ?

Tuấn bối-rối không kịp trả lời thì bị ông đưa bàn tay đầy lông đen-xì tát vào má Tuấn một bạt tay này lửa. Tuấn liềng-xiềng muốn ngã.

Ông *Directeur* chỉ vào mặt Tuấn :

— Mày coi chừng ! Nếu mày nghe lời dụ-dỗ của tụi côn-dồ, tao sẽ cho mày đi ở nhà-pha, (1) mày nghe không ? Tao sẽ viết thư cho ông Công-sứ tỉnh mày để báo cho ông ấy biết rằng mày là một cái đầu óc xấu-xa (*un mauvais esprit*) (2)

Ông đuổi Trần-anh-Tuấn xuống chỗ ngồi. Xong ông diễn-thuyết một hồi cho cả lớp nghe :

— Tụi mày biết Duy-Tân là ai không ? Nó là một thằng con nít ranh, một nhãi-con kém giáo-dục. Nó nhờ nước Pháp đặt nó lên chiếc Ngai vàng của ông-bà nó, thế mà nó không biết ơn nước Pháp, nó toan làm giặc đánh lại nước Pháp... v.v..

Ông nói nhiều lắm, nhiều lắm, ông chửi Hoàng-đế Duy-Tân rồi kể công ơn của nước Pháp, ông

khoe nước Pháp là nhân-dạo, là bác-ái, là bình-dẳng, là một trong những nước Văn-minh bậc nhất trên hoàn-cầu, v.v..

Học-trò ngồi im lặng, cúi đầu nghe. Vừa có trống trường đánh một hồi « Thùng ! Thùng ! Thùng Thùng !... », mãn buổi học sáng, 11 giờ. Ông còn đứng lại, nói rắng thêm mấy câu hùng-hữ, rồi mới bước ra đi. Cả lớp đứng dậy, chào ông.

Ông giáo-sư Pháp còn chỉ mặt Trần-anh-Tuấn :

— Mày đã hiểu bài-học ấy chưa ?

Tuấn làm thinh. Ra về, có năm bảy trò cùng lớp đi theo bên cạnh Tuấn, nói nhỏ bên tai Tuấn như an-ủi Tuấn phần nào :

— Mày đừng sợ. Ông *Directeur* dọa mày đó, chứ ông không gởi thư cho ông Công-sứ tỉnh

(1) À la Nhà-pha, danh-từ người Pháp thường dùng, có nghĩa là « đi ở tù ».

(2) *Mauvais esprit* : (Trí-óc xấu-xa), danh-từ thông-dụng của người Pháp ở Việt-nam, để chỉ những kẻ có tư-tưởng chống Pháp.

mày đầu. Ông không bỏ tù mày đầu

Nhưng đa số học-sinh khác trong lớp Đệ-nhứt-niên, bạn thân hay không thân của Tuấn, đều lánh xa, sợ đến nỗi không dám đi gần Tuấn, sợ ông *Directeur* dè-ý, sợ nói chuyện với Tuấn sẽ bị diên-can, sợ đi ở tù, sợ... sợ... không biết sợ cái gì nữa !

Xét ra tinh-thần thanh-niên Việt-nam — lấy thanh-niên học-sinh và trí-thức làm điển-hình, vì thời bấy giờ, chỉ có lớp thanh-niên học-sinh và trí thức là đáng chú-trọng hơn cả, — thì có thể chia làm ba hạng, ở Trung-Kỳ, cũng như ở Bắc-Kỳ và Nam-Kỳ.

Một hạng, thiều-số, như Trần-anh-Tuấn, cũng học chữ Pháp, hấp-thụ say mê Văn-hóa Pháp, ưa chuộng Văn-chương và học-thuật Pháp, khâm-phục Văn-minh khoa-học rất kỳ-tài của Pháp, nhưng lòng ham mền và kính-phục ấy không sao dè ắt được tinh-thần anh-dũng truyền-thống của giống-nòi. Tuấn, con trai một anh Dân nghèo, làm thợ mộc, được theo đòi Văn-hóa Pháp, nói chữ Tây đã thông thạo, viết chữ Tây đã trôi chảy,

đọc sách Tây đã nghiền-ngẫm say-sưa, thế mà chỉ một hình-ảnh của Vua Duy-Tân đủ in sâu vào đầu óc, chí-khí quật khởi của vị Hoàng-đế còn nhỏ tuổi đủ gợi dậy truyền-thống Dân-tộc trong giòng máu, trong tư-tưởng. Thế cũng đủ thấy rằng tinh-thần dân-tộc là yếu-tố bất-diệt của Lịch-sử, bất cứ ở thời-dại nào.

Nhưng trong thời-kỳ người Pháp mới đô-hộ xứ ta, nói rõ hơn là từ 1900 đến 1924-25 hạng thanh-niên ái-quốc, có tinh-thần Dân-tộc, học-sinh như Trần-anh-Tuấn, công-chức như thầy Thông Vinh ở sở Hòa-xa, hãy còn ít lắm, ít lắm... Trái lại, đông nhất là hạng thanh-niên ham danh-vọng, ham chức tước, thích phẩm-hàm, theo Tây, lạ Tây, bợ-dở Tây, « liếm gót giày cho Tây », suy-tôn Tây là bậc « Thầy Đại-Pháp », là bậc « Quý-Quan », « Quý Mầu-quốc », — Nước Mè —, hoặc là hạng thanh-niên nhút-nhút, sợ chuyện « Quốc-sự » (1) sợ bị bắt,

(1) « Làm quốc-sự », danh-từ thông-dụng chính thức lúc bấy giờ, có nghĩa là « làm chính-trị », làm cách-mạng.

sợ ở tù, chỉ lo sống yên - thân. ngày hai buổi đi học, hay « đi làm việc Nhà-nước », « sáng xách ô đi, tối xách về »... Hai nàng thanh-niên này chiếm đại-đa-số trong nhân-dân.

Cho nên, vụ Vua Duy - Tân, hồi tháng 5 năm 1916, ngay thời bấy giờ không có một tiếng vang sâu rộng. Cũng như các vụ Phan-dinh-Phùng, Hàm - Nghi, v.v... ngày nay thời gian đã trôi qua, Lịch-sử đã lắng xuống, các nhà viết sử mới bắt đầu tham-khảo biên chép, chúng ta mới đọc lại được những đoạn sử oanh-liệt trước đây ba bốn chục năm. Chứ ngay hồi đó, lúc xảy ra các vụ quan-trọng của Lịch-sử, nào có ai dám viết công-khai ? Dám in thành sách ? Dám nói ? Dám bàn-tán, phê-bình ? Tất cả đều ngậm câm, « kín mồm kín miệng », nào ai dám hở môi ? Từ trên xuống dưới, từ Triều-dinh đến hương - thôn, đều im-lặng cả, không khác dưới thời Néron của La-Mã một nhà Thơ chỉ thờ ra ba tiếng : *Roma Vasta Silen-tio* ! (2)

Họ sợ gì dữ vậy ?

Thì đây, vua Duy-Tân bị bắt,

bị giam trong đồn Mang-Cá, rồi bị đưa xuống tàu thủy của Pháp đem đi Ô-Cáp (Vũng-Tàu) để gặp vua Thành - Thái cũng đang bị giam lỏng tạm tại đây, rồi vua Duy-Tân bị đày qua đảo Réunion, thuộc-địa Pháp ở cạnh Madagascar, Phi-Châu. Ông Vua mà còn bị Tây bắt, Tây đày đi xa, huống hồ là Dân ! Họ sợ là sợ như thế đó ! Đồng thời, như Lịch-sử đã chép, các đảng - viên trong phong-trào Duy-Tân khởi-nghĩa đều bị bắt, bị chém, bị đày đi Côn-lôn, bị tù ở các khố ở đường Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng - Nam, Quảng - Ngãi . . . Nhưng Lịch-sử không chép tên tuổi một số thanh-niên, hầu hết là công-thức, tư-chức, học-sinh các trường Pháp-Việt, bị liên-can vào phong-trào này. Một số đông bị tù, trong đó có thầy Thông Vinh, làm ga xe-lửa Huế, chủ nhà trọ của Trần anh Tuấn. Hình như Thầy có bí-mật giao-thiệp với một đảng viên quan-trọng ở ngay Đắc-dô.

Trần-Anh-Tuấn về quê nghỉ hè, trong lòng không yên vì những biên cớ kích-khủng ấy. Tuấn đi xe-lửa vào « *Tu-Ranh* » (Tourane

(2) *Tiếng La-tinh, có nghĩa là : La-Mã mệnh-mông im-lặng*

— Đà - nẵng), thuê xe-kéo vào Faifo (Hội-An) rồi theo ghe bầu đi đường biển về tỉnh nhà. Tuấn lo ngại cho thân-phân mình, không dám ghé thăm ông chủ chiếc ghe-bầu ở Thu-Xà, quen với thân-phụ Tuấn, và có con gái muốn đề dành gả cho Tuấn sau này. Xuống bến Thu-Xà, công việc đầu tiên của Tuấn là đi kiếm mua một chiếc đòn gánh, cột nơi hai đầu hai gói lớn đựng quần-áo, và các sách vở học ở trường, mà Tuấn đem hết về nhà định đề học ôn lại trong ba tháng nghỉ hè.

Ngủ tạm tại nhà người chủ ghe vừa đưa Tuấn từ Hội-An về, sáng sớm hôm sau, trời vừa hừng đông, Tuấn đã thức dậy, đặt đòn gánh lên vai, khởi hành đi chun không, về tỉnh. Cậu học-trò Đệ-nhất-niên, 13 tuổi, học ở Huế về, gánh hai gói hành-lý trên vai, đi dừng-dinh trên con đường-cái quan mới đắp, quanh co, gồ-gề, xa mười mấy cây số dưới ánh nắng oi-ả của mùa Hè. Đường quan lộ từ Thu-Xà lên Tỉnh, xe kéo bánh sắt cũng không có. Không có một thứ xe nào cả. Tất cả mọi người đều đi bộ, nhưng họ chỉ đi từng chặng, chỉ có một vài người * Các-Chú * (1) đi lên



Tuấn, 14 tuổi, trên đường về tỉnh nhà

tỉnh buôn hàng mà thôi.

Trời chạng-vạng, Trần-anh-Tuấn mới về đến nhà. Chú Ba Thọ-Mộc đang ngồi ăn cơm với thím Ba, Mẹ Tuấn, và đứa em trai của Tuấn, 5 tuổi ở trần tròng-trục, mũi dài lòng-thòng, bỗng

(1) Khách-trú, Hoa-Kiều.

thấy Tuấn gánh hai gói hành-
lý dùng-dịnh bước vào sân.
Đứa em trai thấy trước, reo to
lên :

—Ồ anh Hai về, kìa Mẹ !

Tức thì Thím Ba, Chú Ba, và
cả đứa nhỏ, đều quăng đĩa, bỏ
cơm, chạy lẹ ra sân đón Tuấn.
Trong lúc Chú Ba mừng-rỡ đỡ
gánh cho Tuấn, thì thím Ba ôm lấy

thằng con trai, khóc nức nở... Thím
mừng quýnh lên chỉ biết ôm con,
khóc, không nói được một tiếng.
Tuấn cảm-dộng quá cũng rưng
rưng nước mắt. Đứa em trai 5
tuổi nắm vạt áo dài của Tuấn, âu
yếm ngó Tuấn :

— Anh Hai ơi, anh Hai, !...
Mẹ có đề dành trái mít chín đề
anh về anh ăn..

(Còn nữa)



★ Uống rượu

Trên một chiếc thuyền buồm, thuyền-trưởng và phó thuyền-trưởng
thay phiên nhau viết quyền nhật-ký hàng-hải. Một hôm, ở cuối trang
thuyền-trưởng viết câu : « Hôm nay phó thuyền-trưởng uống rượu
và say. » Phó thuyền-trưởng sau khi đọc câu ấy khàn-cằn : « Xin
ông bớt giùm câu ấy, chuyện có gì trọng-dại, viết vào quyền nhật-ký
lắm gì. »

Thuyền-trưởng trả lời : « Nhưng việc ấy có thật chứ. Tôi có nói
oan anh không ? » Phó thuyền-trưởng dành lặng-lẽ ra đi, nhưng
hôm sau, đến phiên anh giữ sổ nhật-ký, anh thêm vào ở đoạn cuối :
« Hôm nay thuyền-trưởng không uống rượu và không có say. »

Thuyền-trưởng giận thét lên : « Sao anh lại viết thế ? Anh biết
tôi không bao giờ uống rượu mà. » Phó thuyền-trưởng ung-dung
đáp : « Tôi biết lắm chứ, và tôi chỉ nói sự thật. Tôi có nói oan ông
không ? »

HUỖNH ANH KIỆT

NHÂN-VẬT



e không thắng nổi. Quan đại
phu là Tuân-Tức hiển kể rằng:
«Quốc Công ham sắc. Chúa-
Công nên chọn mỹ-nữ trong
nước, dạy cho chúng nó biết

Vua nước QUỐC và Vua nước NGU

★ THIẾU-SƠN

Tuân-Tức ...

N Ở C Ngu và nước
Quốc, hai nước liên
ranh lại đồng tánh với nhau.
Nước Ngu lại liên ranh với nước
Tấn đương lâm le lâm bá chủ
chư hầu. Tấn-Hiến-Công muốn
đánh Quốc thì sợ Ngu cứu mà
đánh Ngu lại sợ Quốc cứu. Mà
đánh với hai nước một lúc thì

hát, biết mùa rồi đem dâng cho
Quốc-Công để giao - hảo. Hễ
Quốc-Công chịu thâu-nạp bọn
mỹ-nữ thì sẽ đảm mẽ từu-
sắc mà xa kẻ trung-lương. Lúc
ấy Chúa-Công sẽ sai người hối-
lộ với Chúa nước Khuyển-Nhung
khiến chúng đánh Quốc. Ta sẽ
nhơn cơ-hội đó mà diệt nó.»
Hiến-Công làm theo kế ấy. Quả

nhân Quốc-Công vui lòng thâu nạp bọn mỹ-nữ và giao-hảo với Tấn. Quan đại-phu nước Quốc là Chu-chi-Kiều can rằng: «Tấn-công đem cho nữ nhạc là muốn câu Chúa - Công đó. Chúa Công chịu lãnh tức là cả đã tấp mồi.» Quốc-Công không nghe và từ ngày đó say mê nữ-sắc, phế bỏ triều-chánh ghét lời can-gián, xa lánh hiền-thần. Chính Chu-chi-Kiều bị sai đi trấn ải Hạ Dương để cho khỏi nghe những lời can-gián. Được ít lâu, quả-nhiên Chúa Khuyển-Nhung tham hối-lộ của Tấn sua binh qua đánh Quốc. Quốc thắng nhưng Khuyển-Nhung gởi thêm binh tiếp-viện và cả hai bên đều đánh nhau quyết-liệt ở Tang-Điền.



Tấn-Hiến-Công nhờn dịp này muốn đem binh đánh Quốc nhưng Tuân - Tức lại hiến kế như sau :

— Trước hết phải gây sự để kiếm cớ vì mới giao - hảo với Quốc mà khi không lại trở mặt thì nước Ngu nhưt-định sẽ binh. Có cớ rồi sẽ mượn đường nước Ngu qua phạt Quốc. Và cổ-nhiên là phải hối-lộ Ngu-Công.

Thi-hành kế-hoạch Hiến-công bảo quan giữ ải gây sự với quan trấn ải nước Quốc để tạo nên một cuộc xung-đột ở biên-giới rồi vịn vào cớ đó mà mượn đường nước Ngu qua phạt Quốc. Tuân - Tức đề-nghi dùng ngọc-bích ở Thù-y-Cúc và ngựa hay ở Khuất-Sảng đem hối-lộ cho Ngu-Công. Ngu-Công vốn tính tham mà được những tặng vật quý-giá vào bọc nhut của nước Tấn thì mê tít mà nhận lời ngay. Chính Hiến-Công cũng do-dự không muốn hy-sinh những bảo-vật của nước mình. Nhưng Tuân Tức cam-đoan rằng những bảo vật ấy sẽ trở lại với Tấn. Ông nói : *«Tôi biết chúa-công không nỡ bỏ hai vật ấy. Song xin Chúa-công xét kỹ lại : Nếu Ngu - Công nhận hai vật ấy mà cho ta mượn đường đánh Quốc thì Quốc sẽ không còn. Quốc mất thì Ngu còn sao dặng ? Khi Chúa-công lấy dặng nước Quốc, nước Ngu rồi thì ngọc bích và ngựa hay mất đi đường nào mà lo ? »*



Ngu-công có hai vị hiền-thần là Cung-chi-Kỳ và Bá-lý-Hề. Cung-chi - Kỳ can Ngu - Công không nên cho Tấn mượn đường và nói : *«Người xưa có nói : Mồi hỏa thì răng lạnh.*

Tấn - Công thường hay đoạt nước của người đang tành, bấy lâu nay không dám đánh nước Ngu, lẫn nước Quốc là còn e Ngu, Quốc giúp nhau. Nay Chúa-công nghe lời Tấn thì nước Quốc ắt phải mất. Hễ nước Quốc mất ngày nay thì ngày mai nước Ngu cũng không còn. Xin chúa-công xét lại.» Ngu-Công đáp : «Tấn-Công chẳng tiếc vật báu đem dâng cho ta để mượn đường. Ta nữ nào sợ món đường mà không cho mượn. Và nước Tấn mạnh hơn nước, Quốc, nếu ta mất hòa với Quốc thì ta sẽ động hòa với Tấn, càng ích - lợi hơn, chớ có hại chi đâu ? Thôi người hãy lui ra, chẳng cần dự đến việc của ta làm chi ». Cung-chi-Kỳ muốn can nữa, nhưng Bá - lý - Hề niu vật áo sau của Cung-chi-Kỳ mà giữ lại. Chi.Kỳ biết ý nên làm thỉnh mà lui ra.

Ra ngoài rồi Cung-chi-Kỳ hỏi Bá Lý-Hề sao lại can ông, không cho can nữa thì Lý-Hề nói :

« Lời nói phải mà nói với kẻ ngu thì cũng tỷ như cầm ngọc báu mà quăng xuống nước. Thuở trước vua Kiệt giết Lâm Phụng, vua Trụ giết Tỷ-Can là bởi có làm sao ông có biết chăng ? Nếu lời không can trở thì ắt ông phải

mang hại. » Cung-chi-Kỳ nói : « Nếu thế vậy thì nước Ngu ắt mất, tôi với ông còn ở đây nữa mà làm chi ? » Bá Lý - Hề nói : « Ông can không đáng nên phải đi. Tuy vậy chớ cũng là một điều tội. Nay ông tính bỏ chúa mà đi, lại còn rủ thêm một người nữa thì tội lại càng nhiều. Vậy thì ông hãy đi trước đi. Để tôi ở lại phò Chúa. » Sau đó Cung-chi-Kỳ từ giả Bá-ly-Hề dắt gia - quyến đi mất, mà không biết đi đâu.



Tấn - Hiến - Công phong Lý-Khắc làm đại-tướng, Tuân-Tức làm phó tướng đem binh đi đánh nước Quốc và cho người qua báo trước với Ngu-Công. Ngu-Công cao-hưng muốn đem binh theo để đánh giúp. Tấn-tướng khước từ sự giúp đỡ của Ngu-Công nhưng chỉ xin ông giả bộ như kéo quân qua viện-trợ nước Quốc đánh Khuyển-Nhung rồi quân Tấn sẽ len lỏi trong đó mà chụp thành Hạ-dương của Quốc. Chu-chi-Kiều giữ thành Hạ-dương mở cửa đón quân Ngu không dè lại rước luôn binh Tấn và kết quả là thành Hạ-Dương bị hạ một cách dễ dàng. Chu-chi-Kiều sợ tội xin đầu Tấn, xưng - phong làm hường - đạo dẫn giặc tới

Thượng-Dương là kinh-dô nước Quắc.

Quốc-công đương đánh với Khuyển-Nhung ở Tang-Điền với triệt binh chạy về Thượng-Dương cố-thủ.

Khi rút về bị Khuyển-Nhung rượt đánh tới bờ. Khi cố-thủ bị quân Tấn bao vây công-hãm từ tháng Tám cho tới tháng chạp. Binh Quốc canh giữ một mối, bá tánh khổ sở, lo sợ và than khóc ngày đêm. Lý-Khắc bảo Chu-chi-Kiên viết thơ bắn vào thành khuyên Quốc Công đầu hàng. Quốc Công thau rằng : « Trước kia tiên-quân làm khanh-sĩ cho Thiên-Tử đứng trên hết các bậc chư-hầu. Nay ta sa cơ, thất thế nhưng nhứt-định không đầu.» Nửa đêm ông lên mở cửa thành chở gia-quyển chạy qua Kinh-sư Lạc-Ấp. Lý-Khắc không thêm rượt theo. Bá tánh lập bàn hương-án để tiếp đón quân Tấn. Tấn-tướng lấy bạc vàng, châu báu trong kho chia cho Ngu-công một phần ba rồi lại cho luôn đoàn nữ-nhạc. Ngu-công hơn hờ nhận lãnh và tự đắc rằng đã làm thân được với một cường-quốc.



Trong khi Lý Khắc còn đồn binh ở Thượng-Dương thì Tấn-Công kéo đại-binh qua Ngu-Quốc.

Ngu-Công nói : « Ta muốn hội với Tấn-hầu một phen đặng luận bàn về việc hòa-hảo. Nay Tấn-hầu lại đến đây thiết là may lắm.» Ngu-công ra thành nghinh tiếp. Tấn-công làm bộ mừng rỡ rồi ước hẹn bữa sau hai vua sẽ cùng lên núi Co-Sơn săn bắn. Ngu - Công có ý muốn khoe - khoang nên kéo hết binh ròng lên Co-Sơn để hội hiệp với vua Tấn. Cuộc săn-bắn kéo dài và đương lúc hào-hung thì quân sĩ phi báo : « Trong thành có lửa cháy.» Ngu-Công cho là một cuộc hỏa hoạn tâm - thường do dự bất-cần của bá - tánh nhưng Bá-lý-Hề lên tâu : « E có biến, chớ ở lâu. » Mà có biến thật. Quân Tấn đã chiếm thành, bá-tánh chạy giặc như ong vỡ ổ, tiếng than khóc vang dậy đầy trời. Ngu-Công cả giận, hối quân đẩy xe về cho mau. Khi xe gần tới cửa thành thì thấy một viên đại-tướng đứng dựa lan-can trên lầu thành mà nói xuống : « Hôm trước phò có Quân - Hưu cho mượn đường, nay lại mong ơn cho mượn nước, thật là ơn trọng, tôi xin kính tạ quân-hầu. »

Ngu-Công truyền lệnh phá thành nhưng trên thành bắn xuống như mưa. Trong lúc đó thì có tin đoàn quân đi sau bị quân Tấn đánh tan, lớp chết lớp đầu, khí - giới và xe cộ bị tước đoạt hết cả.

Ngu-Công bèn than : «Bởi chẳng nghe lời Cung-chi-Kỳ mới ra nông nổi thế này.» Ông hỏi Bá-Lý-Hề : « Sao lúc nọ không can ta để ta làm liều như vậy. Nay việc đã đến nước này biết liệu làm sao đây ? » Bá-Lý-Hề tâu : « Chúa Công đã chẳng nghe lời Cung-chi-Kỳ. Nếu lúc đó tôi có can gián thêm thì Chúa-Công cũng chẳng thêm nghe mà cái mạng tôi cũng e chẳng còn để được theo Chúa-Công tới ngày nay. »

Trong lúc đang nguy-cấp bỗng có một đạo binh từ phía sau xông tới. Tướng chỉ-huy đạo binh đó chính là Chu - chi - Kiêu, tướng nước Quốc đầu Tấn. Chu - chi - Kiêu lướt tới mà nói với Ngu - Công : «Bởi ngài tin lầm mà bỏ nước Quốc, hư ấy tại mình, nay tính chạy đâu ? Chỉ bằng đầu Tấn. Tấn hầu rộng lượng chắc không hại ngài đâu. » Trong khi Ngu-Công còn dự-dự thì Tấn-hiến-Công tới, khiến người thỉnh Ngu-Công ra mắt. Ngu-Công cực chẳng đã phải chường mặt ra. Hiến-Công cười mà rằng : « Cũng vì ngựa hay và ngọc-bích nên tôi phải đến mà lấy lại. Nói rồi bèn khiến chở Ngu-Công nơi xe sau mà đem về thành. »

Về đến cửa thành thì Tuân-Tức đã chờ sẵn, tay tả cầm ngọc bích, tay hữu dắt ngựa hay bước tới mà tâu rằng : « Nay mưu tôi đã thành rồi nên tôi phải trả ngọc-bích về phủ, trả ngựa hay về tâu. »

Hiến-Công muốn giết Ngu-Công nhưng Tuân-Tức can rằng : « Ấy là một đứa ngu, dầu để cho nó sống cũng không làm chi cho nên đừng, chẳng cần gì phải giết. »

Hiến-Công nghe lời bèn lấy lễ khách-ngụ mà đãi, lại lấy ngựa và ngọc-bích khác mà cho. Ông còn nói : *Tôi chẳng hề quên ơn ngài cho tôi mượn đường.*



Trên đây là một cuộc chiến-tranh xâm-lược kiêu-mẫu đã xảy ra trên 2.600 năm. Ngày nay bọn xâm-lược thực-dân hay đế-quốc cũng vẫn còn dùng tới những mảnh lời như những mảnh lời của vua Tấn đối với nước Quốc và nước Ngu.

Đối với nước Quốc thì trước hết truy-lạc-hóa nhà vua, kế tới là xúi một nước láng giềng gây hấn. Và chót hết mới là gây-xung-đột ở biên giới để có cơ mà can-thiếp.

Đối với nước Ngu thì «bắt bớ» cho kỳ được bằng bất cứ giá nào để người ta bỏ đồng-minh cũ mà theo mình. Kế tới

là mượn đường trước, mượn nước sau.

Ta không trách Quốc-công khi thâu nhận đoàn nữ-nhạc của vua Tấn. Vì nếu ông là người ham-mê từu-sắc thì không có đoàn nữ-nhạc đó ông cũng có thể sắm được những đoàn nữ-nhạc khác khi ông là một ông vua. Hơn nữa khi Khuyển-Nhung xâm-lấn bờ cõi ông vẫn chống giữ một cách anh-hùng và thắng lợi.

Kể địch muốn dùng nữ-sắc làm ông xa lánh kẻ trung thần nhưng kẻ bị ông hy-sinh lại là Chu - chi - Kiêu, con người phản-bội một cách dễ-dàng và trắng trợn.

Tới nước cùng ông vẫn không chịu đầu hàng và còn nhớ danh vọng của tiên-quân phải làm sao cho xứng đáng.

Bao nhiêu tội lỗi đều về phần Ngu-công phải gánh chịu. Ông tham và ngu nhưng ông có 2 bậc hiền thần mà ông không chịu nghe lời can-gián

Trong sự giao thiệp giữa cá-nhơn với cá-nhơn cũng như trong sự bang-giao giữa 2 nước không nên có sự chênh-lệch quá đáng giữa 2 bên. Quốc với Ngu đều là những nước nhỏ, láng giềng lại đồng-tánh, có số phận tương-đồng, có tình tương-lân lại có nghĩa tương-trợ, như rằng với mỗi kẻ mỗi hễ thì rằng lạnh. Nhưng giữa Ngu và Tấn thì lớn, nhỏ, mạnh,

yếu khác nhau quá rõ-ràng. Vậy mà chính cái nước lớn hơn mình, mạnh hơn mình lại đem đồ quốc-bảo tặng mình để cầu-thân thì phải ngu lắm mới không thấy được rằng họ có dụng-tâm và ẩn-ý. Hơn nữa, khi họ hỏi mượn đường để đem quân đi đánh một nước bạn của mình thì dầu họ viện cớ này hay cớ khác ta cũng cần phải giựt mình và đề-đặt. Nhưng tham lại ngu, Ngu-Công cho rằng làm bạn với nước mạnh oai hơn làm bạn với nước yếu cũng như trầu non ham làm bạn với chó sói.

Aristote đã nói : « Tình bạn căn-cứ ở bình-đẳng ». Mà làm sao có thể có bình-đẳng giữa Tấn với Ngu? Một là thắng mạnh sẽ nuốt chừng thắng yếu, hai là thắng yếu sẽ làm mọi cho thắng mạnh. Ngu-Công muốn làm mọi mà không được cũng vì tham và ngu.

Vua chúa Việt-Nam cũng đã từng làm bạn với Tàu, với Tây nhưng nhân-dân Việt-Nam thật không lấy làm hãnh-diện về những cuộc bang-giao đó chút nào cả.

Ngu-Công cho nước Tấn mượn đường là một bài học mắc giá. Vậy mà sau Ngu-Công, trải qua 2.600 năm vẫn còn có chuyện mượn đường tái-diễn ở khắp nơi. Và luôn luôn là trước mượn đường, sau mượn nước.

Một Thời đại rất xa
xưa...

Lúc bấy giờ, con người
được tự-do, không bị áp
bức, chiến-tranh, người hiệp
đáp người. Ai làm nấy ăn. Mặt
trời mọc, họ đi làm, mặt trời
lặn, về nghỉ. Đói có hoa quả,
khát có nước suối.

Con người bấy giờ không có
họa người, chỉ có họa trời. Đề
tránh gió mưa, loài người đồn
cây làm nhà, dệt vải may áo...
Ngày tháng trôi qua, con
người dùng kinh nghiệm và lực
lực để cải thiện đời sống, mu
lấy sự hạnh phúc thanh bình.

Nhưng một hôm thỉnh li
xảy ra một thiên tai dữ d
Khắp dưới gầm trời đều
cũng bị đại hạn. Nắng như
thieu, đốt cháy tất cả làm c
sinh linh giậm đất kêu tr
Trên đường, thấy người, th
thú chông chất đầy đầy.

Nguyên ở góc Đất cuối biên
Đông có hang Dương Núi đã
mười con quạ vàng thường đến
tắm gội. Trên hang có cây Phù
tang cao vút tận trời. Chín con
quạ vàng ở cảnh dưới, một con

Hằng-Nga và Hậu-Nghệ



★ NGUYỄN-TỬ-QUANG

ở cảnh trên. Từ ngàn xưa chỉ có một con ra khỏi biển hóa thành Mặt Trời, ngày ngày thàng thàng chiếu ánh sáng xuống mặt đất làm cho mưa hòa gió thuận, vạn vật sinh hóa. Nhưng bất ngờ một hôm bốn biển chuyển động, đất lở núi rung, cây Phù-lang quay cuồng, vì mười con quạ vàng lại tranh nhau tung mình xuất hiện một lượt.

Thế là nắng như lửa thiêu, đốt cháy cả vạn-vật. Ban đầu, người ta còn ngấm mình dưới nước, núp trong hang núi... nhưng rồi, đầm nước, dòng suối đều hóa thành những vạc nước sôi. Đất bằng bỗng chốc lửa dậy làm cho nhân dân điêu đứng, đời người biến thành địa ngục.

Đương lúc tiếng khóc, tiếng kêu kinh khủng của nhân-dân bỗng có một vị anh hùng xuất hiện.

Vị anh hùng đó tên HẬU-NGHỆ, sinh ở biển Đông, nước Hữu-cung. Người võng hệ phi thường, sức có thể bạt núi lấp sông, giỏi nghề kỵ-xạ. Hậu-Nghệ lại có hai người học-trò tên Phùng Mộng và Ngô-Cương, cũng đều

có tài lực xuất chúng.

Trông thấy mười con quạ vàng hoành hành dữ tợn làm cho nhà cửa tiêu tan, đồng ruộng khô cháy, Nghệ vừa hoảng kinh vừa tức giận, đem lòng thương xót sinh linh, và nghĩ đến mối liên hệ với thân mạng mình nên mang mười mũi tên thần, giương cung mười tạ lên đỉnh nhằm bắn mười con quạ vàng cho tiêu ra tro bụi.

Nhưng ánh sáng rạng chói làm cho mắt đồ hào quang, không thể nhìn lên được. Nghệ bực tức, đứng tại góc biển chân trời, không do dự bắn luôn mấy phát. Những nơi có tên của Nghệ bắn tới thì nóng cháy ngụi dần, ánh sáng êm dịu. Những lông cánh sắc vàng của lũ quạ đua nhau rớt xuống. Một lần không khí mát mẻ bắt đầu.

Trông thấy chín con quạ chết, Nghệ lại muốn giương cung bắn nữa, nhưng Phùng-Mộng ngăn lại :

— Thưa thầy ! Phải để lại một mặt trời vì chính nó là sứ giả của sự sáng. Nếu thầy

bẩn chết cả thi vũ trụ sẽ trở nên đen tối mất.

Nghệ «à» một tiếng, hạ cung xuống.

Bấy giờ núi sông trở lại như xưa, cây cỏ tươi tốt. Đầu đầu cũng vang dậy tiếng hò reo hoan lạc.

Nhân-dân ca tụng công ơn vĩ đại của Hậu Nghệ, tôn thờ Nghệ là một vị cứu tinh, trọng quý Nghệ hơn mẹ cha. Sơn hào hải vị, họ đem đến cho Nghệ dùng.

Hậu-Nghệ lên làm Hoàng-đế.



Mười năm sau.

Nhân dân trước kia bị tai ách của mười con quạ vàng thì nay lại mang phải tai ách do Hậu Nghệ gieo rắc.

Nghệ ý mình có tài, tự kiêu là cứu dân, vậy dân phải làm tội mọi mới xứng đáng đền đáp công ơn ấy. Nghệ chiếm hết thịt rừng, tài sản của nhân dân, Nghệ tự hào là đời mình sẽ sống mãi vì có Linh-chi-thảo do tiên ông ban cho.

Nhân dân bấy giờ sống trong tình trạng cực kỳ thảm khốc.

Từng đám dân nghèo đói, quần áo rách nát, mặt mũi vàng hoe,

gục đầu vào đất kiếm rễ cây ăn. Vài xác người thất cố lơ lửng trên cành cây làm mồi cho đàn quạ đương đảo qua lượt lại.

Bấy giờ núi rừng hoang vu xơ xác, cảnh khổ là úa, năm ba gốc cây trơ trọi, cỗi cằn.

Ngày trước, Nghệ được bá tánh nhân dân hoan hô vang dậy. Ai ai cũng triu mến vâng theo. Nghệ đi ra, cả ngàn người chạy theo chúc tụng. Ngày nay, nhân dân oán ghét. Nghệ đi đến đâu, bá tánh bỏ chạy đến đó. Nghệ tức giận ra lệnh cho học-trò là Ngô Cương tàn sát hàng triệu sinh linh. Bị đói rách, bị giết chóc, muôn dân đau khổ, uất hận cao mấy từng mây.

Phùng Mông can gián không được, bỏ Nghệ theo đám dân nghèo vũ trang đánh lại thầy.



Vợ của Hậu Nghệ là HẰNG - NGA.

Nàng là con nhà nghèo ở một cánh đồng hoang phương Bắc. Nhưng nàng là chim phượng - hoàng, là đóa hoa khôi sắc đẹp tuyệt vời.

Ngô Cương vẫn lĩnh thầy đi tìm Hoàng-hậu. Đến phương Bắc,

Ngô Cương bắt Hằng-Nga dâng cho Nghệ. Hằng-Nga được Nghệ sủng ái, giao cho cô Linh-chí.

Hằng Nga vì bị bắt, bỏ cha xa mẹ, quyết liệt đòi về. Nghệ sợ Hằng Nga trốn trong khi Nghệ đi săn tìm thịt nên truyền cho Ngô-Cương canh gác, không cho Hằng Nga đi ra ngoài cung. Hằng Nga buồn tủi, hằng ngày chỉ làm bạn cùng con ngọc-thỏ trong cung lạnh.

Trước sự tàn ác của chồng, Hằng Nga không khuyên ngăn được ; và biết rằng nếu chồng sống mãi thì càng làm nhiều tội ác, nhân dân đau khổ càng nhiều nên nàng nuốt cỏ Linh-chí, để Nghệ không còn dùng cỏ mà trường sinh nữa.

Nuốt xong, Hằng Nga mặt mày xám xịt một lúc rồi thấy mình nhẹ bồng như không. Một đám mây ngũ sắc dưới chân Hằng Nga từ từ bay lên. Ngọc-thỏ chồm nhảy theo. Hằng Nga đưa tay dắt rồi từ từ bay qua cửa sổ thẳng lên Cung Trăng.

.

Hậu-Nghệ đi săn thịt trở về, không thấy Hằng-Nga, tức giận

Ngô Cương vì để Hằng Nga trốn thoát nên bóp cổ Ngô Cương cho đến chết.

Nghệ chạy lại cửa sổ trông lên mặt trăng.

Ánh trăng sáng vằng vặc chiếu vào mặt. Nghệ giương đôi mắt tròn xoe nhìn. Bỗng nhiên, Nghệ thét bọn vệ sĩ mang cung tên lại. Chúng khệ nệ khiêng chiếc cung và ba mũi tên lớn trên tường xuống. Nghệ đứng thẳng người như một trụ đá to, râu tóc dựng ngược, đôi mắt sáng quắc không khác cảnh ngày xưa Nghệ bắn mặt trời. Nghệ giương dây cung, lắp tên bắn thẳng lên.

Hai phát tên bay ra, mặt trăng lung lay.

Nhưng mũi tên thứ ba bật khỏi dây cung, mặt trăng lại vẫn sáng chói như trước, không hề hấn gì. Nghệ hạ cung xuống, mặt mày buồn ngẩn, im lặng, đau khổ.

Bỗng một cụ già hiện xuống.

Hậu Nghệ giật mình nhìn ra là ông lão đã cho mình Linh-chí-thảo cách mười năm về trước.

Cụ già liệng ba mũi tên xuống đất, diêm đấm nói :

— Già xin hỏi cổ nhân. Ngày trước hạnh ngộ, già có nhần nhủ cổ nhân việc trị đời không khó. Phải thực hành nhân chính, quên mình để lo cho người. Mình phải lo trước người lo và chỉ vui sau khi người vui. Dân quý nhất, nước thứ nhì, vua sau hết. Cổ nhân sẵn sàng lắng nghe, nên già theo lời yêu cầu tha thiết của cổ nhân là muốn sống mãi để hoàn thành sự nghiệp, vì đời sống con người thì hữu hạn mà sự nghiệp thì vô cùng, mới ban cho Linh-chi-thảo. Vậy mà khi cầm lấy quyền, cổ nhân lại quên mất lời. Dân không sợ chết, sợ lấy sự giết chóc trị thiên hạ. Bao nhiêu năm trời loạn lạc đau thương, giờ đây lòng người ly tán, sự nghiệp tan hoang, cổ nhân còn chưa tỉnh hay sao ? Kia, nghĩa quân đã la dậy từ phía, cổ nhân đã nghe chưa ?

Hậu-Nghệ hai tay ôm đầu, giọng nói thiểu não :

— Nghệ ăn-năn, xin cụ chỉ giáo.

— Việc đã qua rồi, ăn - năn không kịp. Chỉ có cách cổ nhân bỏ sắc phục Hoàng-đế, ăn năn

hối lỗi thì mới có cơ cứu vãn.

Hậu Nghệ cả giận, quát mắng :

— Lão già khốn ! Thừa lúc hiểm nguy của ta mà sỉ-nhục ta sao ?

Vừa nói vừa rút gươm chém ông lão.

Cụ già bình thân đưa tay bắt gươm ra. Hậu Nghệ rung mình lui lại ngồi xuống.

Cụ già mỉm cười :

— Cổ nhân đến nước cùng mà còn hiếu sát. Kia, cổ nhân hãy nhìn xem.

Giữa lúc ấy...

Bên ngoài có tiếng chém giết lẫn với tiếng hò reo vang dậy. Nghĩa quân bao vây từ phía dưới sự chỉ huy của Phùng Mông.

Bóng trắng khuất dần. Cụ già đã biến mất.

Lửa cháy khắp nơi.

Tiếng la vang :

— Tiến ! Tiến lên !

Nghệ rút gươm xông tới. Phùng-Mông đưa gươm ngăn. Cả hai đánh nhau. Nghĩa quân ào đến. Hậu Nghệ kiệt sức, bỏ chạy. Đám dân đói rách cầm hèo gậy chặn lại. Nhìn qua từ phía, nơi nào cũng có nghĩa quân, Phùng Mông kêu lên :

— Hậu Nghệ ! Hậu Nghệ ! Thầy làm việc bất nghĩa, ngày nay tự xử lấy, đừng để bọn ta phải ra tay.

Hậu Nghệ đứng lại, giậm chân, cất tiếng cười đau đớn rồi đưa gươm đâm mạnh vào cổ. Xác Nghệ ngã xuống giữa tiếng reo hò của nghĩa quân.

Lửa cháy rực trời.

Từng đàn quạ bay cất tiếng kêu oang oác.



Trong cung trắng, bên cây quế cao trăm trượng, sắc vàng, mùi thơm bát ngát, Hằng Nga ngồi coi Ngọc-thỏ tán thuốc. Thỉnh thoảng, nàng lại thở dài, sa nước mắt. Nàng còn luyện tiếc cảnh trần gian.

Ở đây quanh năm vắng lạnh, chẳng có bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông. Muôn vật không sinh, không hóa. Trăm hoa không nở không tàn. Chán chường cảnh lẻ loi, hiu-quạnh quá, Hằng Nga muốn trở về trần thế. Nhưng vì nàng đã ăn cỏ Linh-chi, không bao giờ chết,

lại trẻ đẹp mãi và muôn ngàn năm vẫn sống hoang liêu trong cung Quảng-hàn này.

Nhìn ra ngoài không thấy thế gian đâu nữa, tứ bề lạnh lẽo âm u, Hằng-Nga bất giác xót xa đau đớn, nước mắt chảy ròng.

*Sau tăm bích phong bóng
đuốc xa,*

*Sao mai lặn hết, vắng trắng là.
Hằng Nga hối cấp Linh-chi-thảo,
Sống mãi nhìn trời dạ xót
xa. (1)*

Và :

*Hay là lỗi sớ Hằng - Ngo,
Đêm đông vô vô, bóng tà sao
thưa.*

*Nghĩ tình nên những ngần
ngơ... (2)*

NGUYỄN-TỬ-QUANG

(Viết phỏng theo vở kịch thần thoại « *Lên cung trăng* » của nhà văn Trung-hoa NGÔ TÔ-QUANG, bản dịch của VÕ OANH).

(1).— Bản dịch của Võ Oanh.

(2).— Trích trong tác phẩm « *Bích câu kỳ ngộ* » của Võ-Danh.

KHOA-HỌC LÊN MẶT TRĂNG

BẮT đầu từ cái mốc thời-gian : 22 giờ, 2 phút, 24 giây ngày chủ nhật 13 Septembre 1959, Mặt Trăng không còn chỉ thuộc riêng của các nhà thi-sĩ nữa. Nó không còn thuộc riêng những kẻ « ở trên cung Trăng nữa », mà thuộc về người Địa-cầu : vào giờ phút và ngày nói trên, một vật có bàn tay con người Địa-cầu sờ vào đã đến đụng vào đất của Mặt Trăng. Bắt đầu từ giờ phút ấy, trên giòng thời gian muôn thuở, năm 1 của một kỷ-nguyên mới được mở ra : kỷ-nguyên không gian. Những

dứa trẻ sanh vào hồi 22 giờ, 2 phút 24 giây ngày 13 Septembre 1959 trở đi, tuy cùng ở một thời đại đây với chúng ta, thế nhưng chúng không cùng thuộc thời-dại với ta, chúng là người của kỷ-nguyên không gian. Thật là phi thường, thật là kỳ-diệu ! Chúng sẽ không chút bỡ-ngờ khi chia động-từ : « *Tốt lên Mặt Trăng, mây lên Mặt Trăng...* »

Trong đêm Trung-thu, ngửa mặt lên nhìn cái mảnh gương tròn rạng rỡ treo lơ lửng trên giữa tầng cao, chúng ta không thể không nhớ lại lịch-trình tiến triển của Khoa-học loài người

★ TỪ-TRẦM-LỆ

đã tiếp-xúc với Mặt Trăng từ giữa Thế-kỷ XX này.

35 giờ du-hành trong Không Gian, bản hành-trình của «Lunik II» :

● **THỬ BẦY : 12-9-1959,**
12g 45 : Lời tuyên bố chánh thức qua Đài-phát-thanh Mốt-cu về sự phóng hỏa-tiến Lunik II.

13g 00 : Khoảng - cách Địa-cầu và hỏa-tiến : **78.000** cây số.

15g 00 : Khoảng - cách Địa-cầu và hỏa-tiến : **101.000** cây số.

17g 00 : Hỏa-tiến đang ở trên Ấn-độ-dương.

19g 32 : Sự phát - hiện của vầng mây natri (sodium) và sự thành hình của ngôi tuế-tĩnh nhân-tạo.

19g 48 : Hỏa-tiến Lunik II hiện ra trong ống quan sát của các nhà thiên-văn với sức sáng của một ngôi sao đệ-tứ-đẳng.

CHỦ NHẬT : 13-9-1959,

1g 20 : Hỏa-tiến đi ra ngoài vòng quan sát của những đài Nga. **200.000** cây số đã được vượt qua.

7h 00 : Hỏa-tiến lại vào trong vòng quan sát của những đài Nga. Nó đang ở trên Thái-bình-Dương.

8h 00 : Khoảng cách Địa-cầu và hỏa-tiến : **258.000** cây số. Hỏa-tiến truyền về những tài-liệu đích xác về những bức-xạ của trái đất, từ-trường (champ magnétique), những tia sáng vũ-tru, những vi-khí-tượng (les micro météores).

12g 00 : Khoảng - cách Địa-cầu và hỏa-tiến : **300.000** cây số. Hỏa-tiến vẫn còn ở trên Thái-bình-Dương về mé Nam. Nó còn lối 80.000 cây số để đi nữa.

14g 40 : Hỏa-tiến đi vào trong khu mà sức hút của Nguyệt-cầu thắng sức hút của Địa-cầu. Nó còn cách Mặt-trăng 66.000 cây số. Tốc-lực của nó, không ngớt giảm lại kể từ lúc mới phóng đi, giờ là 2, 31 cây số một giây. Tốc-lực sắp sửa tăng gia trở lại.

16g 00 : Khoảng-cách Địa-cầu và hỏa-tiến : **322.000** cây số. Tọa độ của nó là 13,5° vĩ-độ nam và 95,9° kinh-độ đông. Con đường đi còn **54.000** cây số nữa.

17g00: Còn 45.000 cây số nữa. Tốc lực của hỏa tiễn giờ là 2,33 cây số một giây.

21g57: Khoảng-cách hỏa tiễn và Nguyệt - cầu : 1.000 cây số. Tốc lực hỏa tiễn ở giờ này lên đến 2,97 cây số một giây.

22 giờ 2 phút 24 giây : Hỏa tiễn chạm vào mặt Nguyệt cầu. Tốc-lực : 3,3 cây số một giây.

HOA THỊNH ĐÓN : Người Mỹ sửa soạn đi đến nửa phần Mặt Trăng còn , chưa được biết.

Ngày 3 Octobre, vào lúc mà về mặt thiên-văn được thuận hảo hơn hết, người Mỹ sẽ có thể phóng một khí cụ hợp-chất Atlas — Vanguard mang một vệ-tinh để bay vòng quanh Mặt Trăng. Lần thứ nhất mà phần mặt chưa được biết của mặt Trăng sẽ có thể được truyền hình. Dự tính ấy mới là cao-vọng hơn Lunik II, vì khó mà đặt đề một vệ tinh hơn là "đập" vào mặt Mặt Trăng — phải có thể làm chậm lại vệ tinh khi gần đến Mặt Trăng. Trên phương diện tài liệu khoa - học, dự tính này có lợi ích hơn là cái

chiến-công kỹ thuật của Lunik II.

NEW - DELHI : Một giọt nước mắt cuối cùng cho ngôi tinh tú thơ mộng ấy.

Ông Nerhu tuyên bố : « Theo khoa thiên văn ngày xưa, Mặt Trăng cầm vận mạng của người đời. Sự ấy, giờ đã bị đảo ngược, vì Mặt Trăng bị người đời duỗi bắt. Tôi mong mỗi nó sẽ sống sót. »

MAC - TU - KHOA : Hỏa tiễn lên Trăng hay cái bàn ủi.

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước bản thành-công của Lunik II, tờ « Pravda » làm tiếng dội cho lời than thở của một đôi vợ chồng trẻ ở Sverdlovsk vừa tìm kiếm ở khắp các cửa hàng trong thành phố một cái bàn ủi mà không có.

LUÂN ĐÔN : Những kẻ phá đám..

Ông Harold Spencer Jones, nhà cụ Thiên-văn Hoàng-gia, tuyên bố : « Tôi không thấy có cái lợi ích gì mà đánh đập Mặt Trăng như vậy. »

BA-LÊ : Vĩnh - biệt các dài Không-gian.

Cuộc thí-nghiệm của hòa tiến lên Trăng ấy tỏ cho thấy những dài trong Không-Gian sẽ chỉ nằm trong địa hạt khoa-học gia đình thôi. Cũng như những «đảo trôi nổi» được bàn tính ồn ào trước đây vậy. Vào khoảng năm 1927, những văn sĩ như Frédéric Arthur Hodges ở Hợp chủng quốc, và đại tá Royer ở Pháp quả quyết rằng sự thành công của Lindbergh chỉ là một sự may mắn thôi và người ta chỉ có thể vượt được Đại tây Dương bằng cách ngừng lại trên những đảo trôi nổi, mà một cuốn phim («I.F.I. không trả lời nữa») sau đó ít lâu làm cho nổi tiếng lắm. Thế nhưng ta biết rằng những hòn đảo ấy không hề có. Và giờ đây thì, lên máy bay ở phi trường Orly rồi xuống ở phi trường Nữ-Ước là chuyện cơm bữa. Sự thể cũng sẽ là như vậy về những dài trong Không-Gian do Von Braun tưởng tượng nên. Những dài trong Không-Gian ấy trở nên vô ích kể từ lúc người ta biết điều khiển từ xa một hòa tiến lên Mặt Trăng và cho nó

đáp vào Mặt Trăng. Bằng cách thắng lại bởi những phản hỏa tiến, người ta cho hạ chúng xuống không bị vỡ và người ta sẽ tích tụ được trên Mặt Trăng những gì dễ xây cất cái căn cứ tương-lai.

BA - LÊ : Khoa học của loài người và vũ - trụ.

Ông André Labarthe đã đáp trong tờ « Figaro », ý-nghĩa của biến cố ấy như sau : « Tất cả những gì, cho đến nay, đi trong vũ-trụ đều theo những đường rầy bất-di bất-dịch của bộ máy vũ-trụ, tuân theo Kepler và Newton. Tất cả các hành tinh, các mặt trời, từ thiên-niên-kỷ nay, đều vận-chuyển như là, một lần cho tất cả, có một bàn tay siêu-phạm phóng chúng ra. Cả đến những Spoutnik và những vệ-tinh Mỹ phóng ra trước đây cũng đều ngoan ngoan theo những định-luật bất-di bất - dịch của Khoa thiên-văn-học, phục-tòng những quỹ - đạo bầu - dục (trajectoires elleptiques) hướng-tâm vào Trái Đất hay Mặt Trời. Thế mà ngày 13 Septembre 1959, một chiếc xe không gian lại tự một mình điều khiển lấy mình, khinh

thường vùng năng-lực của vũ-trụ, chỉ hoạt-động, bằng sự điều khiển từ xa, theo ý muốn của con người. Một phòng thí-nghiệm chứa 390 kí-lô dụng cụ tiên-phong đã có thể, không những chỉ có được cái sức mạnh thăng trọng-lực bằng một tốc-lực được giải-thoát là 11 cây số 200 một giây, mà, kỳ-diệu hơn nữa, những sóng từ điện (ondes hertziennes) và những tính máy móc (automatismes) lại có thể dẫn dắt và sửa đổi quỹ đạo của nó trên 379.000 cây số hành trình. *

Quyền tiểu trích-yếu về Nguyệt-tinh

Muốn biết thật sự về Nguyệt-tinh thì phải đi đến đó chứ không phải chỉ bản lên đây những viên đạn như hỏa-tiến Lunik II. Hiện giờ đây, những hiểu biết của ta về Mặt Trăng chưa đầy đủ :

● Mặt Trăng, vệ - tinh của Trái Đất, xoay chung quanh Trái Đất của chúng ta với một khoảng cách trung-bình 379.000 cây số. Chu - kỳ xoay vòng của Mặt Trăng trên quỹ-đạo của nó là 27 ngày, 7 giờ, 43 phút. Ngày ở Mặt Trăng 27 lần dài hơn ngày ở Trái Đất.

● Mặt Trăng luôn luôn đưa chỉ một bên mặt về Trái Đất. Mặt bên kia, chúng ta chưa được biết. Nghiên cứu nó và chụp hình nó sẽ là một trong những công việc đầu tiên của nhà thám-hiềm không-gian.

● Mặt Trăng nhỏ hơn Trái Đất 81 lần, và đường kính của nó nhỏ hơn 4 lần. Diện tích Mặt Trăng bằng 7, 4 phần 100 diện-tích toàn thể của Trái Đất và bằng 26 phần 100 diện-tích các lục-địa nhỏ trên mặt nước.

● Kết quả đầu tiên tìm được về kích thước của Mặt Trăng : trọng-lực ở trên Mặt Trăng 6 lần nhẹ hơn trọng-lực trên mặt Trái Đất. Mặc dù những thứ áo kịch cộm mà chắc chắn các nhà du-hành không-gian sẽ phải mặc vào mình, họ vẫn có thể cử-động dễ-dàng như ở Trái Đất. Không cần phải dùng sức cố-gắng hơn, một bước của họ ở Mặt Trăng sẽ dài bằng 6 bước ở Trái Đất...

● Bởi vì ở Mặt Trăng không có không khí, nên cũng không có nước, mặc dù các nhà thiên-văn vẫn tiếp-tục, như ở thời Galilée, gọi là «biển» những vùng sẫm tối và bằng phẳng mà họ khám phá thấy trên Mặt Trăng.

● Một kết-quả khác của sự vắng không khí trên Mặt Trăng : khí hậu ở Mặt Trăng. Trái Đất và Mặt Trăng nằm xa Mặt Trời một khoảng-cách bằng nhau và cũng nhận ở Mặt Trời số nhiệt-độ như nhau. Nhưng không khí bao bọc Trái Đất đóng vai trò một bức màn che chở làm giảm đi rất nhiều những biến đổi của nhiệt-độ. Những nhiệt-độ ở Mặt Trăng thay đổi từ 117 độ dưới số không ở những vùng không phơi ra Mặt Trời và 100 độ trên số không ở những vùng bày ra.

● Địa thế của Mặt Trăng gồ ghề, lở lổm hơn của Trái Đất. Người ta đem đặt cho những quả núi trên Mặt Trăng tên của những quả núi ở Trái Đất hoặc tên của những nhà đại-

bác-học : những dãy núi quan trọng hơn hết là những dãy Apennis, Caucase, Alpes ; những ngọn cao nhất là ngọn Leibniz 8.200 thước, ngọn Laplace, ngọn Huygens. Đối chiếu với địa thế của Trái Đất, đặc-diểm của địa thế Mặt Trăng là những miệng núi lửa và những thung lũng tròn (cirque). Một số, như thung-lũng Newton sâu đến 7.000 thước.

● Một lớp bụi dày lối 5 phân bao phủ Mặt Trăng (do đó mà có sự hiện diện của vầng mây mà những nhà thiên-văn ở Budapest quan sát thấy vào lúc Lunik II chạm vào Mặt Trăng). Người ta không tìm thấy trên Mặt Trăng một dấu vết nào về đời sống thảo mộc và động-vật hết.



★ DANH NGÔN

Hôn nhân là một cuốn tiểu-thuyết mà vai chính chết ngay ở chương đầu.

H.L. MENCKEN (Văn-sĩ Đức)

DẤU CHÂN

ĐI LẠC

Giữa trời đất nước không hoa nở
Đom đóm rừng hoang bay thối thò
Ai đó mùa Thu về dĩ vãng ?
Đường dài gió kể chuyện xa xưa !
Đất nước quên ngày nào đại hội
Mùa thu nắng cũ lá vàng đi
Biết bao tiếng khóc âm thầm về
Những chuyện dĩ không dám hẹn về.
Áo trắng quên cười ngày đám cưới
Xót thương nắng ngủ trên hè chiều
Mây dừng chân dừng nhìn sông núi
Muốn nói mà không dám nói nhiều.
Đêm đêm sao rừng từng mong đợi
Buồn khổ thấy ma vào ngập hồn
Tối mắt còn đi giữa trời đất nước
Hóa bình đập nát bụi bần chân.
Hồn đau từ thừa trăng vữa lớn
Giỏ chơm hea mây rừng chớm vàng
Những mộng tay ghim đầy tội lỗi
Ngại ngừng chân bước theo thời gian.
Khối óc càng ngày càng hỗn loạn
Nẻo về tay nắm tay không thương
Mắt xanh này tựa ôm thù ghét
Quý sử giăng tay đứng chặn đường
Trắng như quế hương bụng mất khóc
Nửa đêm về ngủ buồn riêng mình
Rừng sâu mờ mắt nhìn đêm lạnh
Mây trắng bay về trong núi xanh.
Đau xót chừng trời không biết nói
Hồn nhún nhún loại đời tình hương
Đi lạc rồi sẽ làm ăn cướp
Đổi áo ngày xanh ở dọc đường.



HUỲNH-MINH-TÂN
(Phan-Thiết)

sao quên mùa thu cũ ?



 Gió về nhặt lá vàng thu ối
 Càng góp vẩn họa mấy dòng thơ
 Lá bay đề cội chơ-vơ
Cảnh non vượn đột trắng mơ lướt mảnh
 Ai quên sao màu xanh nhuộm nước
 Mưa thu buồn dưng ướt trần gian
 Quên sao mỗi độ đông sang
Mây trôi lơ-lững mơ-màng thu đi ?
 Mùa thu nay còn ghi sắc lá
 Còn vàng trắng soi dóa hoa phai
 Nắng loang trên dãy sóng dài
 Mùa thu năm cũ năm này có xa ?
 Quên sao nhé ! chiều tà thu trước
 Bóng dừa nghiêng mặt nước buồn êm.
 Thu xưa trắng tỏ về đêm
 Gió se-sẻ thổi vật thêm mơ-màng
 Gió về nhặt lá vàng thu ối
 Càng góp vẩn họa mấy dòng thơ
 Lá bay đề cội chơ-vơ
Cảnh non vượn đột trắng mơ lướt mảnh.

HẢI . THƠ
(Định Tường)

Chung quanh nghi-án Lịch-sử

Vua QUANG-TRUNG chết vì một liều thuốc độc của NGỌC-HÂN Công-chúa

● Trả lời Tạp-chí BÁCH-KHOA

✱ NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH

T R O N G tạp - chí *Bách-Khoa* số vừa rồi, ông TRỌNG - LAI thảo-luận tỷ-mỷ về bài báo của tôi trong *Phổ-thông*, và đề chứng-minh một vài ý-kiến của ông, ông đã chép hẳn cả một đoạn chữ Nho trong « *Liệt-truyện chính biên* », và dịch nôm cho độc-giả dễ hiểu.

Nhưng theo thiên - ý của tôi, dùng sử « *Liệt-truyện chính-biên* » của triều Nguyễn, thù-dịch của Tây Sơn, đề chứng-minh cho các sử kiện của Triều Tây-Sơn, thì e dễ bị lầm-lạc chăng ?

Ông Trọng-Lai tin-tưởng vào « *Liệt-truyện chính - Biên* » một cách tuyệt đối, và ông cho rằng « *Không còn có gì giá trị hơn.* »

Nhưng, tiếc thay, đọc kỹ quyền sử của nhà Nguyễn, ai có đôi chút công-tâm cũng phải nhận thấy rằng các Sử-Quan của Triều Nguyễn lúc biên soạn « *Liệt-truyện Chính-Biên* » đã mắc phải cái bệnh xu phụ thời thế một cách quá đáng. Họ đã dùng ngòi bút của họ đề cầu vinh, cầu quan to, bổng lớn, và vì vậy họ đâu còn là ngòi viết chép Sử của Tư-mã-Thiên, hay là 3

nhà chép Sử của thời Thôi-Tử thì Tề Quân nữa.

Tại sao tôi lại dám cả quyết đây là những Văn thần xu phụ Triều Nguyễn một cách quá đáng? Vì chỉ nghe qua mấy chữ này ta đã rõ họ là ai rồi!

Thực vậy, những chữ họ chép ở tờ 42 cuốn 30 như ống Trọng Lai tham khảo viết ra:

« *Nhâm-tý, Huệ...* » Gọi Hoàng đế Quang-Trung một cách xách mé, y như gọi một kẻ thứ dân. hay một tên « giặc », và chỉ trong một đoạn ngắn này họ đã gọi tên « Huệ » 5, 6 lần bằng cách xác xược hỗn láo như thế.

Thế rồi họ lại viết: *Cửu nguyệt nhị thập cừu nhật Huệ từ, tiếm vị ngũ niên...*

Vua Quang Trung có tiếm vị của ai đâu? Mà nếu họ dùng chữ Tiếm-vị thì phải chỉ Vua Gia-Long tiếm vị của Vua Quang Trung mới đúng. Và dân đảng trong và dân đảng ngoài sau này thường kể lại chuyện chiến tranh của Nhà Nguyễn Tây-Son và chúa Nguyễn-phước-Ánh, họ thường nói là: « Vua Tây và

Chúa Nguyễn » (Tây, tức là Tây-Son).

Nếu như vậy thì Ai tiếm vị Ai?

Người chép « *Liệt Truyện chính biên* » gọi Vua Quang-Trung bằng Huệ a, Huệ kia, hay là Nguy kia — Nguy nọ — thế mà khi họ dùng đến Vua Gia-Long thì họ viết: « *Ngã Thế-Tổ ký khắc Gia-Định* »! Viết sử như thế, bảo ai tin được? Tuy vậy, những việc trên đây còn có thể hiểu được, vì họ làm quan của nhà Nguyễn, họ chỉ biết phụng-sự Vua nhà Nguyễn.

Nhưng xem đến một đoạn họ chép sử như sau đây, thì các bạn có thể tin vào sử-liệu của « *Liệt Truyện chính biên* » được không?

Tôi xin nêu ra đây đề các vị Thức giả, các bạn đọc *Phổ-Thống* cùng thường-thức tài-liệu Sử-gia của nhà Nguyễn:

« Một hôm trời về chiều đang ngồi, Huệ bỗng xây xẩm mặt mày, thấy một ông lão tóc bạc, từ trên không đi xuống, mặc áo trắng, cầm gậy sắt mắng rằng: ●

Ông Cha ngươi sống

nhờ đất Vua, suốt đời làm dân của Vua, sao người dám phạm đến đẳng tằm...»

Thưa ông Trọng Lai, phải chăng vị trung thần của Nhà Nguyễn chép quyển *« Liệt Truyện Chính Biên »* này đã mơ truyện Phong - Thần hay Phong - Kiến Xuân - Thu, nên lúc chép đã mơ thấy một Ông Tiên ở trên trời đi xuống mắng và đánh vua Quang Trung ?

Các vị thức giả, các bạn đọc Phồ Thông đọc xong đoạn trên, có thể tin được như ông Trọng - Lai là *« Nhất nhất đều tương tế phản minh »* nữa hay không, về lỗi chép sử trong *« Liệt Truyện Chính Biên ? »*

Đến đoạn ông Trọng-Lai viết ở trang 65 :

« B. Giai đoạn thứ nhì là Cầu hôn, để dò thái độ Thanh triều. Sử chép rằng : Nhà Vua chỉ mới định sai Nguyễn-chiều-Viên đi sứ dâng thư cầu hôn, xin cưới Công-Chúa con vua Càn Long. Nếu việc không thành sẽ cử binh đánh Trung-hoa để đòi Lương Quảng. Nhưng công việc chỉ còn trong vòng dự - định, vì bấy giờ lệnh cưỡng bách

Tòng Quân bị dân - chúng phản kháng đến nỗi vua Quang Trung vừa băng hà, việc bắt dân đeo tui bài phải bãi ngay.

Đáng tiếc thay ngôi bút của nhà « Sử » quá thiên-vị trên kia đã vô tình làm ô-danh vị anh-hùng Quang-Trung ! Để đính-chính lại sử-liệu này, tôi xin trích đăng một đoạn bài của ông CỒ - BÀU - NHÂN ở Nha Trang đã gởi đăng trong tạp chí *Lành-Mạnh*, ở Huế mà hiện tôi có bản sao lục do tác-giả có nhã-ý gởi cho tạp-chí *Phổ-Thông*, như sau đây :

* Để khỏi mất công các bạn lục sách tìm tài liệu để so sánh, tôi xin giới thiệu quyển Quang Trung của HOA-BĂNG, 1 quyển sách viết rất công phu và dựa trên nhiều tài liệu xác thực.

Theo những tài liệu mà tác-giả đã thân thập được thì việc vua Quang Trung cầu hôn Công-Chúa Mân-Thanh có thật nhưng mỗi sách chép mỗi khác. Nhiều sách chép rằng :

* Năm Nhâm-tý (1792) Vua Quang Trung sai sứ-bộ sang Thanh Triều định yêu sách nhà Thanh hai việc : Cầu hôn và đòi đất lương Quảng. Nhưng khi sứ bộ

sang đến nơi thì được tin vua Quang Trung mất, họ bèn tìm tờ biểu khiến khích ấy đi, mà đổi làm tờ biểu « cáo ai » báo tin buồn cho Triều-Thanh biết.

« Còn theo gia phả họ Vũ, theo **VŨ-VĨNH-THỨ**, cháu ba đời của Vũ-văn-Dũng, soạn năm 1870 thì Vũ-văn-Dũng được sắc phong làm Chánh Sứ đi sang Tàu, toàn quyền trong việc xin lại hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây để dò ý, và cầu hôn một vị Công Chúa để chọc giận. Vũ-văn-Dũng sang Tàu dâng Tán-chương xin vua Càn-Long hai việc ấy. Hai việc đều được chuẩn y, nhưng vua Thanh chỉ ưng cho một tỉnh Quảng Tây để làm đất đóng-đò mà thôi. Vua Thanh lại sai Bộ Lễ sửa soạn nghi-lễ việc cưới gả, định ngày cho Công-Chúa sang Nam đệp duyên cùng với Quang-Trung. Nhưng sau đó mấy hôm, Vũ-văn-Dũng nhận được tin vua Quang-Trung mất. Vì vậy mà mọi việc đều lơ lửng, sự bộ đành ôm mối hận mà trở về ».

Tình cờ không hẹn mà nên, Cuốn gia phả của họ Vũ do Ông Vũ-vĩnh-Thứ cháu ba đời của cụ Vũ-văn-Dũng soạn năm 1870,

lại có sự trùng hợp đến 90% của gia phả họ Nguyễn-Lê của chúng tôi !

Lại đến đoạn ông Trọng Lai đã kích tôi như sau :

Trong câu chuyện ông N.T.K viết còn kể thêm rằng vua Càn-Long còn chủ trương : « Một mặt cứ đem công chúa lên đường sang V.N. và một mặt vua Quang-Trung phải thân ra biên ải để đón vợ và lễ động phòng hoa chúc sẽ lập ra ở tại chỗ mà hai bên gặp nhau. Than ôi ! Lễ nghê của hai nước có hàng nửa vạn năm vẫn hiết, luân lý đạo đức Không mạnh bắt rễ trong đầu óc con người Á-đông từ vài nghìn năm, một cùng dân cũng cảm thấy rằng vi phạm cớ tục là một tội lỗi đáng phỉ nhổ, thì có lẽ nào vua Càn Long, một ông vua « đầu óc » của hệ thống lễ-nghê Á-đông lại x róng xuất một thể lệ dơ dáy đến thế ư !

Thưa ông Trọng Lai, tôi sợ rằng vì ông quá trung-thành với quyền «Liệt Truyện Chính Biên» nên ông không chịu tìm hiểu nhiều chi tiết khác, mà cứ nhất định rút trong « L.T.C.B. » ra làm tài liệu để dả kích.

Tôi xin xác-minh sử-liệu sau đây. Vua Quang Trung cho sứ sang cầu hôn, trong biểu chương có ghi xin cưới Công Chúa con Vua Càn Long, và xin cả hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây để làm chỗ đóng-dò, để cho vua Quang Trung và Công chúa con Vua Càn Long « được gần với Bắc-triều ».

Vì thế nên Vua Càn Long mới chịu gả Công Chúa cho vua Quang-Trung một cách gấp rút. Và chính vua Càn Long cũng biết là Vua Quang Trung sẽ không bao giờ sang tận Trung hoa để đón vợ. Trước kia khi sang cầu phong, Vua Quang Trung cũng chọn một người có hình dáng gần giống Nhà Vua để sang nhận ấn tín « An Nam Quốc Vương » tận tay vua Càn Long, chứ cũng không phải đích thân Vua Quang - Trung sang Bắc-Kinh.

Việc thay mặt này không phải là vua Càn Long không biết, nên lần này nhà Vua đặc biệt ban ơn cho Vua Quang Trung khỏi sang đón vợ tại Trung Hoa, nhưng bắt buộc Vua Quang Trung phải ra biên-ải đón vợ ; để giữ thế-

thống cho Vua nhà Thanh.

Trong Phồ-Thông số 62, khi tôi viết đoạn trên, tôi đã gọi vua Càn Long là con Cáo già. Trái lại ông Trọng-Lai quá tâm bốc Vua Càn Long, nào là : một Ông Vua « đầu dọc » của hệ-thống nghi lễ Á-đông. Nào là : « người Tàu đầu có chịu một hành động phạm thượng như thế. » (trang 66) « mặc dầu ngồi hoảng-để nước ta thường được vua Trung-Quốc phong là An Nam Quốc Vương, nhưng dưới mắt họ Vua ta chỉ là một tù trưởng, bị coi ngang hàng với một quan nhị, tam phẩm tại triều như Lang Trung, Thị Lang, Viên ngoại mà thôi. Do đó không bao giờ họ chịu hạ mình để kết thông gia với một nước nhỏ như nước V. N. v.v...

Đọc đến đoạn này, chính tôi có cảm tưởng ông Trọng-Lai là một người Tàu chính cống, có lẽ từ thuở tiền-thế-kỷ nên ông mới có giọng nói khinh bạc và kỳ thị chủng-tộc như trên.

Ông chỉ nghe nói đến Vua Càn - Long, ông cho đó là một đấng chi-tôn ghê gớm lắm. Vì

vậy nên ông mới viết « vua Càn-Long là một vị « đầu dọc » của hệ-thống nghi-lễ Á-đông ». Chứ ông Trọng-Lai có ngờ đâu Vua Càn-Long là một ông vua xảo-quyệt nhất của nhà Mãn Thanh.

Thực vậy ! Bỏ ngôi vị hành du Giang-Nam, vua Càn - Long đã lấy một lũ vợ gồm đủ mọi hạng người. Cờ bạc rượu chè, háo sắc và đánh nhau lung tung như những kẻ du đảng — (lễ-nghi Không-Mạnh ở đâu ?) Nhất là sự bội-ước và tàn sát đám anh hùng Thiệu Lâm, sau « Vụ án Hòa thiệu Thiệu Lâm Tự » ấy, những tay giang-hồ hảo-hán mới lột được mặt nạ của con cáo già Càn-Long, và lập đảng Hùng-Hán Giết-Mãn « quấy rối Triều-Đại Mãn-Thanh thất diên bát đảo, cho mãi đến đời Từ-Hi Thái-Hậu cũng còn sự hoạt-động của đảng ấy thì đủ rõ.

Vậy tôi xin ông Trọng - Lai đừng xem Vua Càn-Long và Trung-Quốc quá « vĩ-dại » như ông viết cho nhẹ thề nước Việt-Nam đi.

Còn về đoạn ông thắc mắc ông Nội tôi, tuổi thọ không biết bao nhiêu ? Xin ông xem Tạp-chí Phê - Thông số 65 ra ngày 15-9-61.

Tôi xin dừng bút nơi đây, và

mong còn có dịp đề trình bày thêm với ông những điểm thắc mắc khác nữa. Vì bài trả lời của tôi đã quá dài.

● Một số sau, tôi sẽ xin trình bày cùng quý bạn đọc Phê-Thông tạp-chí :

★ **Tại sao mãi đến ngày nay tôi mới viết : « Một Nghị Án Lịch Sử » ?**

● Kính gửi Ông Cồ-Bàu-Nhân, Nha-Trang.

Xin cảm ơn ông đã có mỹ ý gửi riêng cho tôi bản thảo bài : « Ngọc Hân Công chúa chịu hết tiếng oan này đến tiếng oan nọ ». Tôi đã nhận được do ông Giám-Đốc Phê Thông chuyển giao. Và xin hẹn một số gần đây sẽ giải đáp những thắc mắc của ông. Về vụ Nghị Án Lịch Sử, sau khi bài ông sẽ đăng trong báo « *Lành Mạnh* » ở Huế như ông đã nói.

NG.-THƯỢNG-KHÁNH





TRUYỆN NGẮN

LIÊN

★ LỮ-QUỲNH

LẦN thứ nhất tôi gặp Liên cách đây ba năm. Hồi đó tôi mười sáu tuổi. Buổi chiều nắng vàng trên những tàng cây. Tôi đã sáo sẩm màu nắng đó với màu áo cầm-vân của Liên. Hai đứa gặp nhau trong một nhà thờ họ. Điều này làm tôi sực nhớ rằng tôi và Liên không lạ nhau. Tự nhiên tôi buồn. Nói buồn mười sáu năm xưa không phải không có lý-do.

Trong lúc mẹ Liên cúng trên nhà thờ, Liên tìm đến với tôi dưới một gốc cây. Nàng nhặt những bông phượng chưa úa sắc đem lại chia cho tôi :

— Anh có biết chơi thứ này không ?

Tôi cười rất đầm ấm :

— Nếu không Liên sẽ bày cho tôi. Lo gì.

Liên cười, ngã đầu về phía sau; mái tóc ngắn đủ che kín đôi vai. Sự thật, Liên không gọi tôi bằng anh. Theo hệ thống trong gia-tộc, tôi phải gọi nàng bằng chị hay bằng gì hơn nữa. Nhưng chúng tôi không bao giờ theo nguyên tắc đó.

Liên bế vụn những dóa phượng đặt bên cạnh, rồi nói :

— Anh cũng làm như thế chứ ?

Tôi mỉm cười và làm y công việc của nàng. Những rêu phượng được lấy riêng để một chỗ. Tôi hiểu cách chơi này rồi. (Nôm-na bọn trẻ con thường gọi là "chơi đá gà"). Mỗi lần tôi bị thua, Liên nhìn tôi cười nghiêng ngửa.

Tôi tự hỏi, tại sao hồi ấy gặp Liên lần đầu, mà chúng tôi dễ thân mật với nhau như vậy ? Vì không - khí họ - hàng chẳng ? Ý nghĩ sau cùng làm tôi lại cảm thấy buồn — nỗi buồn của người lữ-hành lúc đi ngang đèo, thấy mây bay thấp quá, đưa tay muốn với, nhưng chúng luôn luôn ở ngoài tầm,

Buổi chiều mất dần màu vàng. Tôi nhìn vào áo Liên và cũng nhận thấy như vậy. Liên hỏi :

— Bao giờ anh đi học ?

Tôi cảm thấy thật sự thương Liên :

— Bao giờ Liên hết chơi những dóa phượng này.

Liên cúi xuống, hai bàn tay bâng khuâng như muốn nắm lấy một cái gì.

Gọng Liên tự nhiên, tự nhiên và dễ thương như lời của một người yêu.

— Liêa ọ, có thích ra vườn không ?

Liên gật đầu. Tôi muốn được nhìn màu nắng trên tóc Liên, và muốn được cảm thấy mình đang đi vào một mùa thu thật sự.

Khu vườn nhỏ, rất nhiều cây che rợp hai đứa. Liên đi bên cạnh. Tôi đi rất khẽ để được nghe tiếng lá vàng bề vụn dưới chân nàng. Tôi đứng lại dưới một gốc bưởi. Liên cúi mình xuống nhặt một chùm hoa nở muộn, đưa tôi :

— Anh xem hoa bưởi trắng chỉ là trắng !

Tôi ngắm chùm hoa trên tay Liên :

— Liên làm tôi nhớ đến một bài ca-dao rất buồn.

Hai đứa im-lặng. Buổi chiều xế bóng. Có những mầng nắng rất nhỏ chồn-vồn trên tóc Liên, trên áo Liên. Tôi hỏi rất dịu hiền :

— Liên có thích biển không ?

— Thích lắm anh ạ.

Tôi im lặng một lúc :

— Biển chỉ đẹp cho những người đang yêu và đi đến do một mình.

— Tại sao thế anh ?

Tôi cười bí mật :

— Không khó cắt nghĩa.

Nhưng đề khi nào Liên đi một mình Liên sẽ nhận ra.

Lúc đi vào nhà, Liên nắm tay tôi. Tôi thấy tâm hồn lúc đó thanh thản vô cùng. Một cảm giác đến với tôi, làm tôi có cảm tưởng đang thoát ra rất xa môi - trường gần tiện của cuộc sống. Liên nói :

— Anh có thích mùa thu không ?

— Tôi thấy Liên là mùa thu.

Liên cúi cúi, mái tóc đỏ về một bên.

— Sao anh so sánh lạ thế ?

— Không lạ Liên ơi. Mùa thu lá vàng. Liên áo vàng.

Liên ngẩn mặt nhìn tôi :

— Sao anh không vào cúng ?

— Còn Liên ?

— Liên là con gái mà !

Nàng đáp rồi quay mặt đi. Một lần nữa tôi để ý đến mái tóc ngắn của nàng. Tóc không dài và đẹp như của những chị nữ-sinh trên Huế, nhưng dễ thương. Tóc Liên quả thật dễ thương.

— Liên ơi.

Nàng quay mặt trở lại.

— Muốn về chưa ?

— Liên còn đợi mẹ.

Lúc đó, tôi muốn nói với Liên một lời gì, nhưng không biết gì để nói cả. Tôi im-lặng chào Liên. Lòng nao lên như những buổi chiều đi một mình bên bờ nước mặn, hoặc gối cát nằm nghe nhạc sóng.

Giá lần đầu tiên, tôi gặp Liên ở một chỗ khác, thì hai đứa đã yêu nhau rồi. Dù cho khi đó tôi chưa biết yêu, nhưng ít ra cũng tránh được những mặc cảm lúc gần nàng.



Gặp Liên lần thứ nhất, đề bây giờ gặp lại lần thứ hai, tôi quả quyết rằng, hồi đó tôi bắt đầu biết yêu.

Tóc Liên độ này rất mượt và dài — đẹp hơn tóc của những người con gái trên Huố, và dễ thương như hình ảnh năm xưa — Liên nói với tôi :

— Anh về đúng giữa mùa cam chín.

Tôi mỉm cười nhìn bàn tay rất xinh của Liên đang cắt cam. Và cảm thấy thương Liên kỳ-lạ.

— Anh còn ở lại chứ ?

— Liên có biết bây giờ là mùa thu không ?

— Anh lại đi học.

Tôi nói bằng tất cả sự thương Liên :

— Những bông phượng của Liên mất hết rồi.

— Mùa hè Liên hay nhớ anh.

— Liên có mặc áo vàng đâu ?

— Màu cam-vân năm trước. Còn bây giờ Liên có nét hiền từ của mùa Thu.

Thấy tôi muốn già từ, Liên nói :

— Anh ăn cam nữa không ?

— Không, nhưng xin Liên một trái.

Hai đứa lại trở ra vườn... Và lần này tôi nhận thấy, Liên quả thật là mùa Thu.



✧ Phê-Bình

Một hôm có người nói với ông Bernard : Hôm rồi đi xem vở kịch của ông viết, dở quá !

Ông Tristan Bernard trả lời : « Tôi cũng đồng ý với ông là vở ấy tệ lắm, nhưng chỉ có ý-kiến của tôi và ông thì làm sao chống lại với ý-kiến của hàng ngàn khán-giả khác. »

HUYỀN ANH KIỆT

Sinh-viên Việt-Nam Trình bày Ca-vũ Nhạc TẠI HEIDELBERG

“[?]Ở

Việt - Nam, trẻ con như thế ông Vua ; các em nhảy múa, muốn lên chơi trên Cung Trăng và hái những ngôi sao .. Tay cầm đèn bạch-lạp, bốn thiếu-nữ nhảy một điệu vũ xưa đưa họ lên Trăng. Tà áo xinh đẹp, xòe ra mềm mại duyên-dáng, ánh sáng liu-biu của đèn nến làm cho long-lanh rực-rỡ các sắc màu, những cử-dộng dịu-dàng thướt-tha, uyển-chuyển trên sân-khấu, nhịp-nhàng theo một điệu nhạc lạ-lùng.

Đêm vừa rồi, tại thành-phố Heidelberg, ở miền Nam - Đức, 36 Nam - Nữ Sinh-viên Việt-

✱ RICHARD WILM
(HAMBURG)

Nam đã trình-bày những điệu ca-vũ-nhạc của xứ ấy. Khán-giả gồm các sinh-viên ở khắp Thế-giới đi du-lich sang Đức và tụ-hội tại quán Thanh-niên Heidel-berg, đã nhiệt-liệt hoan-ngheh các bạn Việt-nam. Thật là một cuộc trình-diễn phi-thường.

Các sinh-viên Việt-nam học ở Paris, được đi một cuộc « du-lich học-hỏi » trong ba tuần-lễ tại Liên-bang Cộng-hòa Đức, hầu hết là mới đến nước Đức lần đầu-tiên. Các bạn được mời đến viếng thủ-đô Berlin trong một tuần, và viếng Francfort-sur-le-

Main một tuần, trước khi sang Heidelberg ở 8 ngày, để xem-xét các đền-dài xưa danh-tiếng ở nơi đây, và các phong cảnh tuyệt đẹp ở quanh vùng.

Chính trước khi từ-biệt nước Đức, các sinh-viên Việt-nam đã biểu - diễn đêm ca-vũ-nhạc tại Quán Thanh-niên Heidelberg. Thật là một dạ-hội biệt-ly thần-tiên thơ-mộng, mà khán-giả sẽ còn giữ kỷ-niệm lưu-luyến mãi mãi.

Đối với toàn thể khán giả, đêm biểu diễn văn hóa này kh ng những chỉ có tính-cách thích-thú suông về nghệ thuật của những điệu múa và ca nhạc mà người Âu-châu chưa được biết đến, mà nhất là sự «cố gắng», — theo như lời anh trưởng-đoàn đã nói — truyền lại, với những phương-tiện khiêm tốn, chút ít những lo-âu và phiền-não, những hy vọng và hân-hoan, của người dân Việt-nam». Như Vũ điệu «Nồng dân» diễn-tả lúc gieo giống, lúc gặt lúa, và công-việc mệt-nhọc nơi đồng ruộng. Bài hát «người thuyền chài» diễn-tả các cuộc phiêu-lưu trên mặt bể, và điệu ca «Sơn-Lâm» toát ra được cả cuộc sống kham-khở ở núi rừng. Vũ-diệu binh dân

của Thế-kỷ XII : «Chống quân Xâm-lăng Tàu» gợi lại những hành vi của các đấng tiên-nhân. Sau cùng, «Vũ-diệu con Bướm» gợi được cảnh êm dịu của một buổi sáng mùa xuân tươi-đẹp. Một tờ báo Đức đã phải phê-bình khen ngợi : «Trong Vũ-diệu con Bướm, các cô thiếu-nữ Việt-nam với hình bóng tha thướt mơ màng của các truyện thần tiên, lượn qua lượn lại như trong giấc mơ ảo huyền : những cử-động của họ thoáng qua nhẹ-nhàng như một hơi thở.»

Toàn-thể báo-chí Đức đều đồng-thanh tỏ lời cảm ơn các bạn sinh-viên Việt-nam đã hiến một buổi trình diễn tuyệt-diệu tuyệt hảo ấy. Tờ báo lớn nhất ở Heidelberg, là tờ « Rhein - Neckar Zeitung » đã viết :

« Suốt trong một giờ đồng-hồ, các bạn đã đưa toàn thể khán-giả Âu-châu đến một xứ xa lạ, huyền bí, nơi đây con người diễn-dạt cảm-tình một cách khác hơn chúng ta nhưng cùng một giá-trị và cùng một hào-hứng mãnh-liệt như chúng ta. »

RICHARD WILM,
(Dienst aus Deutschland)

Màu áo đen



Hôm nay em mặc áo đen,
Chị nhìn, mỉm miệng cười duyên hỏi rằng :
— « Sao em không mặc áo hồng,
Áo xanh xanh biếc, áo vàng vàng tươi ? »
Em rằng : buồn lắm chị ơi !
Sao em cảm thấy « chán đời » quá đi.
Vui gì trong cảnh phân chia,
Vui gì trong cảnh loạn ly tơi bời !
Ngoảnh nhìn đất Bắc, thương ôi !
Trong gang tấc, tưởng như nơi nghìn trùng !
Cầu kia ai cắt ngang sông
Ai đem máu đỏ nhuộm giống nước xanh ?
Tấn tường Nam Bắc phân tranh,
Sông Bến Hải, tưởng sông Gianh thuở nào !
Cùng chung một giọt máu đào,
Ai đem xương máu xáo vào nồi da !
Cùng chung một giải sơn hà,
Hai mươi lăm triệu chẳng là anh em !
Bao giờ Nam Bắc đoàn viên
Đề em quên hết nỗi niềm đau thương.
Thì em sẽ mặc màu hường,
Màu xanh xanh biếc, màu vàng vàng tươi !
Bắc Nam chia sẻ ngọt bùi,
Cùng nhau chung sức đắp bồi non sông !



Màu đen đối chiếu màu hồng,
Màu đen, màu « áo tang lòng » chị ơi !!

TÂM-TÌNH
(T. T. TH.)

Mặt nước mơ-màng soi bóng liễu
Giòng sông tha-thuốt chảy êm-dềm
Bao phen nước cuốn giòng xuôi ngược
Mà vẫn còn soi dáng liễu mềm

Gió ơi ! ngừng mùa trong giây phút
Cho liễu hàn-huyên với nước mây
Rung-rẫy cảnh buồn e sóng gió
Trong mùa thu đến bến sông say.

Liễu ơi ! chớ vội buồn than trách
Nước vẫn âm thầm đón bóng xưa
Lệ rũ mơ-màng trên sóng gợn
Kết bền duyên thắm giữa giòng mưa

NGUYỄN-THỊ THU-HƯƠNG

(Gia-Định)



Dương liễu bên sông

Buổi chiều thu

Đường về thôn dã chốn nông, tang
Trong buổi chiều thu, lá rụng vàng
Một lũ người đi vui-vẻ chuyện
Cây, bừa, quang, gánh vác nghênh-ngang.

Trước mặt xa-xa, thấy cổng làng
Rừng tre bao phủ, tối như hang
Trên đàn Cò trắng bay tìm núi
Dưới lũ Đồng về sáo thổi vang.

Tựa cửa kè bên chầu cúc vàng
Trông mây, thiếu nữ mắt mơ màng
Giật mình, khi thấy chàng du khách
E-lệ, cô em bước nhẹ-nhàng.

Liếc mắt nom lui, vẻ ngợ-ngàng
Hỏi thăm, ầu khách của dài trang
Mỗi năm cứ đến mùa thu rụng
Tựa cửa trông ra, lại nhớ chàng.

NHO-SINH

(Đà-nẵng)

✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻

Một giấc Mơ hoa

✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻ ✻



(Tiếp theo P.T. số 64)

★ Chủ nhật 22-4 — 9 giờ đêm

Hồng thường tự bảo với Hồng rằng: 16 tuổi chưa phải là tuổi yêu đương mơ-mộng. Nhiều lần Hồng đã không tán thành Loan, Loan thì ưa thuyết với Hồng rằng sống ở thời buổi nguyên-tử này, người con gái cần phải hưởng đầy-dủ những hương-vị còn tươi đẹp của tuổi hoa-niên, kéo rời sắc đẹp chóng tàn, đời người chóng cổ. Mỹ-Thanh cũng đã có lần cho Hồng biết một nhận xét «nguyên-tử» của mấy người bạn trai của anh Hải. Họ bảo với nhau trước mặt Thanh rằng: «Con gái đời nay 20 tuổi đã già rồi. Bấy

giờ là phong-trào tình yêu 13 tuổi». Trời ! Thật Hồng không thể nào có ý-nghĩ quái-gở như thế được. Thế thì, thế nào là tuổi thanh-niên ? Đến giới-hạn nào là hết tuổi thanh-niên ? Đời đã già đâu, mà ái-tình chóng « già » thế ? Chả trách được Loan ! Con nhỏ cùng tuổi với Hồng, mà đã có hai ba « thẳng tình-nhân » rồi. Nó bảo Hồng thế này : « Tuổi tui mình là tuổi của tình-yêu, của thơ-mộng. Không yêu cũng phí đi ! Cứ yêu cho hết thời vui-vẻ trẻ-trung, rồi đến 20 tuổi đã già, sẽ lấy chồng là vừa ! »

Ghê thật cái con Loan ấy ! Mà nào có phải riêng nó ? Trong xóm của Hồng ở đây, Hồng thấy có hai ba cô cũng chạc tuổi Hồng, cũng tự-do « quá-xá », đến đổi mà Hồng trông thấy họ Hồng cứ tưởng Hồng là « bà cụ non » thật sự !

Buồn cười hóm hờ Hồng hỏi Me : « Lúc Me còn trẻ, Me bắt đầu biết yêu từ lúc mấy tuổi, hả Me ? » Bà cụ đang nhai trầu, nghe Hồng hỏi, phải phì cười, rồi nhổ một bọt nước trầu vào ống-nhỏ, Me bảo Hồng : « Me... thì Me yêu Thầy của con lúc 21 tuổi, rồi 23 tuổi Thầy mới cưới Me ».

Hồng muốn thờ-lộ « tâm-sự » của Hồng với anh Hải cho Me nghe, đề hỏi ý-kiến Me, nhưng Hồng do-dự, biệt có dám nói với bà Cụ. Nói ra, thế nào bà Cụ chả mắng !

Kề ra, Me bắt đầu biết yêu lúc 21 tuổi, Hồng mới 16 tuổi đã... phớt qua nhẹ-nhẹ ái-tình, thì giữa hai thế-hệ cách-biệt nhau trong khoảng 45 năm (Me 61 tuổi) ái-tình đã bước một bước « tiến-bộ » được 5 năm ! Kề cũng đã nhanh lắm rồi. Thế mà có những kẻ cho là quá chậm. Họ muốn cái thứ « Tình yêu 13 tuổi » cơ !

Không thể như thế được. Hồng hay có tính mỗi chút là mỗi suy nghĩ, mỗi hành-vi là mỗi cân-nhắc. Hồng thấy rằng Hồng 16 tuổi đã biết tình-yêu, là hơi lãng-mạn sớm quá rồi đấy.

Tuy rằng Hồng nhận thấy anh Hải có vẻ yêu Hồng thành-thật lắm, và tự xét kỹ lòng mình, Hồng cũng thấy Hồng « yêu » Hải, thế

nhưng... cơ... mà Hồng vẫn cảm thấy như thề là... một cuộc phiêu-lưu hơi mạo-hiêm.

Đã đành có ai học được chữ « yêu » ? Có ai dạy cho mình về « Tình yêu » bao giờ đâu ? Cứ tự-nhiên là « nó » đến. Nó đến ngẫu-nhiên, gần như đột-ngột, không báo trước cho mình biết, không hẹn trước cho mình chờ... Nó bước êm-dềm vào trong cõi tim, nó hiện thoang-thoảng trong giấc mơ...

Rồi dần dần nó ngự-trị trong suy-tư, nó khắc-phục cả tư-tượng, nó chiếm cả tâm-hồn ! Ái-tình ghê-gớm thật ! Nhưng nó không dữ-tợn : nó êm-êm, dịu-dịu, nhẹ-nhẹ... Nó xao-xuyến như sóng gợn hồ thu. Nó rạo-rực như hồn vương ý-nhạc. Nó dễ-mê như nắng chiều lên men..

Ôi, Ái-tình ! Ái-tình ! Mi từ đâu đến ? Mi sẽ đi đâu ? Mi khoát lớp áo một chàng sinh-viên khả-ái, trao ta một tia mắt, gửi ta một nụ cười, rồi bóng chàng xa-cách, sao bóng mi còn lại lần-vần mãi bên ta ?

Ta cứ bảo ta chưa muốn yêu, ta chưa biết yêu, sao mi đã tìm đến ta sớm thế ? Mi sẽ đưa ta đi tới đâu ? Tim Hồng còn non-nớt lắm, như con chim con còn trong tổ ấm, đôi cánh mong-manh, nào dám phiêu-lưu ? Hồng chỉ sợ mưa gió phủ-phàng, nhớ giấc mơ hoa sẽ đồ-nát tan-tành trong ác-mộng ?...

(12 giờ khuya)

✱ 29-4

Hồng có tật ưa phân-tách tỷ-mỷ từng chuyện nhỏ nhặt để tìm rõ chân-tướng trên đời. Vì Hồng thấy mọi vật đều phức-tạp, nhất là đối với cặp mắt còn ngây-thơ của Hồng chưa nhìn thấu được vào bề sâu của sự vật.

Hải đã gửi đến Hồng 3 bức thư. Thư đầu, H. viết : « Hồng thân-ái », thư thứ nhì : « Hồng yêu quý », thư thứ ba : « Hồng yêu dấu của lòng anh ».

Hồng chỉ giả nhời : « *anh Hải thân mến* ». Vì Hồng nhận thấy rằng Hải bông-bột quá. Sự thực, Hồng mới bắt đầu yêu H., nhưng trong 3 bức thư giả nhời, Hồng chưa muốn thổ-lộ rõ-ràng tình-yêu chớm nở của Hồng. Hồng phải dè-dặt, vì tự trọng, vì thẹn thùng, nhất là vì thành-thật, Hồng thích dè-dặt như thế hơn. Tình-yêu e-lẹ, ngập-ngừng, kín-dáo, — theo ý-nghĩ của Hồng — có vẻ thanh-nhã hơn và có nhẹ bần bĩ hơn. Mới lá thư đầu tiên, chưa chi Hải đã gọi Hồng « *thân-ái* ». Đã đành Hải có thể nghĩ rằng con gái đời nay không quá ngây-thơ nữa đâu, nhưng người ta đã lạm-dụng danh từ « *thân-ái* », thét rồi thấy nhàm, không còn ý-nghĩa chính đáng nữa. Ông giáo dạy Anh ngữ của lớp Hồng, hôm trước Tết chúc học-sinh, cũng nói : « *Các bạn thân-ái* ». Vài cô học trong lớp gởi cartes de Bonne-Année tặng Thầy, cũng đề « *Thân-ái kính tặng Thầy* ». Thật buồn cười, Hồng nhiệt-liệt đả-đào lối dùng danh-từ bê-bối như thế. Đã *kính*, còn *thân-ái* là thế nào ? Học trò sao lại « *thân-ái* » với Thầy ? Thầy Giáo sao lại « *thân-ái* » với học-sinh ? Theo Hồng, Thầy chỉ dùng « *thân-mến* » là đúng mà thôi. Học-sinh, dù có mến Thầy cho thế mấy chẳng nữa, tưởng cũng chỉ nên xưng-hô là « *kính mến* » vừa giữ lễ-phép, vừa tỏ tình quý-mến Thầy. Hải yêu Hồng, nhớ Hồng, theo lời Hải nói, Hồng có thể tin được là Hải rất thành-thật. Nhưng Hải cũng phải nhận thấy rằng Hồng còn dè-dặt, Hồng e-lẹ giữ-gìn đôi chút tự-trọng của người thiếu-nữ, Hồng không phải là mấy cô quá tự-do, bông-bột, thì đáng nhẽ Hải cũng nên dè-dặt đáp lại chứ. Hồng thích thế hơn.

Hôm qua, được thư Hải gọi « *Hồng yêu-dấu của lòng anh* », Hồng thấy khó chịu. Chưa đâu vào đâu, Hồng chưa hề có tỏ tình thân-mật lắm, mà Hải đã xưng-hô độc-đoán như thế ư ? Hải đã tự-ý coi Hồng là « *của riêng* » của Hải rồi ư ?

Hai thư đầu, Hồng đã giả nhời : « *Anh Hải thân mến* ». L

thứ ba, chủ nhật này Hồng nhất định sẽ viết : « *Anh rất thân* ». Hồng đã suy-nghĩ kỹ, chỉ dùng đến những danh-từ « *thân ái* », « *yêu quý* », « *yêu dấu* » v.v. . . khi nào Hồng đã hoàn-toàn yêu Hải. Chừng nào « *fiancée* » rồi, Hồng mới có thể xưng là « *Hồng của anh* » và « *Hải của em* ». Theo Hồng nghĩ, Tình-yêu cũng phải có đôi chút giáo-dục thì tình-yêu mới có giá-trị, mới đẹp, mới quý chứ !

Hồng nhận thấy các bạn gái của Hồng thường dùng những danh-từ : « *thân ái*, *triu-mến*, *quý-mến*, *yêu-quý*, *yêu-dấu* » không phân-biệt, thành những sáo-ngữ môi-mép, không có còn ý-nghĩa và giá-trị chân-thật nữa.

Hồng nhất-dịnh không bắt chước xưng - hô « *hàm-bà-làng* » như thế. Một thiếu-số các cô gái ở Sài-gòn hiện nay của phong-trào « *Đợt Sóng Mới* » bắt chước theo lớp thanh niên ăn-mặc bên Âu-Mỹ, « *Nouvelle Vague* », tưởng rằng sống với tình-cảm trơ-trẽn và bừa-bãi thế mới là « *mới* », là « *tiểu-bộ* ». Khổ-nạn ! Họ chỉ để cho người ta thấy rằng tình-yêu của họ, nụ cười của họ, là những món hàng rẻ tiền. Những món hàng phơi-bày trên lề đường những buổi chiều thứ Bảy và sáng chủ-nhật...

(còn nữa)



★ Mâu thuẫn

Liên và Phụng là hai nữ-sinh thi hồng. Gặp nhau, Liên đau buồn nói với bạn :

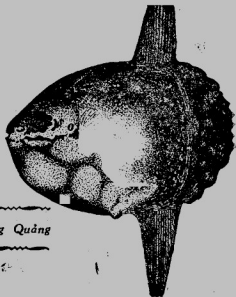
— Tao muốn-chết mầy ạ ! Có nhiều khi tao có ý-dịnh tự tử, nhưng...

— Nhưng sao ?

— Nhưng tao sợ ba mà tao biết được ý định ấy, chắc ông bà giết tao chết quá ! ! ?

HẢO MAI
(Phản-Thiết)

CÁ MẮT TRẮNG



Gởi tặng chị Hằng nơi cung Quảng

N GÀY xưa Đường
minh Hoàng du nguyệt
diện đề tìm «Người đẹp» nơi
Cung QUẢNG thì ngày nay
«Thế giới văn minh» lại đang
thi đua nhau thám hiểm không
gian, muốn đặt chân lên tít Cung
Trăng, khám phá thêm những
điều mới lạ. Nhưng Chị Hằng
xưa và nay hầu như vẫn thế : Nàng
kiêu hãnh thướt tha trên ngàn
mây, nghe tiếng hát đêm trăng
của con người nhân thế vọng lên :

*Này có Hằng Nga thướt tha
trên ngàn mây,*

*Có có buồn không ? Xuống
đây với chúng tôi !..»*

Có lẽ Nàng buồn thật. Buồn
vì chưa có bạn tri âm và thứ nhất
là Đêm Trung Thu ánh sáng êm
dịu của nàng bao trùm cả khoảng
không gian rộng lớn, đem vui-
tươi tới cho loài người, tỏa ra
trên mặt nước lung linh, nhưng
không thể xuống sâu trong lòng
dại dương bát ngát để tìm cho
ra một loại cá, giấm mọng trùng
tên với Nàng : CÁ HĂNG
NGA.

CÁ HĂNG NGÀ ! Hình

★ ANH-VŨ

đáng nó như thế nào và nó có đẹp như Chị Hằng trên Cung Quảng không nhỉ ? Đó là thắc mắc riêng của HẰNG NGA và có lẽ cũng là thắc mắc chung của các bạn trong những đêm TRUNG THU trăng sáng.

CÁ HẰNG NGA hay là cá Mặt nguyệt, cá Mặt trăng, người Pháp gọi là Poisson-Lune, người Anh và Mỹ lại thường gọi là SUNFISH (cá mặt trời) và các nhà khoa học trên thế giới đã khai sinh cho nó cái tên MOLA - MOLA hay ORTHAGORISCUS MOLA.

Có thể nói rằng chưa một loại cá nào lại có một hình dáng đặc-biệt như cá Hằng Nga : mình tròn không giống loại cá nóc nhím tròn như quả ballon, mà lại dẹp ngang. Mới trông người ta chỉ thấy chiếc kỳ trên lưng dựng đứng và chiếc vi hậu chĩa xuống và ai cũng nói là cá Hằng Nga không có đuôi.

Sự thật thì đuôi cá Hằng Nga đã làm thành một đường viền tuyệt hảo, bao quanh cả thân mình cụt lủn, gần ngay khúc đầu « vĩ đại ».

Cá Hằng Nga không có vi bụng, chiếc vi bụng, xòe ra như nan quạt bên cạnh những bộ phận phát sinh ra ánh sáng.

Những đêm tối, chỉ có ánh sao lấp lánh trên vòm trời, các ngư phủ ra khơi thường được trông thấy một hiện tượng lạ lùng : cả một khoảng rộng nơi trùng dương, mặt nước lấp loáng ánh sáng như có chị Hằng lấp ló trên ngàn mây nhìn biển cả.

Họ tới gần, nhìn trời, nhìn nước chỉ thấy một « đồng thù lù » đang di chuyển một cách nặng nề.

Họ thả lưới và bắt được dễ dàng vì nó bơi thật là chậm chạp. Nó cũng không cần kháng cự mặc cho loài người muốn làm gì thì làm.

Đám ngư phủ hò nhau kéo lên thuyền, ánh sáng trên mặt nước cũng vụt biến mất. Họ cùng nhau ngắm xem con cá lạ. Hình nó giống mặt trăng và đầu nó tỏa ra ánh sáng êm dịu trên mặt nước lung linh nên họ đặt tên cho nó cái tên thông thường là cá Mặt Trăng.

Cá Mặt Trăng thật là ốm

na dễ hiểu nhưng nghe không được êm tai nên có người đã «thi vị hóa» thành cá Hăng-Nga. Cá Hăng Nga rất lớn, cả một cái đầu nặng hàng 100 kí mà bộ óc chỉ cân được không quá 4 lạng.

Người ta chưa thể nào giải thích được tại sao một loại cá bơi thật là chậm chạp, nặng nề, không có một thứ « vũ khí » nào để tự vệ, lại sống ở vùng biển khơi, chỉ thích hợp với loại cá xà, cá mập hay loại cá viển du.

Nó thích sống ở ngoài khơi đơn độc, ít khi người ta thấy một cặp cá HĂNG NGA.

Họa hoằn lắm, vào tiết Trung Thu, cá Hăng Nga mới lần la vào gần bờ. Lần đầu tiên vào mùa thu năm 1885 Hoàng thân Monaco Albert 1er bắt được mấy con ở Vành Gascogne. Đó;

mùa Thu năm 1912, ngư phủ Pháp bắt được 1 con ở gần bờ biển Manche và năm 1921, khi gió giao mùa vừa thổi thì người ta cũng thấy có loại cá này xuất hiện gần bờ biển Thái Bình Dương.

Một nhà bác học Anh đã nhận xét cá Hăng Nga ở miền nhiệt đới lại có màu sắc tuyệt đẹp. Nhìn những màu sắc lộng lẫy của con Lampris luna, người Pháp thường gọi là « Opah » nhà bác học đó đã nói rằng:

« Cá đã khoác lên mình cả bộ lễ phục sắc sỡ của bầy tiên múa khúc nghệ thường nơi cung Quảng. »

Đêm Trung Thu năm nay, chị Hăng vẫn tha thướt trên ngàn mây. Trông Nàng có vẻ vui tươi, trong sáng. Nàng không buồn vì đã có bạn tri âm nơi HẠ GIỚI, thông cảm với Nàng gửi tặng Nàng con cá Hăng Nga.



★ DANH NGÔN

● Xứ nào đẹp nhất ? — Xứ mà người yêu của anh đang ở.
I.A. KRYLOV (Thi-sĩ Nga)



*khí
người
đẹp
thật vọng*

★ **PETER CHEYNEY**

● **HOÀNG-THĂNG dịch**

(Tiếp theo P.T. số 65)

Tóm tắt kỳ trước : Gale

gặp Claude Weeps, một họa sĩ tại thị xã Melquay, nơi anh phải điều tra về vụ cô Denise. Claude muốn giúp anh về vụ án đó và hẹn anh tới nhà hăn vào một buổi tối. Tại nơi đây, Gale không gặp hăn và bị một bọn lạ mặt đánh cho một trận. Khi chúng rút thì Gale được một người đàn bà tới giúp ..

ĐỪ N G dựng dậy, đừng lo sợ, giọng người đàn bà trầm và buồn. Tôi sẽ mang nước lại cho anh.

Đối với tôi điều đó còn gì vui bằng nữa. Tôi cũng thấy thú vị khi thấy khăn ướt, mát lạnh chạy nhẹ trên thái dương, đầu tôi lại được tay người đàn-bà nâng lên. Trong trường hợp này sao mà dễ chịu ghê !

—Tôi không ngờ ông lại bị đánh

đập tàn nhẫn đến thế. Ông dừng mở mắt vội và cũng dừng nói gì cả. Tôi thử xem có thể diu ông lại chiếc giường để nằm tạm được không.

Người đàn bà đỡ tôi đứng dậy. Hình như đầu tôi bị ai nện bằng búa và tôi tưởng chiếc hàm không phải là của tôi nữa.

Bước được vài bước, tôi ngã đổ xuống giường. Trước khi ngất đi lần nữa, tôi còn biết người đàn bà có nâng chân tôi đặt lên giường.

Khi tỉnh lại, trán tôi được phủ một mảnh lụa ướt. Tôi thử mạnh nhiều lần và cảm thấy dễ chịu hơn trước nhiều. Tôi mở mắt nhưng rồi nhắm ngay lại. Thiệt không thể tưởng tượng được. Tôi nhìn lại lần nữa. Tôi không mê, sự thật như vậy. Nàng đẹp quá!

Người đẹp ngồi gần giường tôi. Nàng mặc chiếc áo lụa màu đen. Vai, cổ, tay trắng như được tráng một lớp sữa vậy. Khuôn mặt trái xoan, lông mày nhỏ không có tô viết chì màu, mắt trong xanh như ngọc thạch với hàng lông mi dài, cong vút. Một người đẹp hoàn toàn.

— Tôi không thể nào ngờ được, tôi nói khẽ.

— Chuyện gì thế ông? Nàng nghiêm nghị hỏi.

— Cô. Tôi chưa thấy ai đẹp như cô

Người đẹp cười. Đôi môi đỏ hé mở để lộ hàm răng trắng bóng, đều đặn. Riêng đôi mắt nàng vẫn buồn và lạnh như đá.

— Tôi chắc ông khát nước lắm. Đề tôi đi kiếm coi có không.

Tôi nhìn bàn tay phải dính bùn và máu :

— Tôi rất sung sướng được uống, nhưng tôi sẽ sung sướng hơn nếu cô cho tôi mượn một mảnh vải ướt để lau tay.

Người đẹp gạt đầu đi vào buồng tắm. Tôi thấy tiếng nàng mở ngăn kéo tủ rồi đóng lại. Có tiếng nước chảy. Cô gái trở ra trao cho tôi mảnh khăn ướt rồi ra phòng khách tìm nước uống.

Nằm ngược nhìn trần nhà, tôi tự nghĩ không hiểu người đàn bà đẹp này, giữa đêm khuya có thể làm được việc gì nơi biệt-trang cô-tịch này. Nàng trở ra với chai rượu và chiếc ly. Nàng ngồi áp lưng vào tường, rót rượu và trao ly

cho tôi. Tôi nắm cả tay nàng và uống một hơi cạn hết ly.

Tôi tự giới thiệu tên tôi. Nàng cho hay tên nàng là Denise Ellerdene.

— Tôi bị ba kẻ lạ mặt đánh trước khi cô tới. Cô có hiểu tại sao tôi tới chỗ này không ?

Nàng gật đầu. Tôi cho nàng hay tôi có nhiệm vụ đi tìm tác giả bài báo nói về cô ta đăng trong tờ Melquay Record.

Nàng như nghĩ ngợi : ‘ Chỉ vì có đó mà người ta ngược đãi Ông ư ?

— Đúng như vậy. À mà cô tới đây làm gì ?

Denise trao cho tôi tờ giấy đánh máy mấy hàng chữ :

Gửi cô Denise Ellerdene,

Nếu cô muốn biết rõ sự thật về vụ bài báo bị ôi đăng trong tờ Melquay Record, mời cô hãy lại biệt-trang của tâu Weeps hồi 22g30.

— Tôi đang dự khiêu-vũ với mấy người bạn tại Palace Hotel, chợt có người trao cho tôi mảnh giấy này hồi 9g30. Tôi vội chạy tới. Tôi đập cửa không thấy ai

trả lời và khi vào tới nơi, tôi thấy ông nằm dưới đất, trước cửa phòng ngủ.

Cô Denise nhún vai nói tiếp :

— Còn đoạn sau thì Ông đã rõ.

— Cô có biết một người tên là Claude Weeps không ?

— Có. Hẳn ta có một cửa tiệm tại Melquay và có trang hoàng nhà cửa cho cha tôi. Tôi biết về hắn ít lắm, và cũng chỉ nói chuyện với hắn có một lần.

Tôi rút thuốc lá mời Denise hút. Nàng từ chối nhưng bật hộp quẹt nghiêng đầu châm lửa giúp tôi. Một lần nữa tôi thấy nàng đẹp kinh khủng. Thân hình nàng cân đối không có chỗ chê. Vụ Ellerdene càng lúc càng thấy hứng thú.

Tôi kể cho Denise nghe hết mọi chuyện, không dấu một điều nào. Từ chuyện bà mẹ, tới Weeps, cuộc hẹn hò tại biệt-trang và sự vắng mặt của Weeps lúc tôi đến. Tôi còn hỏi Denise nghĩ sao về chuyện đó.

Denise trả lời sau một phút im lặng :

— Weeps có biết một kẻ nào

đó rõ vụ bài báo kia. Hắn tuyên bố là ông ép buộc hắn nói nên người kia phải trả tiền hắn để hắn tránh ông và giữ kín miệng. Ông có đồng ý với tôi như vậy không ?

— Đúng. Tôi cũng nghĩ như vậy.

— Nhưng ai đã gửi tờ giấy này cho tôi ? Chắc chắn không phải là Weeps. Khi tôi nhận, Weeps chắc đã đi xa rồi. Vậy ai ? Họ làm như thế để làm gì ?

— Riêng tôi, tôi cho chính Weeps là tác giả tờ giấy mời đó. Hồi chiều, khi từ gia tôi, hắn đã tới gặp kẻ nào đó để nhận tiền mua sự im lặng nhưng hắn cũng gửi thư cho cô trước khi biến đi. Hắn chủ tâm gặp tôi lúc 9g30 để nói chuyện, đưa cho tôi coi những lá thư hắn giữ. Hắn mời cô chậm hơn để hắn có đủ thì giờ tính chuyện với tôi và sau đó cô gặp tôi.

Nhì đồng hồ đã 11g15, Denise hỏi tôi có trở về Melquay không cùng hỏi tôi có tiếp tục điều tra nữa hay thôi.

Tôi mỉm cười trả lời :

— Ồ, tôi còn cần phải nói chuyện riêng với cái thằng đã đá

vào bụng tôi nữa chứ.

Denise cúi mặt không nói. Trông nàng khổ sở làm sao. Mùi nước hoa từ người nàng bốc ra, xông vào mũi tôi gây ngất. Nàng nói nhỏ, không hề nhìn tôi :

— Tốt hơn cả là Ông nên đi. Cho ông, cho tôi. Cho tất cả.

— Thiệt không ?

Denise gật đầu. Tôi trở vào buồng ngủ xách chai rượu ra để uống. Rượu ngon làm tôi bớt đau đớn thê xác.

— Thiệt là điên rồ khi cô nghĩ thế. Tác giả bài báo khả ố đó phải được lôi ra ngoài ánh sáng. Đó là điều cần thiết. Cho hạnh-phúc của cô. Cho cả Trenidor, người chồng chưa cưới của cô nữa. Trenidor không hề ý tới chuyện đó vì anh yêu cô và cô yêu Trenidor, việc của cô là phải thanh toán cho xong vụ này trước ngày lễ cưới.

Denise rùng mình, hỏi xin tôi một liều thuốc lá.

— Tôi không yêu Trenidor. Tôi không bao giờ yêu cả.

— Cô làm tôi ngạc nhiên hết sức. Cô cất nghĩa tôi nghe.

— Tôi chưa hề yêu... vì tình, Denise nhún vai một cách mệt mỏi. Phần đông những thanh niên tôi gặp đã làm tôi mất lòng. Chỉ một hai người thôi. Kể ra thì tôi cũng có cảm tình với anh Trenidor, nhưng tôi không yêu ai cả.

— Thiệt đáng buồn.

Chúng tôi chìm trong sự im lặng. Denise hỏi.

— Ông Thiệt là thứ người lạ lùng. Ông có thể kể cho tôi nghe về ông được không ?

Tôi vui vẻ kể cho Denise nghe về tôi đã hoạt động trong thời kỳ chiến tranh, những sự tra tấn của bọn Gestapo Đức, sau hết tôi nói :

— Và ngày mai, tôi bắt đầu tính chuyện. À, chúng ta có thể gặp nhau được không và ở đâu ?

Denise cho tôi một địa chỉ để gặp gỡ : Orange Hatch cách Forest Hill Country Club độ ba dặm đường. Orange Hatch trước là một tiệm nhầy dùng trong thời kỳ chiến tranh để tiếp binh lính Huê-kỳ đóng trại nơi vùng đó. Giờ đây nơi này rất vắng vẻ, ít

người ưa tới, Denise hẹn gặp tôi ngày hôm sau, sau bữa cơm chiều.

— Vào 10 giờ đêm ư ? Như vậy có sự muộn không ?

— Không, đường tốt lắm. Thôi chào ông, nhớ 10 giờ mai nhé.

Nàng ra về. Tôi ngược nhìn theo bóng nàng rồi quay trở vào. Đứng giữa phòng tôi nghĩ ngợi. Tôi vào phòng tắm rửa tay. Không có khăn lau tay. Tôi chợt nghĩ tới Denise đã mở ngăn kéo lấy khăn. Tôi thấy nơi góc buồng tắm có một chiếc tủ có sáu ngăn kéo. Tôi rút bốn chiếc ngăn trên không thấy có khăn và tới ngăn thứ năm mới thấy có. Tôi rút một chiếc và tôi chợt ngưng lại. Một ý nghĩ vụt hiện nhanh trong óc. Muốn tìm mảnh vải này, Denise chỉ rút ngăn kéo có một lần, tôi chắc chắn như vậy. Nhưng khăn lau tay đều ở ngăn kéo thứ năm. Nàng đã tìm được ngay khi mở ngăn kéo.

Nàng đã tới phòng tắm này rồi.

● Ngày Thứ Năm

KHI bác sỹ ra về rồi, tôi

vội lái xe chạy dọc bờ biển để hóng mát cùng ngắm những người qua lại. Mặt trời sáng chói. Từng đàn chim kêu riu rít, lượn cánh trên làng sóng bạc. Tất cả đều hớn hờ, vui thú, trù riêng tôi, sau trận đòn hội chợ, tôi vẫn còn bị tức ngực, đau nhức. Viên bác sỹ đã quả quyết chỉ trong vòng một tuần lễ là tôi mạnh như thường. Đúng là một con người lạc quan, cái ông bác sỹ đó.

Tôi ngừng xe trước một phòng điện thoại gần Hội quán Melquay Country gọi hẹn gặp Finney rồi tôi đi Mapletor. Tới Lindle's Hotel tôi đã thấy Finney ngồi đó với ly bự whisky-soda và bao thuốc lá Lucky Strike trước mặt.

Finney cho tôi hay anh chưa thu thập được nhiều tài liệu nhưng anh có biết một cô gái làm ở Cầu-lạc-bộ Forest Hills Country :

— Biết đâu nó có thể giúp ích được cho anh. Con nhỏ ở nơi đó suốt thời kỳ chiến tranh nên nó biết rõ mọi người. Kể cả gia đình ông bà Ellerdene và cô Denise.

— Cô à có biết Hart Ellen

không ?

— Biết chứ. Tên phi công đó ai mà không biết. Mọi người đều công nhận hẳn là một anh hùng trên không trung, nhưng, dưới đất thì xài không vô. Một con sâu rượu. Hình như mọi người đều có thù sửa đổi sự vô chùng mực đó, nhất là bà Ellerdene. Riêng cô Denise thì không đề ý tới. Cô nàng chỉ thích cưỡi ngựa đi chơi đề trăm-tư mặc tướng.

— Còn bà bồi phòng, mụ Mary McDougal.

Finney uống cạn ly rượu, tới quầy hàng kêu rót thêm ly nữa.

— Bà Mary rất tốt. Bà ta đã làm việc lâu năm tại gia đình Ellerdene. Giờ đây thôi việc vì bị bệnh. Riêng tên Roakes, thợ sắp chữ lại yên tâm. Chính McDougal đã làm cho hắn yên tâm. Bà Mary bị mất kém. Bà già muốn đi Newton Abbot để thăm người bạn nhưng lại không dám đi vì không có kiếng đeo. Nhà bán kiếng có gửi kiếng tới hỏi chiều và ngay buổi tối, bà ta đi Newton Abbot. Nơi đây bà có gặp Roakes vào một rạp chớp bóng với một cô gái. Khi nghe nói Roakes

bị người ta kết án đã sắp bài báo đó, bà Mary có tới tìm cô Denise để cho hay bà có gặp Roakes.

— Về Claude Weeps ?

— Về trang hoàng thì hẳn nhất nhưng nếu hẳn ghét ai, lưỡi hẳn sẽ thành lưỡi con rắn độc. Nhiều cô gái ưa nó nhưng cũng nhiều cô ghét hẳn. Còn phe đàn ông ư ? Không ai xài hẳn cả. Chính hẳn đã trang hoàng Câu lạc bộ Forest Hills Country, *Orange Hatch* và Val Clup ở Newton Abbot.

Tôi uống cạn ly rượu rồi đứng dậy. Finney hỏi tôi xem sẽ làm công việc gì.

— Khởi làm việc chi trong lứa này. Hãy năng đi thăm con nhỏ ở Forest Hills Country Club, biết đâu nàng cho biết thêm điều mới lạ. Khi nào tôi cần anh, tôi sẽ gọi điện thoại.

— O. K.. Như vậy còn có gì thú hơn nữa, Finney mỉm cười nói.

Bất chợt hẳn nhìn kỹ tôi rồi hỏi :

— Ủa, kẻ nào đã làm hư khuôn mặt bồ thế ? Với một chai bê hà ?

— Không, một lọ mực, tôi nói.

— Phải không khéo nghe không, kéo có ngày « một » đấy.

Tôi mỉm cười từ giả Finney. Trên xe hơi, tôi nghĩ tới Claude. Tôi cần biết những lá thư mà hẳn nói. Hay là hẳn nói dộc vậy thôi ? Nhưng tôi thấy hẳn nói thật lắm. Hẳn hẹn tôi tại biệt trang của hẳn, để đưa cho tôi những lá thư, như vậy đủ tỏ rằng hẳn thành thật muốn tới. Mặt khác, hẳn biết giữ những lá thư đó rất nguy hiểm, tốt nhất là hẳn dấu một chỗ kín. Và chỗ dấu kín nhất phải là căn nhà của hẳn ở Gara Rock. Lập tức tôi lái xe tới đó.

Giờ thời nhẹ trên dãy núi đá lởm chởm nơi ven biển. Dưới chân núi, sóng vỗ ầm ầm vào vách đá, tung bọt trắng xoá.

Tôi mở cửa bước vào trong nhà. Kỷ niệm cũ với Denise hiện ra trong trí nhớ. Đó là một người đàn bà mà bất cứ anh chàng nào gặp cũng phải say mê. Bất chợt tôi có cảm tưởng là tôi đã nghĩ tới Denise nhiều quá.

Tôi lục lọi khắp chốn nhưng không tìm thấy. Chán nản, tôi

bước ra ngoài, theo con đường nhỏ dẫn tới Prawle Point. Con đường ngoằn ngoèo trên mỏm núi rất nguy-hiêm. Tôi bước chậm chạp, điều thuốc lá trên môi, óc liên miên nghĩ kế-hoạch, tìm một điểm chính để hành động.

Con đường nhỏ dẫn thấp xuống tới bãi cát nhỏ nơi chân núi. Ở đây rất vắng vẻ. Tôi ngồi nghỉ chân, châm thêm thuốc hút. Nhìn trời, mây, nước, tôi mơ tưởng khi về già, tôi sẽ mua một trang trại để sống dưỡng già. Nhưng rồi tôi cũng lại nghĩ thêm là trong lúc này chớ có nên nghĩ tới một cuộc sống bình lặng ở nhà quê khi mà tôi còn có một vụ điều tra khó khăn.

Bất chợt tôi nhìn thấy một vật. Tôi thấy trước mặt, nơi một hốc đá có chiếc chân thò ra. Tôi nhớ rõ chiếc giầy màu nâu, đánh xi bóng, và chiếc tất lụa màu xám. Tôi đã thấy chúng nơi chân Claude hồi hôm ở bar Sheppey's. Tôi bước lại gần.

Claude đã chết. Phía trên cao độ vài thước, nơi một bụi cây có một chiếc valy khá lớn. Tôi lấy chiếc valy xuống để cạnh xác chết rồi đi vòng quanh tầng

đá để coi. Tôi yên tâm khi thấy rất vắng vẻ. Tôi vội mở valy ra coi. Ở trong có hai bộ đồ lớn, quần áo đủ để cho người đi chơi xa trong một thời gian.

Không có thư.

Tôi vội lục người Claude. Nơi túi áo ngoài có một bao thư dán tem Mỹ-quốc. Tôi rút thư ra đọc :

Hart yêu của em,

Anh có thể tưởng tượng được sự sung sướng của em khi nhận thư anh không ? Anh đã nói đúng điều mà em mong muốn.

Tuần rồi, ba em có nói với em về anh, từ một người làm công không tên tuổi trong cơ-xưởng đã trở thành một viên phi công có tài, có tiếng tăm nên ông không chống đối đám cưới của chúng ta nữa. Má cũng bằng lòng. Em mừng khôn tả.

Tờ điện tin em gửi cho anh đã cởi mở lòng anh, em cũng không nhớ em đã viết những gì.

Em yêu lá thư của anh lắm vì em đang chờ đón nó. Em đã hiểu hết cả : sang nước Anh, thất vọng vì chúng ta không được ở với nhau nên anh đã uống rượu

nhều để cố quên.

Không ai có thể chịu đựng nổi những nỗi buồn như nỗi buồn của anh, thêm vào đó những sự mệt mỏi và nguy hiểm của sự chiến đấu.

Giờ đây, tất cả đều tốt đẹp. Hart, em tin anh lắm. Anh nói rằng khi anh nhận được điện tín của em, em nói em chỉ biết có mình anh, anh sẽ trở về thật sớm, em lại càng tin anh hơn.

Anh đã có lý lẽ để thôi uống rượu. Con người uống nhiều rượu không tốt đâu.

Hart, mau sớm trở về với em. Em chờ đợi anh.

Tình em chỉ dành cho anh.

Và mãi mãi.

MÉRALINE

Tôi nhét vội lá thư vào túi. Nếu Claude nói tới lá thư này thì tôi thấy cũng chẳng có gì quan trọng. Nhưng biết đâu đấy....

Tôi tiếp tục lục soát. Chỉ còn một cây viết máy bị bể, một chiếc ví trong có 15 tờ giấy một đồng. Tôi đứng dậy châm thuốc hút. Claude, đã chết, hoặc hẳn bị huyệt chân té xuống chết, hoặc hẳn bị ai đẩy xuống. Kết quả vẫn vậy.

Một ý nghĩ vụt đến. Tôi lấy 100 tờ giấy năm đồng mà Claude đã trả tôi hồi hôm ở bar Sheppey's nhét vào trong valy rồi tôi đóng lại cẩn thận, đặt vào chỗ cây khi nãy. Rồi tôi rút lệ. Tôi về chỗ xe đậu, lái xe về Melquay. Trên đường đi, tôi dừng lại một phòng điện thoại gọi Finney lái xe tới ngã tư đường Melquay-Newton Abbot đợi tôi.

Tôi lên đường và nghĩ tới Claude. Cái chết của hắn không giúp gì cho công việc cả. Trong lúc vội vàng, hẳn có thể trượt chân té xuống. Nhưng tất cả đều thay đổi nếu có người "giúp" hắn...

Nhưng bởi lý do nào ? Vì vậy tôi mới nhét năm trăm bảng vào trong valy. Nếu tôi nhầm, thì cũng chẳng sao cả. Còn ngược lại, biết đâu lại rất có ích.

Xe của Finney đậu trên cỏ bên lề đường. Tôi cho Finney hay :

— Đây là việc làm. Bỏ làm như đi chơi nơi miền Gara Rock buổi chiều nay. Bỏ đề xe nơi đồn quan thuế rồi đi bộ chừng hai mươi phút con đường dọc theo sườn núi, tới một con đường

KHI NGƯỜI ĐẸP THẤT VỌNG

nhỏ đi xuống biển. Tới nơi, ngoẹo tay mặt. Độ ba mươi thước, trong một hốc đá, có một sac chết. Đầu bị đập nát. Phía trên cao, trong lùm cây có một chiếc valy. Đứng dựng vào.

— O.K. Thằng đó rớt xuống hả ?

— Không biết. Bỏ gọi điện thoại cho cảnh sát Melquay hay bỏ khám phá ra cái xác chết đó. Nhớ nói bỏ không hề đụng tới nhé.

— Yên chí, nếu tôi không nhầm thì công việc tiến lắm hả ?

— Đúng, nhưng cũng chưa biết sao ?

Bốn giờ chiều, khi tôi đang tắm và đang bận ngắm những vết thương thì có tiếng chuông điện-thoại réo vang. Tôi biết ngay là Mac Andrew, viên thanh tra cảnh sát gọi tôi nói về Claude. Ông hỏi tôi có gặp Claude hồi hôm không và vào lúc mấy giờ. Tôi nói có gặp hẳn ở Shoppey's Hotel, sau đó tôi

bỏ đi khi hắn còn ngồi uống nước ngọt. Hắn vẫn chưa trả tôi tiền. Mac mời tôi lại văn phòng để nói một chuyện quan trọng về Claude.

Hai mươi phút sau tôi lái xe tới. Lúc này vết sứt ở môi và mũi đã lành nên tôi khỏi ngại Mac đề ý. Mac cho tôi hay Claude bị chết vì tai nạn ở miền Gara Rock. Tôi biết ngay là Finney đã báo cho họ biết nhưng tôi cũng vờ ngạc nhiên hỏi chuyện. Tôi nói về số tiền năm trăm của tôi mà hắn đã lấy. Viên thanh tra an ủi tôi :

— Ông yên tâm đừng lo mất. Vì chúng tôi đã biết rõ ông có số tiền đó nên sau khi làm biên bản xong chúng tôi sẽ trao trả cho ông. Số tiền đó hiện ở trong valy của hắn.

Tôi cảm ơn viên thanh-tra rồi xin lỗi cáo lui về khách sạn.

(còn nữa)



HO BAC-SY TIN

Chuyên trị :

HO CÒN HO GIÓ HO ĐÀM HO LƯC NGỘ

VIỆN BÁC-CHẾ

343, D. LUC-THINH CHOLON

Có bán khắp nơi

MƠ HỒ...

Lý Thái Bạch hồi xưa mê Trăng, ôm Trăng
mà chết. Đêm nay ta nhìn ánh Trăng trong
giao trên mặt nước, chạnh nhớ đến cuộc đời
và hình bóng của những vần Thơ...

Có biết bao lần Thu trở lại ?
Mang mang hồn mộng những canh dài...
Thấy trăng mình ngỡ rằng dư ảnh,
Của một thời xưa mưa gió bay...

Và cũng đêm nay giữa biển đời,
Thuyền trăng lại dễ mái chèo lời !
Mây trôi lơ-lững theo dòng nước,
Mấy đoạn tâm-tĩnh trăng nước ơi !..

Cây ngủ bên cầu trong bóng đêm,
Màn sương hay lệ của cung Thềm ?
Đâu đây tiếng cú buồn tha-thiết,
Than trách đêm dài sao lặng êm ?

Nước lạnh mơ-hồ tắm ánh trăng,
Người xưa chừng tưởng ả cung Hằng.
Lại nghe hơi gió trong ngàn lá,
Cuộc sống trần ai lạnh giá băng !..

Nước giữ muôn đời khúc biệt-ly.
Tĩnh trăng chưa nhạt buổi phân-kỳ.
Bên cầu vẫn mấy cây in bóng.
Mà gió rì-rào nhắc kẻ đi ?

Lý hồi Lý ! vẫn còn trăng đó..
Đêm nay ta lại khóc cho Người.
Lý hồi Lý ! vẫn Trăng còn tỏ
Mà Người đi giữa cõi chơi vơi.

Có biết bao lần Thu trở lại,
Mang mang hồn mộng những canh dài..
Thấy Trăng mình ngỡ rằng dư-ảnh,
Của một thời xưa mưa gió bay.

PHƯƠNG-LAN NỮ-SĨ

Nỗi sáu hôm nay

Dòng đời đây, hình hài tôi còn đó
Mà linh hồn chết giữa tuổi hai mươi.
Hương sắc Tình Yêu : nhưng gấm cuộc đời
Tuy năm tháng đổi thay thành kỷ niệm.
Đây lần nữa hồn hoang vu khép kín
Nhớ âm thầm và khóc ngất từng đêm
Hạnh phúc phương nào ? Mắt ngẩn ngơ tìm
Mà bóng dáng thân tình xa cách mãi
Niềm tin chết theo thời hoa con gái
Tôi kinh hoàng không dám mộng tưởng lai
Bốn hướng trời xa vương vấn u hoài
Nghe nặng trĩu như mây chiều xuống thấp.
Thôi từ giã lời hẹn thề e ấp
Vụt bay qua như áng gió rầm rì.
Tôi lặng nhìn người yêu mẫn ra đi
Hồn-cỏ-biết rưng rưng từng ý nhỏ.
Người từ biệt phủ phàng như bão gió
Cuộc đời tôi người đây xót đau vào,
Thời gian qua, ôi thời gian qua mau
Vụt đã thấy mình xa lìa tuổi đại
Hết cả rồi ! Dậm đời xa ngại ngại
Chỉ còn đây những nhớ tiếc không tên
Tuy thời gian không giúp được mình quên
Thì khóc mãi cho đau thương tràn rộng.
Tôi lại về với tình hồn vực thẳm
Rất âm thầm — Nhưng dám trách người đâu !
Sáu hôm nay như sáu tự hôm nào....

THANH-NHUNG

THU NHỚ



Thu về gọi nhớ ý thơ
Nhớ như nút biếc ngóng chờ ngàn mây
Nắng bùng nhớ gió heo may
Bâng-khuâng đổi cảnh Thu đầy nhớ thương.
Ngàn-ngor nhớ bạn muôn phương
Mấy thu qua, mấy sầu vương chiu lòng !
Mênh mông mỗi mắt chờ trông.
Bế bàng mong nhớ mà không tin gì !
Lạnh lòng Thu lại, Thu đi.
Đời thêm trống trải, ý thì thêm sầu.
Chim còl ngơ ngác trước lầu
E-dè nắng lửa, mưa dầu ngưng bay.



Soi gương thấy bóng hoa gầy !
Buồn mơ nhớ thủa : nước, mây, trăng Hiên.
Ớn lòng tỉnh giấc cô miên.
Lộ rừng rung nhớ : Quê miền thịnh Thu.

ĐẶNG - HỒNG - LẠC

Mình ơi !

VỤ

ĐÔNG - ĐỨC
TÂY - ĐỨC

NHƯ

THỂ

NÀO

?

MÌNH ƠI ! Vụ
Đông-Đức với Tây
Đức sao mà rối-rắm thế ?
Nguyên-do vì sao nước Đức và
thủ-đô Berlin lại bị chia ra làm
hai khu - vực ? Chia ra từ hồi
nào ? Đã chia rồi, sao còn tranh
giành nhau ? Liệu Nga và Anh-
Mỹ-Pháp có choảng nhau tại đây không ? Có thể
có thể-giới chiến-tranh thứ ba bùng nổ tại Berlin
không ?... Hỡi Minh ?

— Em hỏi ít thế ? Sao không hỏi một lô câu
hỏi nữa cho rôm ?

Ông Tú nói mỉa, nhưng Bà Tú tủm-tủm cười :

— Minh cứ trả lời hộ em mấy câu đó đi đã.

— Hồi ít, mắt công trả lời.

— Thì Minh giải đáp mấy câu đó xong, nếu em thấy Minh trả lời suông-sẻ, em sẽ hỏi nữa. Minh phải biết, được em hỏi là hạnh-lâm đấy ghen !.. Minh nói đi... Chớ ngạo rồi em cho đi coi múa lân !

Ông Tú đánh diêm châm thuốc hút, thong-thả nói :

— Chuyện nước Đức bây giờ cũng không khác gì chuyện múa lân, em oi. Hai đám múa lân giành nhau quyết-liệt khu-vực Berlin, đám lân Nga và đám lân Mỹ. Nhưng em đừng tưởng có cuộc đồ máu. Tuy hai bên hùng-hổ, đánh trống, đập phèng-la, múa gậy, la hét om-xòm như thể sắp sửa đánh xáp lá-cà, nhưng rút cuộc sẽ không có chi tron, bắt quá chữi thề nhau ít tiếng rồi giải-tán, ai nấy rút lui về khu-vực của mình ?

— Nguyên - do tại sao thế, Minh.

— Muốn hiểu rõ-ràng và đầy

đủ vấn-đề Đông-Đức Tây-Đức từ lúc nguyên-thủy, thì chúng ta phải trở lại những biến-chuyển của nó từ 18 năm về trước.

★ Từ tháng 10 năm 1943, khi mà các nước Đồng-Minh đang có mọi chiến-thắng trên khắp các mặt trận, và nước Đức của Hitler bắt đầu thất bại liên-tiếp nặng-nề, thì ba vị Tổng-Trưởng Ngoại-giao của MỸ, ANH và NGA họp nhau tại MOSCOU để thảo-luận về vấn đề sẽ chiếm đóng nước Đức như thế nào. Ba nhà ngoại-giao của ba đại-cường-quốc lúc bấy giờ hãy còn là đồng-minh, đồng thanh lập ra một cơ-quan gọi là «EUROPEAN ADVISORY COMMITTEE (*Commission Consultative Européenne*) — Ủy-ban Tư-vấn Âu-châu, — và trao cho Ủy-ban này nhiệm-vụ nghiên-cứu vấn đề chiếm - đóng nước Đức ngay sau khi thắng trận.

★ Ngày 12-9-1944, Ủy-ban này nhóm họp tại LONDON, xác-định quy-chế tương-lai của BERLIN. Trong bản quy-chế ấy có một điều khoản rõ-ràng như sau đây :

« Lãnh-vực Berlin sẽ bị sự chiếm-đóng chung của quân-đội Hoa-Kỳ, Anh, và Nga. Berlin sẽ đặt dưới quyền cai-trị chung của các vị Tư-lệnh quân-đội của các cường-quốc chiếm-đóng ».

★ Tháng 2 năm 1945, từ ngày 4 đến ngày 12, ROOSEVELT, (Tổng-Thống Mỹ), CHUR - CHILL (Thủ-Tướng Anh) và STALINE (quốc-trưởng Nga) họp Hội-nghị tại YALTA, (ở Crimée) hoàn-toàn chấp - thuận quy-chế trên kia.

★ Ngày 26 tháng 7 năm 1945, STALINE, CHUR - CHILL, TRUMAN (Tổng - Thống Mỹ thế cho Roosevelt đã từ trần,) lại nhóm Hội - nghị POTSDAM (ở Đức), xác-nhận một lần nữa quyết-định của Ủy - Ban Tư-vấn Âu-châu về chế-độ chiếm-đóng Berlin, và lần này ba nước lại đồng thanh mời thêm nước PHÁP của De GAULLE tham-dự, thành bốn cường-quốc.

Do đó, khi Đức đã hoàn-toàn bại trận, và quân đội bốn nước Đồng-Minh đã kéo vô BERLIN, thì thủ-đô của Đức bị phân chia thành bốn khu-vực, do ANH, PHÁP, MỸ, NGA mỗi nước

chiếm-đóng một khu riêng biệt, với quân đội của mình. Ba khu vực ANH-PHÁP-MỸ ở Tây-Berlin. Đông-Berlin thuộc về khu Nga.

★ Ngày 13-8-1945, bốn vị Tư-lệnh của bốn khu - vực chiếm-đóng đồng ký một bản giấcthư đảm-bảo cho dân-chúng toàn-thể thủ-đô Berlin được quyền tự-quyết (autodétermination), nghĩa là được quyền tự-do lựa chọn một vị Đô-trưởng của họ để cai-trị về mặt hành-chánh, dưới sự kiểm-soát chung của bốn vị Tư-lệnh chiếm-đóng.

★ Năm 1946, dân - chúng Berlin tham-gia lần đầu tiên cuộc bầu-cử Đô-trưởng Đức, — cuộc bầu-cử hoàn-toàn tự-do. Thủ-đô Berlin được gọi là GRAND-BERLIN (Đại-Bá-Linh), và giáo-sư ERNST REUTER được đại-da-số dân chúng bỏ phiếu bầu lên chức Đô-trưởng. Nhưng quy-chế tự-do này không lợi cho chính - sách của Nga, nên mùa Đông 1946, viên Tư - lệnh quân-đội chiếm-đóng Nga tìm cách để ngăn-trở công việc hành-chánh của tòa Đô-trưởng Đức. Mọi biện - pháp cai-trị của Đô-

trường đều được ba vị Tư-lệnh Anh-Pháp-Mỹ tán-thành nhưng bị Tư-lệnh Nga dùng quyền phủ-quyết, phản-đối không cho thực-hành.

★ Năm 1947, Đô-trưởng Ernst Reuter làm việc không được, liền xin từ-chức.

★ Đầu năm 1948, Nga lại đề-nghị dùng tiền Nga làm đơn-vị tiền-tệ chung cho toàn-thể thủ-đô Berlin.

Đề-nghị này dĩ-nhiên là có lợi cho Nga và thiệt-hại đến quyền-lợi của Anh, Pháp, Mỹ tại Đức, nên ba cường-quốc Tây-phương không tán thành. Tư-lệnh Nga bắt-chấp, tự-động ký nghị-định buộc toàn-thể dân-chúng ở Berlin phải dùng tiền tệ Nga. Anh-Pháp-Mỹ phản-đối kịch-liệt, và nhất-định không công-nhận tiền-tệ Nga tại Tây Berlin, khu chiếm-đóng của họ. Do đó, Berlin có hai khu-vực tiền-tệ khác nhau.

★ Ngày 24-6-1948, Nga bội-ước hai hiệp-định Yalta và Potsdam, tự-ý cắt đứt riêng-biệt hai khu Tây-Đức, Đông-Đức, và áp-dụng biện-pháp binh-bị phong-tỏa hẳn Tây Berlin. Tình hình gay cấn bắt đầu từ đây,

nghĩa là từ 13 năm nay rồi chứ không phải mới bây giờ.

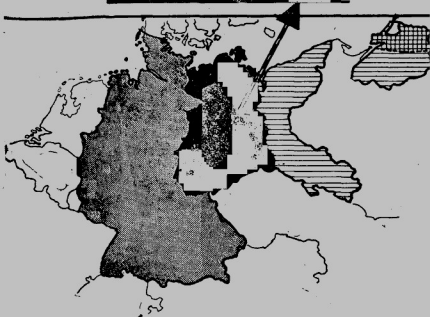
— Phong - tỏa như thế nào, hỡi Minh ?

— Em xem bản-đồ Berlin đây, thì thấy rằng Berlin ở giữa miền Đông-Đức do Nga chiếm-đóng, như hòn cù-lao chơ-vơ giữa biển. (Bản-đồ trang 98)

Bà Tú xem kỹ bản-đồ, rồi hỏi :

— Minh ơi, như thế này thì nước Đức đã bị chia làm hai: Tây-Đức theo phe Anh - Mỹ - Pháp, Đông-Đức theo Nga, mà thủ-đô Berlin lại ở lọt vào trong vùng Đông-Đức của Nga ?

— Đúng thế. Thành-thủ khu-vực Tây-Berlin của Anh - Mỹ - Pháp, bị cô - lập giữa lãnh-vực chiếm-đóng của Nga. Nga lợi-dụng vị-trí ưu-tiên của mình để bắt bí Anh-Pháp-Mỹ, và phong-tỏa Tây Berlin bằng cách bao-vây chung quanh, không cho liên-lạc với ngoài. Mục-dích của Nga phong-tỏa Tây-Berlin, là để Tây Berlin bị thiếu-hụt mọi thứ, đời sống khó-khăn, không được tiếp-tế, dồn ép Tây-Berlin vào trong tình thế « chết đói », bắt buộc Anh-Mỹ-Pháp phải nhượng-bộ và đầu-hàng Nga. Đó là cuộc



★ **Bản đồ trên : BERLIN, rộng 880 km²**

— Một nửa trắng : Tây-Berlin

(gồm có 3 khu-vực chiếm-đồng

của Anh-Mỹ-Pháp) rộng..... 480 km². Dân số : 2 triệu 2.

— Một nửa có sọc : Đông-Berlin

(Khu-vực chiếm-đồng của Nga) rộng 400 km². Dân số : 1 triệu 1

— Giữa là ranh-giới hai khu Đông-Tây Berlin : 45 km.

— Chung quanh toàn-thể Berlin, dài 235 km.

— Riêng khu Tây-Berlin : ranh-giới với Đông - Đức của Nga (đen, bao bọc chung quanh) : 155 km.

★ **Bản-đồ dưới : NƯỚC ĐỨC.**

— Màu xám = Tây-Đức.

— Màu đen = Đông-Đức do Nga kiểm-soát,

— Sọc ngang : Đông-Đức do Ba-Lan (phe Nga) kiểm soát.

— Berlin = trong khung chữ nhật nhỏ ở giữa Đông-Đức.

(vẽ lớn : ở bản đồ trên)

— Khu - vực Tây-Berlin của Anh-Pháp-Mỹ chỉ liên-lạc được với miền Tây-Đức, (bôi xám) bằng 1 đường xe lửa, 1 xa-lộ, và 3 « cầu không-vận », xuyên qua Đông - Đức (bôi đen).

« chiến-tranh nguội » đầu-tiên do Nga áp-dụng từ ngày 4 - 6 - 1948, trái hẳn với hiệp-định Potsdam đã ký-kết hồi năm 1945 giữa Staline, Churchill và Truman.

— Mình ơi, thế rồi Anh-Pháp-Mỹ có nhượng-bộ không ?

— Cuộc phong-tỏa của Nga kéo dài 321 ngày, nghĩa là trên 10 tháng.

— Trong khoảng 321 ngày bị cô-lập đó, Anh-Pháp-Mỹ có tiếp-tế cho dân-chúng Tây - Berlin được không ? Và tiếp-tế bằng cách nào ?

— Theo quy-chế chiếm-đồng của Grand-Berlin, thì khu Tây - Berlin của Anh-Pháp-Mỹ được liên-lạc thường-xuyên với Tây - Đức bằng một đường xe-lửa, một

xa-lộ và 3 hành-lang không-vận, (couloirs aériens) xuyên qua lãnh-thổ và không phận của miền Đông-Đức thuộc Nga.

Nhưng từ ngày Nga bắt đầu phong-tỏa Tây Berlin, thì quân - đội chiếm-đống Nga chặn đường xe lửa và xa-lộ, không cho lưu - thông. Anh-Pháp-Mỹ đành phải dùng 3 hành-lang không - vận để tiếp-tế vật-thực và hàng-hóa cho Tây Berlin.

Nhờ ba « Cầu không - vận » ấy và mỗi ngày có hàng trăm phi cơ bay qua bay về liên-tục ngày đêm mà Mỹ-Anh-Pháp đã tiếp-tế đầy-đủ cho Tây Berlin trong suốt 10 tháng trời.

Thấy cuộc phong-tỏa thất-bại, Nga đành bãi-bỏ chiến-thuật này, và bị bắt buộc phải trở lại với quy-chế Berlin theo Hiệp-định Yalta. Theo quy-chế này, Berlin được coi như là « Thành-phố tự-do » nghĩa là riêng-biệt của bốn cường - quốc chiếm - đóng, không dính-lưu gì với hai miền Đông Đức và Tây Đức. Chính - phủ Đông-Đức đóng ở Pankow, còn Thủ-đô Tây Đức là Bonn, đều có hai chế-độ hành - chánh riêng. không liên quan đến Berlin.

★ Năm 1949, Nga lại đòi chính-phủ Đông-Đức về ở ngay trong khu Đông Berlin. Như thế là Nga lại xâm-phạm Hiệp-định Potsdam, không đếm xỉa gì đến các đồng-minh Tây-Âu cả.

★ Ngày 17-8-1953, dân-chúng Đông Berlin khởi nghĩa chống chế-độ khủng bố và độc-tài của nhà đương-cuộc Nga chiếm-đóng tại đây. Cuộc khởi-nghĩa đổ máu này bị xe tăng Nga đàn-áp dữ tợn.

★ Từ 1953 đến 1958, liên tiếp có những Hội-ngị giữa Anh Pháp Mỹ và Nga, để giải quyết vấn-đề thực-hiện quyền tự-quyết của dân-tộc Đức, theo tinh-thần của Hiệp-định Yalta và Potsdam. Ba đồng-minh Tây-Âu đề-nghị cho Dân-tộc Đức được tổ-chức tổng-tuyển-cử tự-do để thống-nhất Lãnh-thổ của họ, và chấm dứt tình trạng bị chiếm-đóng. Nhưng Nga luôn luôn không tán thành.

★ Năm 1958, KROUCH-CHEV tuyên-bố giao trả khu vực Đông Berlin cho chính-phủ Đông-Đức, và đề-nghị giữ khu Tây Berlin làm « Thành-phố Tự-do ». Nghĩa là một mặt Nga tự-

ý sáp-nhập khu vực Đông Berlin vào lãnh-thổ Đông - Đức, một mặt khác lại đòi được chiếm đóng cả trong khu-vực Tây Berlin cùng với ba cường-quốc Tây-Âu. Biện-pháp đó thật là hoàn - toàn trái hẳn với tinh - thần Hiệp - định Potsdam, và thủ-đoạn mưu-mô của Krouchtchev là lần lượt « đẩy-cây » ba cường-quốc Tây-Âu, dồn-ép họ vào tình-trạng phải rút lui ra khỏi Tây Berlin, để toàn-thể Berlin lọt hoàn-toàn vào tay Cộng Sản.

Nhưng âm-mưu của Krouchtchev không thành, và đã suýt gây ra chiến-tranh năm 1958, nhưng rồi cũng... êm-ru-bà-rù...

★ 1961, Krouchtchev thay đổi chiến-lược và lần này ông tỏ vẻ quyết-liệt hơn. Ông tuyên-bố sắp ký hòa - ước riêng-biệt với Đông-Đức, và sẽ tự-động chấm-dứt việc chiếm-đóng của Nga. Nga sẽ rút quân ra khỏi Đông-Berlin, và làm như thế là bắt-buộc Anh-Mỹ-Pháp cũng phải rút binh ra khỏi Tây-Berlin, để cho hai khu-vực Đông-Tây thực-hiện thống-nhất. Nhưng dân - chúng Tây-Berlin biểu-tình yêu-cầu Anh-Mỹ-Pháp ở lại để bảo-vệ cho họ, chống lại mưu-mô của Nga muốn

đặt Tây-Berlin dưới quyền cai-trị của Chính-phủ Cộng-sản Đông Berlin. Thực-hiện thống - nhất, theo kế-hoạch của Kouchtchev là Thống-nhất dưới quyền lãnh-đạo của Nga. Còn 3 cường-quốc Tây-phương thì đòi thống-nhất nước Đức bằng Tổng-tuyên-cử tự-do, và cương-quyết giữ vững lập-trường ấy. Tình-hình rối-loạn hiện nay rất căng ở Berlin là do vấn-đề trên kia gây ra.

Một mặt, về phía Đông-Berlin, Nga áp-dụng những biện - pháp quân-sự gần như muốn chuẩn-bị chiến-tranh để « đuổi bọn tư-bản Tây-phương ra khỏi Berlin ». Vì thế, dân-chúng Đông-Berlin lo sợ, tìm cách trốn qua khu Tây - Berlin, để tìm Tự-do, mỗi ngày hằng nghìn người.

Một mặt khác, ở Tây-Berlin, dân-chúng náo-nhiệt đòi quân-đội Tây - phươg phải ở lại bảo-vệ cho họ. Vừa rồi, Mỹ đã phải gọi thêm binh-sĩ và chiến-xa sang Tây Berlin để đề-phòng đối-phó.

Hiện nay, dân-chúng Berlin đang phấp - phồng chờ đợi sự biến-chuyển của tình-hình, chưa biết ra sao...

— Mình ơi, theo mình thấy thì lần này Anh Pháp Mỹ có thể nhượng-bộ Nga không ?

— Nếu Tây-phương nhượng

bộ, thì không khác nào đầu-hàng Nga. Nga sẽ chiếm trọn vẹn Berlin và dần dần chiếm cả Tây Đức. Mỹ sẽ không tiếc vì mất một khu chiếm-đóng chật hẹp ở Tây Berlin không có lợi-lộc gì cho họ cả, nhưng Mỹ sẽ bị một thất-bại nặng nề hơn và nhục-nhã nhất trong Lịch-sử của họ : LÀ MỸ SẼ MẤT HẾT CẢ UY-TÍN CỦA MỸ TRƯỚC MẶT THẾ - GIỚI. Trái lại, nếu Krouchtchev thắng-lợi ở Berlin, không phải là thắng-lợi tại một địa-điểm bé nhỏ ở Đức, mà sẽ thắng-lợi ở khắp cả các địa-điểm trên Thế-giới.

— Nếu Tây - phương không nhượng bộ, Krouchtchev có thể gây chiến-tranh không ?

— Xét kỹ thì chắc chắn là không có chiến-tranh vì vấn-đề Berlin.

— Tại sao hử Minh ?

— Có bốn lẽ. Một là tại tình-hình nội bộ của Nga nhất là của các nước chư-hầu Cộng-sản đang ngấm-ngấm rối-loạn, Krouchtchev không thể gây chiến-cuộc với Tây-phương trong lúc này. Hai là lực-lượng nguyên-tử của Nga và Mỹ cũng tương - đương với nhau, Krouchtchev không dám liều-linh

một cuộc phiêu-lưu kinh-khủng như thế được. Thứ ba, nếu chính sách của Krouchtchev gây ra chiến tranh thì lực lượng quân đội Nga Xô sẽ làm chủ nước Nga, Krouchtchev sẽ không còn đóng vai trò trọng đại như Staline hồi Đệ-nhị Thế-chiến. Thứ tư là Nga không cần đánh bại Mỹ bằng chiến-tranh thật sự.

Krouchtchev đã có thể, và đã thắng Mỹ lần-lượt trong các cuộc chiến-tranh nguội, trong các chiến thuật ngoại-giao, các cuộc âm-mưu phá-hoại và đảo-chính ở nhiều nơi, như Mali, Nigeria, Bresil, Cuba, Lào, v.v... Vì những lẽ đó, Nga tuyên chiến với Mỹ trong lúc này không có lợi bằng kéo dài các cuộc « chiến - tranh nguội », và tấn-công Mỹ trên các mặt trận ngoại-giao.

Chúng ta nên biết vài tài-liệu so-sánh sau đây để dễ hiểu vấn-đề Berlin :

Thủ-đô BERLIN rộng 880km².

3 khu - vực TÂY - BERLIN (Anh-Mỹ-Pháp) rộng 480km² dân-số 2 triệu 2.

Khu-vực ĐÔNG - BERLIN (Nga) rộng 400km², dân số 1 triệu 1.

Quân số Anh-Pháp-Mỹ phòng thủ Tây - Berlin hiện nay = 11.000 người. (Không có quân-đội Tây-Đức đóng ở đây.)

Quân-số Nga ở Đông - Berlin = 67.000 người.

(Không kể quân-đội Đông-Đức tập-trung tại đây.)

Chính-phủ Tây - Đức, gọi là « Cộng-Hòa Liêng-Ban ». Chủ tịch : ADENAUER.

Chính-phủ Đông-Đức, gọi là « Cộng - Hòa Dân-chủ Đức », thường gọi tắt là D. D. R.

— *Deutsche Demokratische Republik*, chủ tịch : GROTE-WOHL.

— Mình ơi, Mình thích có chiến tranh, hay thích hòa-bình ?

— Anh yêu chuộng Hòa-bình, nhưng thích có chiến-tranh.

— Sao lại mâu-thuẫn thế ?

— Phải có chiến - tranh rồi mới có hòa-bình được. Không bao giờ lò thuốc súng âm - ỉ cháy mà một ngày kia không nổ. Thế-hệ này phải bị hy-sinh trong chiến - tranh, thì họa may con cháu chúng ta ở thế-hệ sau mới sống được Hòa-Bình. Vì lại, hiện giờ chúng ta

đang sống trong thời-loạn, chứ đâu phải thời bình ? Vấn - đề Berlin có thể dàn-xếp tạm êm, nhưng một ngày gần đây, nhất định sự thế sẽ bắt buộc Nga và Mỹ phải nói chuyện với nhau bằng bom nguyên-tử. Dù muốn dù không, nhất định thế-giới cũng sẽ chìm trong máu lửa nội trong giai đoạn chót của Thế-Kỷ XX. Đố sao tránh được !

— Thôi, Mình ! Em không thêm có chiến-tranh đâu. Lạy Phật lạy Chúa đừng có chiến-tranh cơ !

Ông Tú cười :

— Nào, thế bây giờ em có đi coi múa Lân không ?

— Mình đi không ?

—Đi. Anh thích xem ông Địa.

— Cho em đi với.

Bà Tú mặc lệ áo dài xanh, mang đôi guốc cùn, nắm tay ông Tú. Hai vợ chồng bước nhanh xuống cầu thang. Đoàn Lân «Chánh Hưng» đang múa ở góc đường Nguyễn-Thái-Học...

Điện-Huyền



Mơ-hỏi NƯỚC MẮT

Truyện dài tình cảm thời-đại * NGUYỄN.VỸ

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC

Cô Phạm-thị-Toàn, Nữ-sinh nhà nghèo, nhờ ông Ngọc-Minh giúp, đã khỏi phải bỏ dở việc học-hành và đã thi đỗ bằng T.H.Đ. N.C.. Tiếp tục vào học trường Quốc-gia Sư phạm trong 3 năm, Toàn sắp được bổ làm cô Giáo. Toàn đến thăm ông Ngọc Minh để tỏ lòng tri-ân. Ngọc-Minh mời cô ở lại dùng cơm trưa, "một tiệc nho nhỏ và thân-mật" để mừng cô thi đậu. Trước bữa cơm, ông Ngọc-Minh đưa Toàn đi dạo chơi ngoài vườn, và nói chuyện về ý nghĩa cuộc đời...

(Tiếp theo P.T. 65)

T OÀN hiểu ông Ngọc-Minh nhiều hơn ai hết, vì chính cô đã được ông Giáo-sư tận tâm giúp đỡ, thành-thật quý-mến, mà không có hậu-ý nào cả. Tuy nhiên, đã từ lâu, cô vẫn nghi-ngờ về một bí-mật trong đời sống của ông Ngọc-Minh. Cô tự hỏi: tại sao từ ngày cô được biết ông, cô vẫn thấy ông Ngọc-Minh sống độc-thân, không bao giờ nghe ông nói đến chuyện gia-dình?

Con gái, ai mà chả tò-mò? Nhất là Toàn, cô nữ-sinh trẻ đẹp đã may-mắn được quen ông Ngọc-Minh, được thường tới-lui thăm viếng ông, và được ông tiếp-đãi

vui-vẻ, bình-dĩng, thân-mật như người anh cả, như người bạn hiền thì Toàn có thể tự cho phép mình ngó kín-đáo đôi chút vào đời sống của vị ân-nhân. Đã mấy lần trước, thừa những lúc ông nói chuyện thân-mật, cô muốn hỏi ông về đời tư của ông, nhưng cô do-dự, sợ thất-lễ, và sợ ông giận.

Không lần nào Toàn nghe ông thổ-lộ ít nhiều về tâm-sự cá-nhân của ông. Ông cứ nói chuyện, với một vẻ hùng-hồn đôi khi rất cảm-động, về đời sống đau-khổ của những người khác, những bất-công của xã-hội, những tư-tưởng bác-ái và bình - đẳng. Tuyệt - nhiên Toàn không nghe ông nói đến ông bao giờ.

Lần này ngồi đối diện với ông nơi bàn ăn, khi bữa cơm đã xong, hai người ăn trái cây tráng miệng, Toàn tủm-tủm cười :

— Thưa ông, em vẫn ân-hận là không bao giờ em được hân-hạnh gặp bà Giáo ở đây.

Toàn hồi hộp đợi ông Ngọc-Minh trả lời, vừa lo ngại phản-ứng của ông. Nhưng, rất tự-nhiên, vui-vẻ, ông ngó Toàn :

— Bà Giáo nào ? Cô tưởng

tôi có một người vợ mà tôi giấu ở trong tủ ?

Toàn đỏ bừng đôi má thongay. Cô thẹn và ân-hận đã hỏi ông Ngọc-Minh một câu mà bây giờ cô mới thấy thật là vô-lý ! Nhưng ông Ngọc-Minh đâu có giận cô. Ông điềm-nhiên nói tiếp :

— Dĩ-nhiên, một ngày kia tôi sẽ cưới vợ. Tôi thích ở độc-thân như bây giờ, vì tôi yêu công-việc làm trong quạnh-hiu yên-tĩnh. Nhưng tôi cũng cần có một người đàn-bà để sắp-đặt cho có trật-tự các công việc của tôi, và làm bạn với tôi trong những lúc nghỉ-ngoi...

Ông ăn mấy trái nho, rồi nói chậm-rãi nhỏ-nhẹ :

— Tôi muốn có một người vợ hiền lành, rất hiền lành, như một con chim con...

Toàn tủm-tủm cười. Hình như ông Ngọc-Minh không để ý và nói với Toàn như thể nói riêng với mình :

— Tôi muốn mỗi nét đẹp, mỗi nụ cười, mỗi lời nói, mỗi điệu-bộ, và mỗi cử-chỉ của nàng, đều là ca, là nhạc, ấp ủ toàn thể con

người tôi... Người đàn-bà là gì? Tất cả những người đàn-bà đều không phải tất cả là đàn-bà. *Toutes les femmes ne sont pas toutes des femmes*. Tôi thường nghĩ thế, và luôn-luôn tôi hình-dung người Đàn-bà là tượng-trưng của Hiền lành tuyệt-đối. Trong đời sống vô-cùng khổ-não của con người chỉ có Đàn-bà là nguồn vui vô tận. Những tâm-hồn quạnh-quẽ, hoang-vu, cần có tiếng hát êm-dịu của Tin-tưởng vang ra từ thâm đẽ của con tim phụ-nữ. Tất cả những Bi, Thương, Sầu, Hận, đeo theo số-kiếp của loài người, chỉ có nụ cười của người đàn-bà, và bàn tay huyền-diệu của nàng là làm cho êm-nhe bớt được thói. Và khi chính họ đau-khổ, khi họ khóc nước-nở, thì ngăn lệ và nét buồn của họ là cả thảm-kịch bi-thương của nhân-loại.

Nhưng đáng tiếc, rất nhiều người đàn-bà đã mất cả ý-thức về nhiệm-vụ cao-quý, gần như thiêng-liêng của họ. Biết bao nhiêu người Đàn-bà quên rằng Thượng-đế sinh họ ra là ảnh-tượng của Diệu-Hiền, của Duyên-Dáng, của Tình-Yêu, và họ là biểu-lộ của vẻ Đẹp Vũ-trụ không có nó không

thể nào có đời sống điều-hòa.

Cho nên, tôi thường ngạc-nhiên khi chợt nghe người Đàn-bà nói với người đàn-ông mà họ đã yêu : « Em là của riêng anh. Em thuộc về anh hoàn-toàn ». Không! Người đàn-bà thốt ra câu nói ấy là tự mình thoái-vị phẩm-cách phụ-nữ của mình. Không có ai thuộc về ai hoàn-toàn cả. Không có ai là của riêng ai.

Ông Ngọc-Minh đưa đĩa pom mời Toàn. Ông lấy một trái, sau khi Toàn lấy một. Toàn cầm dao gọt pom, vừa hỏi ông :

— Thế, thưa ông, quan-niệm của ông về tình-yêu như thế nào?

Ông Ngọc-Minh ăn nửa trái, uống một hớp cà-phê đen, rồi nói :

— Tình-yêu không phải là một vật vô-tri vô-giác của một con tim này hiển dăng cho một con tim khác. Nó là một cảm-thông sâu - đậm của hai tâm-hồn và hai thể-xác. Nó có thể là một cảm-thông trọn-vẹn, hoặc là một phần nào, nhưng dù nó có trung - thành duy-nhất, hay tha-thiết say-mê thế nào chăng nữa, nó cũng không thể nào là một sự thoái-vị của bản thân. Khi tình-yêu đã tự-hiện

hoàn-toàn cho một người nào, — làm của riêng của người ấy, — thì tình-yêu không còn bản - chất của nó nữa, nó đã trở nên một vật vô-tri vô-giác, nó không còn là tình yêu nữa.

Toàn mỉm cười :

— Thưa ông, nếu em hiểu không lầm tư-tưởng của ông, thì ông không thừa-nhận một cuộc tình-duyên thủy-chung duy-nhất ?

— Toàn hiểu lầm rồi đó. Nhưng không phải một mình Toàn. Từ bao nhiêu thế-kỷ, biết bao nhiêu người trên trái đất này đã nghĩ sai lầm rằng tự - trung tình-yêu chỉ là một quyền-rũ thể-chất của hai xác-thịt mà thôi. Đã đành rằng tất cả mọi cuộc « tình duyên » dù là khởi-diểm ở tinh-thần cũng đều kết-cuộc bằng một đòi-hỏi vật-chất. Tình-yêu thể-xác dù có xinh-đẹp thế mấy đi nữa nhất-định cũng sẽ hướng về vật - dục tầm-thường của tất cả loài người, và tất cả loài thú. Một người đàn-bà nào đó có thể trao gởi vĩnh-viễn thân-thể của họ cho một người đàn-ông nào đó. Và trái lại. Nhưng gọi đó là « Tình-yêu duy-nhất » được ư ?

Bởi vì sau một thời-gian trôi qua, tất-cả mọi « tình-yêu » bỗng-bột lúc ban-sơ, đều sẽ trở thành những mặc-cảm. Nó mất hẳn tính-chất rạo-rực xúc-cảm của tình yêu. Không thể gọi nó là « tình yêu » được nữa. Nó hết còn là tình-yêu chân-chính lâu-bền.

— Thưa ông, nếu vậy thì đâu là tình-yêu chân-chính lâu bền ?

Ngọc-Minh cười :

— Tôi đã bảo lúc này rằng không có ai thuộc về ai hoàn-toàn, không có ai là của riêng ai. Bởi vì Thượng-đế sinh ra mỗi người đâu có phải để dành riêng cho một người nào. Chúng ta, tất cả, đều thuộc về tất cả. Cái truyền thuyết « Giây tơ-hồng » của thời phong-kiến xa-xưa, ngày nay còn có nghĩa-lý gì nữa đâu. Mỗi Tình vật-chất chỉ là một sức-mạnh hấp-dẫn lẫn nhau, — une force de séduction réciproque — của hai tâm - hồn và hai thể-xác cảm-thông nhau và quyền-rũ nhau. Thế thôi, còn tình yêu chân chính lâu bền, đó là tình yêu nhân loại. Tình yêu bằng hy-sinh, bằng thương mến chân thật, tình yêu rộng lớn không vị-kỷ, sẵn-sàng biến cả cho xã-bội...

Ngọc-Minh ăn hết nửa trái pom còn bỏ dở, uống một hớp cà-phê, rồi ngó Toàn :

— Toàn hiểu tôi muốn nói gì chứ ?

Toàn chăm-chỉ nghe từ này, mỉm cười đáp :

— Dạ, em hiểu nhiều lắm.

Ngọc-Minh nói tiếp :

— Toàn sắp ra làm Giáo-sư, và sắp bước chân trên đường đời. Tôi cảm ơn Toàn đã cho tôi được rất nhiều vui-mừng vì sự học hành và tính nết của Toàn dưới mái học-đường đã làm rạng rỡ cho Toàn, và xứng đáng lòng tin-trưởng của tôi. Nay, trước khi tiễn Toàn đi làm nhiệm-vụ giáo-hóa cho một thế-hệ bạn-trẻ, tôi còn một ước-vọng cuối-cùng đặt nơi Toàn, là mong sao Toàn sẽ đem tình yêu nhân-loại an ủi và giúp-đỡ một phần nào những cảnh đau-khổ đầy-rẫy trong xã-hội ta hiện nay. Tôi nhận thấy một điều trái ngược như sau đây rất đáng buồn, là ở các xã-hội văn-minh Âu-Mỹ, những số người nghèo đói, tàn-tật, cực-nhục, đau khổ, bị hà-hiếp, bị áp-chế, bị bóc lột, bị bỏ rơi, ít hơn ở xã-hội ta, mà số người từ-thiện, có lòng bác-

ái, nhân-đạo, luôn luôn sẵn-sàng cứu-giúp, thì rất nhiều. Trái lại, ở xã-hội ta, những kẻ thiếu cơm ăn, thiếu áo mặc, tàn-tật, bệnh-hoạn, khổ - cực về đủ phương-diện, nhiều không đếm được, mà người tận tâm cứu-giúp, hy-sinh cứu giúp, với tình yêu nhân-loại tha-thiết, xót-xa, và không háo-danh không vụ lợi thì... thật ít quá. Tôi ước-áo Toàn sẽ gây được tình-yêu đậm-thấm, thanh-cao ấy, ở bất-cứ nơi nào có mặt Toàn...

Từ này giờ, Toàn ngồi nghe say-mê. Trí-óc Toàn như bị thôi-miên, đôi mắt Toàn như bị thu-hút, dính-chặt vào đôi môi của ông giáo - sư triết - lý, tất cả tinh-thần và tư-tưởng của cô như chìm ngập giọng nói hùng-bien, êm-đềm, thấm-thía của vị giáo-sư còn trẻ tuổi...

Ngọc-Minh uống hớp cà-phê cuối-cùng còn trong tách. Toàn cũng tự-nhiên bắt chước nâng tách cà-phê lên uống cạn. Ông Ngọc-Minh mỉm cười ngó cô :

— Và lại, từ đây Toàn sẽ có chồng. Toàn sẽ kết duyên với một người đàn-ông mà Toàn sẽ yêu -

mến, di-nhiên Toàn sẽ không thật là hoàn-toàn thuộc về người ấy và người ấy cũng thế, nhưng nếu cả hai tâm-hồn cảm-thông với nhau trong tình yêu nhân-loại, rộng lớn hơn, và cao - siêu hơn, thì mỗi tình riêng của hai người sẽ được hạnh-phúc xinh - đẹp, và lâu bền, không có gì làm cho tàn-phai được cả. Dù cho gặp nghịch-cảnh khốc - hại đến đâu chăng nữa, tình yêu nhân-loại luôn luôn sẽ thắng, và nhờ đó mà hạnh-phúc riêng của hai người sẽ còn xinh-đẹp mãi với thời gian.

Ông Ngọc-Minh đứng dậy. Có Toàn cũng đứng dậy... Đồng-hồ đã điểm 1 giờ. Hai người bước ra phòng khách. Phạm-thị-Toàn, cô giáo Tân-khoa, y-phục rất đơn-sơ nhưng cô trẻ và đẹp, vô cùng duyên-dáng, đôi má ửng hồng, cảm-động nhìn Ngọc-Minh :

—Thưa ông, em sẽ triệt-để trung thành với lời chỉ - bảo của ông. Ông đã mở rộng trước viễn-

ảnh của em một chân trời tươi sáng, rực-rỡ vô ngần. Mỗi khi em sẽ hành-động một việc gì, em cũng sẽ nhớ đến tất cả những lời vàng ngọc ông vừa nói với em. Em xin nguyện sẽ phụng-sự cho đến hơi thở cuối cùng cái lý-tưởng cao siêu, tuyệt diệu, tuyệt-mỹ, mà ông đã truyền-cảm cho em...

Ông Ngọc-Minh đưa Toàn ra sân, vừa đi song - song bên cạnh thiếu-nữ, vừa nói :

— Toàn sẽ thành-công trên đường đời, cũng như Toàn đã thành công nơi học-đường... Tôi cảm ơn Toàn đã tỏ những cảm tình nồng-hậu với tôi, và tôi rất vui sướng tìm được nơi Toàn một tình bạn hiền-hòa và chân thật, một tình bạn mà tôi mong rằng sẽ không bao giờ phai nhạt...

Ông mời Toàn lên xe, để ông đưa cô về Sài-gòn.

(Còn nữa)

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « *Mình ơi* » số 65, trang 87, cột hai, thay vì *Birth Control* sắp lộn ngược là *Control Birth*.
Vậy xin quý bạn làm ơn sửa lại dùm.

Đa tạ : D.H.

KỶ GIẢ? THUẬT TRƯỚC

✱ Tế-Xuyên



(Tiếp theo P.T. số 65)

Hoàng Tích-Chu : cây bút mới

C ŨNG do cái tin giựt gân «Đầu gương hệt» mà tôi được ký-giả Hoàng Tích Chu đề ý và được bước vào làng báo Việt-ngữ, dưới sự huấn-luyện của cây bút kinh nghiệm ấy.

Hoàng-Tích-Chu là một người đã từng làm chủ-bút cho tờ nhật báo «Khai Hóa» của ông Bạch Thái Bưởi, sau sang Pháp học nghề viết báo. Năm 1930, anh về nước và kết thân với ba cây bút đã nổi tiếng là Phùng Bảo Thạch, Tạ Đình Bình (đã quá cố) và Tam-Lang. Ngoài ra anh còn người bạn thiết nữa là Đỗ.

Văn đã đi học nghề in ở Pháp. Cả nhóm 5 người ấy bàn tính một kế hoạch cách mạng nghề làm báo ở Việt-Nam.

Khoảng 30 năm trước, làng báo Bắc-Hà còn chịu ảnh-hưởng của phái nho-học Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nguyễn Đỗ Mục, v.v... chịu ảnh-hưởng về lối viết văn, còn kỹ-thuật làm báo thì gần như không có gì, tờ nào cũng ảm-loát sơ sài, miễn là có «giấy trắng mực đen» là «làm đèn thiện hạ» rồi.

Nhóm Hoàng Tích Chu muốn đem cả kỹ-thuật làm báo, cả lối hành văn trong báo chí Ba-lê mà áp-dụng tại Việt-Nam, cách mạng lối làm báo cổ hủ của lớp ký giả đang hành nghề.

Lúc mới về nước, Hoàng Tích Chu được tờ «Ngọ Báo» mời làm chủ bút. Anh kéo cả nhóm anh vào, cải tờ tờ báo hoàn toàn từ hình thức đến nội dung.

Tờ «Ngọ Báo» có bộ mặt mới, trình bày sáng sủa, với những tin tức quan - trọng đặt nơi chương nhứt và tin tức xen lẫn với bài, chứ không tập trung vào một mục đề nơi trương trong như trước.

Độc-giả thấy bộ mặt lạ của tờ báo, không tán thành vì họ đã quen với lối trình bày theo thể thức cũ : chia ra từng mục đặt thành từng khu.

Họ lại càng bất bình hơn nữa khi đọc thứ « văn mới » văn tắt, ít chữ, mà họ gọi là « Văn Hoàng Tích Chu ». Bấy lâu đã quen với những câu văn biền ngẫu, dài thườn-thượt, của Hoàng-Tăng-Bí Dương Bá-Trạc, với những danh từ Hán-Việt và điển-tích lấy trong cổ-học Trung-Hoa ; nay độc-giả thấy những bài báo ngắn nửa cột, với lối « văn mới » thì làm sao mà không phản đối. Những báo bảo thủ như tờ « Nông Công Thương » đã mở một cuộc đả kích gắt gao « văn Hoàng Tích

Chu » mà họ cho là văn khắp khển, cụt chân và có lẫn hạ bút mặt sát là « văn cụt dê » nữa, vì Hoàng-Tích-Chu lắm khi viết câu ngắn chỉ 2, 3 chữ.

Bên cạnh đa số đồng nghiệp và độc giả phản đối, cũng có một số người tiến bộ rất hưởng ứng, song số này quá ít.

Hoàng Tích Chu còn bắt chước báo Pháp gởi đặc phái viên đi các tỉnh để điều-tra các việc lớn mới xảy ra ở địa-phương, trong khi các báo bấy lâu nay thông tin một cách dễ dàng, tặc trách : đến quận cảnh sát xin tin thành-phố và đến sở sen-dầm xin tin các tỉnh. Những tin đặc biệt mà đặc phái viên của Hoàng Tích Chu đi tỉnh điều-tra về viết đăng lên báo được đề dưới cái tựa : « Ngọ Báo đi Nam-Định » chẳng hạn. Cái tiêu - tựa này ngày nay nghe quen tai rồi không có gì kỳ-dị hết ; song hồi đó nó đã gây sóng gió trong làng. Một tờ báo đối-lập với Hoàng Tích Chu đã chê họ Hoàng là « dốt » và viết « bất thành cú » : Ngọ Báo chỉ là vật vô tri, vô giác, có chân dẫu mà « đi tới Nam-Định » phải viết là ký giả của Ngọ-Báo đi Nam-

Định mới đúng.

Cuộc bút chiến về «văn Hoàng Tích Chu» đã làm giảm uy-tín tờ Ngọ Báo nhiều lắm, đến nỗi chủ nhiệm báo này phải năn nỉ với chủ bút nên trở lại lối «văn Khai Hóa» hồi trước, nếu không được thì từ chức để cho ông cứu văn tờ báo của ông.

Sau một thời gian gây giống tổ bão bùng cho tờ «Ngọ Báo», Hoàng Tích Chu rũ áo đứng lên, tạm biệt độc giả và hẹn sẽ gặp nhau trên một cơ-quan ngôn luận khác.

● Xuất bản báo «Đông Tây»

Giai-đoạn Hoàng Tích Chu ở Pháp về Hànội làm báo đã ghi một trang sử mới trong làng báo Việt Nam. Phương pháp làm báo mới mà họ Hoàng thí nghiệm ở «Ngọ Báo» năm 1931-1932 lại được đem qua sử-dụng tiếp ở tuần báo «Đông Tây» sau tiến thành nhật báo, đều do họ Hoàng làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Hoàng Tích Chu lại nỗ lực binh vực lối văn gầy gọn, khúc chiết, sáng sủa của mình. Anh viết bài cô-xúy cho lối văn mới

ấy mà anh nói không phải của riêng anh mà chỉ là do sự bắt chước văn-chương Âu, Mỹ. Sau văn Hoàng Tích Chu bành trướng ở nhiều báo, đem cho anh một phần thưởng tinh thần.

Hoàng Tích Chu lúc kêu tôi về cộng sự trong tòa soạn «Đông Tây» đã đưa cho tôi cuốn sách nhỏ «Le journalisme en vingt leçons» và khuyên tôi đọc.

Anh chỉ cho tôi một đoạn nói về lối làm báo của Bertrand de Jouvenel, chủ bút một tờ báo lớn ở Paris. Mỗi khi có ai đến xin làm ký giả thì Jouvenel chỉ hỏi một câu : « Anh có sáng kiến gì không ? Nói cho tôi nghe ! » Ông không cần hỏi bằng cấp.

Hoàng Tích Chu rút bài học kinh-nghiệm ở Jouvenel và nói với tôi :

— Kẻ viết báo muốn thành công phải có sáng-kiến, phải luôn luôn tìm ra cái mới để hiến cho độc giả. Trái đất mỗi ngày mỗi mới, ngày hôm nay không phải ngày hôm qua ; luật tiến hóa bắt ta phải đổi mới cho hợp thời, không thể nào bo bo giữ mãi những thành kiến cũ, những

phương pháp cũ mà làm báo được.

Hồi đó Hoàng Tích Chu chừng 36 hay 37 tuổi, đang cái tuổi hăng hái và bắt đầu chín chắn để xây dựng sự nghiệp. Tuy nổi tiếng mà anh vẫn ân cần chỉ bảo cho tôi từng mảnh-lời trong nghề, từng kinh-nghiệm anh học được ở ngoại quốc.

Anh thường đưa sách cho tôi đọc và vài hôm sau lại hỏi khéo : « Cuốn sách ấy có hay không ? Nội dung nói những gì ? » Anh dụng ý bắt tôi đọc thêm và đóng vai giám khảo kín đáo để khảo sát và xem tôi có học tập để cầu tiến không.

Ngày nay ghi lại hình ảnh của người « kỷ giả thuở trước » ấy, tôi lại bồi ngùi cảm-động nhớ ơn một người vừa là thầy vừa là bạn đã dìu dắt tôi trong bước đầu tập tễnh trong nghề. Sau này, tôi tập được cái tánh ham mua sách, đọc sách, sưu-tầm tài-liệu, đó cũng nhờ ngay bước đầu, tôi đã học được những bài học « cầu tiến » ở Hoàng Tích Chu vậy.

— Anh cứ đọc sách đi, đọc bất cứ sách gì, môn gì, vì một người viết báo cần cái học quảng-

bác lắm. Cái gì cũng phải biết, dầu không triệt thấu cũng phải biết đại cương. Kể viết báo đọc sách đến già cũng chưa gọi là đủ vì nghề của mình đòi hỏi một cái vốn học vấn vô cùng hạn định.

Những lời khuyên đại ý như thế, tôi ghi mãi vào đầu óc, nhớ tới ngày nay. Hoàng Tích Chu còn khuyên tôi một câu mà tôi suy nghiệm thấy rất đúng :

— Kể viết báo không bao giờ tránh cuộc bút chiến chơn-chánh, bút chiến vì một vấn đề hay một lý-tưởng. Léon Daudet, cây bút danh thép của báo « Action » bên Pháp đã nói : « Một ký-giả cừu-khỏi là một kẻ bút chiến có tài. » Đời làm báo nếu ưa tĩnh, cầu an thì không tiến được. Đời là động. Kể viết báo cũng phải sống động, chớ không phải cứ ngồi trong văn phòng, gọt nặn ra một bài luận « đại cà sa » để than trách nhơn tình thế-thái được. Đời sống hàng ngày của nhân dân là cả kho tài liệu phong phú cho kẻ viết báo sử-dụng.

Ấy cũng vì sống động và cũng vì ham bút chiến mà Hoàng Tích Chu đã vô tình giết mất tờ báo

« Đông Tây » của anh.

Hồi ấy đầu là năm 1933...Ký-giả Pháp Pierre Mille ghé Hànội có phỏng vấn Phạm - Quỳnh về thanh-niên Việt-Nam. Nhà học-giả chủ-bút « Nam Phong » vốn là người sống trong tháp ngà, với một cuộc đời trưởng giả, phong - kiến, rất có ác cảm với phe thanh-niên mà ông cho là ngộ-nghịch. Có lần ông đã bị sanh viên cao đẳng đuổi theo ông trước nhà in Lê văn Phúc ở phố Hàng gai, chỉ vì ông đã thóa mạ thanh-niên.

Sân ác-cảm với thanh-niên nên khi ông đáp câu hỏi của Pierre Mille, ông Phạm Quỳnh đã có những lời xét đoán nông cạn, chê dám thanh-niên Việt-Nam là những bộ óc trống rỗng mất cội rễ... Ông ám-chỉ mấy nhà tân học miền Nam đi Pháp nói tiếng Pháp giỏi mà không có nền cội học như ông.

Sau khi bài phỏng-vấn của Pierre Mille đăng lên báo Pháp, Hoàng Tích Chu bèn trích đăng vào báo « Đông Tây » và gây bút-chiến với Phạm Quỳnh, kêu gọi thanh-niên tỏ bày ý - kiến đối với những lời mạt sát của

chủ bút « Nam Phong ». Chủ-nhiệm báo « Đông Tây » tính gây ra một cuộc tranh - luận hào-hứng trên mặt báo.

Nhưng anh không tính đến khía cạnh chánh-trị của việc anh làm. Anh đã động đến một nhơn vật mà Tổng giám-đốc Liêm phóng Đông Dương Louis Marty bảo vệ. Chính Louis Marty đã trợ cấp cho « Nam Phong » để tuyên truyền cho văn-hóa Pháp, cổ võ giới thượng lưu trí thức có cảm tình với Pháp. Bỗng nhiên có tờ báo dám động đến người mà Marty che chở, muốn hạ « uy tín » của người ấy thì thôi rồi đời tờ báo.

Tờ « Đông Tây » chưa nhận được bài nào của độc giả thanh niên trả lời cho Phạm Quỳnh thì đã nhận được thơ của phủ Thống sứ Bắc-Kỳ đóng cửa báo.

Một lối bịt miệng dư-luận !

Sau khi « Đông Tây » bị rút giấy phép, Hoàng Tích Chu khai thác tờ « Thời Báo » của một người bạn anh là Phùng Văn-Long, nhưng chỉ được một tháng thì báo này cũng chung số phận với « Đông Tây ».

Hoàng Tích Chu không hoạt động gì, nằm chờ lúc thuận tiện hơn để tiếp tục sứ mạng trên trường văn trận bút, song anh không còn trở lại làng báo nữa vì mấy tháng bệnh hoạn liên-miên đã cướp anh về thế giới khác vào đúng hôm 29 Tết năm anh mới 39 tuổi xuân.

Lối «xỏ ngọt» của kẻ viết báo

Trong đời làm báo của Hoàng Tích Chu, còn một lần nữa anh giết chết tờ báo của anh : đó là tờ «Đông Tây Tuần báo» xuất bản trước «Đông Tây Nhật báo». Thiết tưởng nên nhắc lại chuyện này vì nó đề cao tánh quật cường của con nhà cầm bút không biết sợ quyền thế là gì.

Hồi ấy là khoảng 1930-1931. Sau khi đồ bề vạ Việt-Nam Quốc Dân Đảng, thực dân Pháp ra lệnh bắt bớ lung tung ở các tỉnh để tận diệt các đảng viên còn sót lại, không để hậu họa trong tương lai. Trong số những «đầy tớ» trung thành của Pháp có Tổng-dốc Vi-Văn-Định tỉnh Thái Bình (Bắc phần) là người có công lao hơn hết. Họ Vi có võ-ngệ, và khi bắt một đảng

cách mạng nào cứng đầu thì y đích thân tra tấn không giao cho các người tùy thuộc. Y có chế-tạo riêng một cái chày bằng sắt (kiểu chày dã gạo song nhỏ hơn) dùng làm dụng-cụ tra tấn. Đảng viên cách mạng nào đã lọt vào tay y và nếm mùi tra tấn bằng võ nghệ và chày sắt của y, thì thôi đừng hòng cương-quyết duy-trì sự kiên-tâm, không cung khai gì hết.

Vi-Văn-Định bắt được nhiều đảng viên lợi hại và khai thác được nhiều bí-mật cách mạng là nhờ chánh sách danh thép của y. Đề thường công lao ấy, bộ thuộc địa xin chánh phủ Pháp cho y tẩm Bắc-đầu bội-tinh.

Thấy các báo hằng ngày đăng lời mừng Tổng - đốc thái-bình được « vinh-thường » bội tinh quý nhứt của nước pháp, tuần báo « Đông-Tây » cũng viết mấy lời chúc tụng, có kèm cả hình Vi-văn-Định với lời chú thích có vẻ « đăm hòng » như vậy : « Một công-bộc trung thành của Việt - Nam và Pháp-quốc ».

« Công-bộc » ?... — Có nghĩa là « đầy tớ công-cộng » ! Gọi một « quan lớn » là « đầy tớ công cộng » nghe mới chướng tai làm

sao trong một xã-hội nặng mùi phong-kiến. Nhưng nếu dịch ra tiếng Pháp thì chỉ là một tiếng thông thường (*serviteur public*) mà người lãnh trách nhiệm trong bộ máy hành chánh đều vui lòng và tự-hào nhận lãnh. Vì lẽ ấy, kiểm-duyet không bôi bô dòng chú thích bức ảnh.

Kiểm-duyet cũng vô tình, ký cho phép đăng một bài thơ nhan đề « cái chầy » của tòa soạn báo « Đông Tây » đưa lên. Mấy vận thơ vịnh cái chầy đã gao thì có quan hệ gì, đâu có phải một đề tài chánh-trị mà phải quan tâm.

Bài thơ « vô thường vô phạt » ấy lúc đưa lên kiểm duyệt thì cách 1 ngày với « lời chúc mừng » Vi-văn-Định « một công-bộc trung thành ». Chế độ kiểm-duyet hồi ấy cho được đưa từng bài một, chớ không bắt đưa toàn trương báo, còn sự xếp đặt tờ báo ra sao tùy ý tòa soạn. Chủ bút Hoàng Tích Chu đã dụng ý « xỏ ngọt » họ Vi bằng cách xếp đặt bài thơ vịnh « cái chầy » ngay ở dưới « lời chúc mừng » Vi-văn-Định. Thế là độc giả thích - thú, cười thầm vì thấy bài thơ có ẩn-ý nói đến cái chầy sắt của viên Tổng đốc tàn ác dùng để tra tấn người ta, việc tra tấn kiểu này ai cũng

đều biết.

Vi-văn-Định đọc tờ báo Đông Tây cảm giận lắm, cho người đi các nhà sách trong tỉnh Thái-bình định mua tất cả các số báo ấy nhưng dân chúng lanh hơn y đã đồn cho nhau hay và đua nhau mua đọc, đến đổi không đủ báo bán.

Hoàng Tích Chu tưởng là trên pháp lý chẳng có tội gì, thì cũng không đáng lo cho tờ báo của anh. Song anh quên rằng còn có sự trả thù nữa. Vi Văn Định lên tận phủ Thống-sứ mà mếu máo với viên Thủ-lãnh Bắc-Kỳ và yêu cầu đóng cửa tờ báo cho bằng được. Y đã thành công : « Đông Tây tuần báo » vô cơ bị rút giấy phép.

Hoàng Tích Chu vận-dộng trở lại và ít tháng sau được phép xuất bản tờ « Đông Tây nhật-báo » mà chúng tôi đã nói trên kia.

Hai lần đụng chạm với kẻ giàu quyền mạnh thế : lần đầu với Vi Văn Định, lần sau với Phạm Quỳnh, kỷ giả Hoàng Tích Chu đã « bị » giải-nghe cho đến lúc bệnh-hoạn rồi tạ thế.

(Còn nữa)



Ô-TÔ-BÚYT

Mười-hai giờ tan sở,
Thiên hạ đi tở-mở,
Đến trạm buýt chờ xe,
Ôi-thời đông quá cỡ !

Từ xa tới rầm-rầm
Ô-tô-buýt đâm xăm
Lách vô lẽ, kịt, kịt,
Khách lên xuống ăm-ăm !

Xe đã chật như nệm
Người thì cứ thêm... thêm...
Không có chỗ mà đứng
Người cứng cũng hóa mềm !

Xe có hai hàng băng,
Trai trẻ cười nhăn nhăn
Ngồi nhìn như ngạo-nghe:
Người nào mạnh thì ăn.

Mặc cụ già ốm-yếu
Đứng lom-khom muốn mếu
Bị xô tới xô lui,
Gặp gì cũng nắm-niu !

Mặc những bà mang bầu
Nét mặt lo rầu-rầu
Đứng ngã qua ngã lại
Chẳng ai nhường chỗ đâu...!

Mặc những em bé nhỏ
Bị xô vô một xó,
Đứng kẹt giữa hai chàng,
Nó khóc mặc kệ nó !

Thêm những cô nữ - sinh
Biết phận mình, làm thinh,
Nhưng cũng bị xô đẩy
Bởi những lũ chàng-tinh

Có những lúc xe ngừng
Xô-đẩy nhau quá chùng !
Lốp lên và lốp xuống,
Chen vào nhau tương-bùng
« Bán-giấy-viên » nhẩn nhó
Chen đi, mặt cau-có,
Ai mua vé ? ai chưa ?
Chạy bên đây, bên đó...

Bác tài cũng nóng nảy
Trước đám người xô-đẩy
Cho xe chạy dật... dật...,
Cho khách mặc sức nhảy !
Hành-khách như say-sưa...
Đầu cổ lắc-lư đưa...
Xe thì chạy dật... dật...
Người thì ngã như mưa.
Ô-tô-buýt ! Ô-tô-buýt !
Xịt, xịt, xịt !...
Chạy như hít... chạy như hít...
Hịt, hít, hít !..

SONG-VÂN

LÊN TRĂNG...

Diệu-Huyền có muốn lên Trăng,
Để em giới thiệu chị Hằng dùm cho !
Ngồi trên cánh gió vo-vo...
Cần chi hỏa-tiến thêm lo thêm phiền...
Mảnh trăng kia, với đất liền,
Tuy rằng xa cách muôn nghìn trùng dương.
Nhưng ta biết độ-thám đường,
Thì... lên trăng sẽ dễ dàng như không !
Đời xưa vua Đường Minh Hoàng
Lên « du Nguyệt điện » với nàng Quí-phi,
Có cần hỏa tiến... hỏa ti,
Có cần thuyền phi, thuyền phi đâu nào !
Đêm trăng đem chiếc võng đào,
Bên giếng gốc lựu, bên vào gốc mai.
Gió thơm thoang thoang hương lái,
Thêm hương lan với một vài sắc hoa...
Ta nằm trong võng ta đưa, (1)
Rồi ta đem thả... hồn mơ lên Trời !
Đường xa có chú Cuội rồi,
Đưa ta lên đến tận nơi cung Hằng !
Mua vui tay thảo mấy văn,
Cùng ai chán-ghét cõi trần... « Lên trăng » !

TÂM - TÌNH
(T. T. TH)

(1) Em biết chị D. H. thích nằm võng lắm



✧ **Tiểu-thuyết thứ Bảy**

Bộ mới, số 1 ra ngày 16-9-61, với một thẻ-tài đổi mới.

Chủ-nhiệm : Ông PHÙNG-QUỐC-TUẤN.

Tòa soạn : 94 Phan-thanh-Giản, Sài-gòn.

★ **Ngũ Hành Sơn chí sĩ**

« hay là những Anh-hùng Liệt-sĩ tỉnh Quảng-Nam »

của Anh-Minh NGÔ-THÀNH-NHÂN, nhà xuất-bản Anh-Minh,
159 Phan-Bội-Châu, Huế.

Nhà Xuất-bản này chuyên xuất-bản những di-cảo của các cụ Phan-Bội-Châu và Huỳnh-thúc-Kháng.

Quyển sách này biên soạn rất công - phu và tài - liệu đầy-dủ, xác-thực về 25 nhà chí-sĩ Quảng-Nam có tên tuổi trong Lịch - sử cận - đại : Hoàng - Diệu, Ông - ích - Khiêm, Nguyễn - duy - Hiệu, Trần - quý - Cáp, Nguyễn - Thành, Thái - Phiên, Trần-cao-Vân, Nguyễn-thị-Hường, v.v... Nhiều bức-ảnh. Một quyển sách cần thiết cho những người viết Sử, và những người thích đọc Sử Việt-Nam. 130 trang — giá 35\$.

✧ **HỒN QUÊ**, Thi phẩm của Ô. NGÔ-TUỜNG-ĐẶNG

Tác-giả đề nơi trang đầu : « Kính dâng quê-hương tôi, Gò -

Công, những ngày buồn xa-cách . — Nhiều câu thơ thành-thực cảm-dộng. Giá 30\$.

★ **TRINH. TRẮNG**

Thi tuyển của ĐÔNG HỒ.

Độc ấn-phẩm của xuất-bản Bốn-phương, có bốn phụ-bản thơ chép tay bằng ngòi bút lông trên nền thủy-mạc. Thủ-bút và họa-phẩm của tác-giả. In trên giấy Bristol, tuyệt đẹp. Bìa đánh Vernis.

Phát-hành tại Yếm-Yếm Thư-Trang 113 - 115 Nguyễn - thái - Học — Sài-gòn.

★ **ASIA — FRANCE — ASIE.**

Revue Bilingue des Problèmes Asiatiques et de Synthèse Culturelle. — Bilingual Review of Asian Culture and Problems. Directeur : RENÉ DE BERVAL. N° 167.

Nhiều bài rất có giá trị về các vấn đề văn-hóa Á-Đông bằng Pháp ngữ và Anh-ngữ.

Xuất bản tại Tokyo Nhật. Giá U.S. \$2.

★ **TỔ QUỐC**

Thơ của Ó. TRẦN-XUÂN-ĐÀN, với những nhan-đề : Tổ-quốc, Chiến-sĩ, Thanh-niên, Thương-dời, Vĩ quốc vong thân, v.v... Có thư khen của các tòa Đại sứ Ai-Lao, Trung-hoa dân quốc, Nam-dương, Đức khâm-mạng Tòa-Thánh v.v... Bản đặc-biệt không đề giá.

★ **Tình Đời**

Thơ ngụ-ngôn. Tác-giả TRẦN GIA THOẠI, Đà-nẵng.

Nhiều bài rất vui, có ý-nghị, duyên-dáng : *Hồ về già, phần tử, hai giòng nước, ý mạnh*, v.v... Ông Trần-gia-Thoại là một nhà Thơ ngụ-ngôn gần như độc-dáo trên Văn-dàn Việt-nam.

★ **Thần.Liên Thi-tập**

16 quyền thơ khổ nhỏ, đóng lại thành tập. — Giá 100\$

Tác-giả : Ó. LÊ VĂN TẮT, 145/3 Phan-văn-Vàng, Châu-Đốc.

★ **Bóng Mát** Tập văn của Ó. TRẦN THỂ NGUYỄN
Nhà xuất-bản Hoa-Phương-Đông, Lý-thái-Tổ. Sài-gòn.



● TỶ BÀ

Vàng sao năm tím trên hoa gầy,
 Tương tư người xưa thoi qua đây.
 Ôi ! Nàng năm xưa quên lời thề,
 Hoa vừa đưa hương gây dề-mê.

Tôi qua tìm nàng vay du-dương,
 Tôi mang lên lầu lên cung
 Thương.

Ôi ! Tôi bao giờ thôi yêu nàng,
 Tình tang tôi nghe như tình lang.

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng
 tôi.

Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi.

Đâu tìm Đào-nguyên cho xa xôi,
 Đào-nguyên trong lòng nàng đây
 thôi !

★ BÀNG BÁ LÂN

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân,
 Buồn sang cây tùng thắm đông-quân.

Ô ! Hay buồn vương cây ngó -
 đồng,
 Vàng rơi ! Vàng rơi : Thu mệnh
 mông !

BÍCH-KHÊ
 (Tinh huyết)



Mặc dầu những lời tựa hết sức
 ân-cần của Hàn-Mặc-tử và những
 lời bạt khen ngợi nồng-nàn của
 Trọng-Miên, tôi vẫn không khỏi
 dè-dặt khi lần giở tập *Tinh huyết*
 của Bích-Khê, một tập thơ đầy
 máu lệ, tinh túy và... đậm cuồn!

Trở một cái «sợ người» mà
 bảo rằng đây là «bình vàng, chén
 ngọc», là «khối mộng» «bồ
 nguyệt», «buồng xuân»... —
 theo tôi — nếu không phải là
 người điên thì cũng là một kẻ lập
 dị đến mức kỳ quặc ! Đọc những
 bài như loại bài này, tôi có cảm -

tưởng khó chịu như bị chứng kiến một sự bất chước trơ trẽn (tác giả học đòi làm Baudelaire một cách quá lộ l), chứ không thấy như Hàn-Mặc-Tử rằng "cái sợ người không còn là cái sợ người nữa, mà đã mất hết cả ghê rợn của sự chết" và "thơ tho, sạch sẽ đến muốn cắn vào hàm răng trắng dẻ, muốn nút hết chất gì ngọt ngọt ở miệng, chất gì mát mát ở mắt, ở hai lỗ lỗ, hai cái hố sâu hoắm" !

Có lẽ vì tôi chỉ là một người bình thường, tình tảo, không biết lập dị nghĩa là không... «biết diên» ? Vì theo nhóm Hàn-Mặc-tử, Bích-Khê thì :

*Có say khướt mới dào muốn túc
ngọc ;*

Có diên rờ mới hợp ý trăng sao ;

*Có dâm cuồng mới đáng cả lên
cao,*

*Nơi chu-hen một nguồn thơ bất
tuyệt !*

Tuy trong cái say, cái diên, cái dâm ấy, đôi khi tôi cũng thấy một cái gì là-lạ bắt người ta phải chú ý, chẳng hạn như đoạn đầu bài «Tranh lửa thề». Nhưng chỉ

được đúng mười câu ! Đọc đến câu 11, 12 :

*Hai vú nàng ! Hai vú nàng !
Chao ôi !*

*Cho tôi nút một dòng sấm ngọt
lặng.*

tôi bỗng thấy ngượng ngùng và không khỏi tiếc cho mười câu trước, mặc dầu tác-giả không ngớt kêu rêu là «rất thanh» :

*Những vú nồn ; đồn con thon
nhỏ nhỏ*

*Với đôi dòng sữa trắng như
tinh.*

*Ôi rất thanh ! rất thanh là rất
thanh !*

(Sắc đẹp)

Vì không thấy thanh nên tôi không khỏi dò mặt khi đọc phải những câu như :

*Yêu bằng mộng là mơ tim sáng
láng ;*

*Đây sự thực trần-trưởng nằm
giữa hắng !*

Và tôi không thể đồng ý với Hàn-Mặc-Tử trong những dòng sau đây (trích ở bài *Tựa* tập thơ *Tinh huyết*) :

«Ở khu vực tượng-trưng và huyền-diệu, ta đã ngợp với màu

sắc chan chói, no ớn với nhạc hương dịu-dàng, bây giờ ta hãy sang chơi địa hạt *trụy lạc*. Ở đây, dây thần-kinh và gân huyết ta rung động say mê bởi những làn khoái-lạc của xác thịt nóng thơm, ran ran lên cả người :

Tôi sờ người như một miếng mồi ngon ;

Miệng ngậm hờn riết chặt lấy mồi son,

Mắt đỏ lửa lườm qua làn sóng sắc...

*Tôi giật nảy rồi cười lên sắc sặc,
Hai tay cào đôi vú trắng như bông...*

(*Xát thịt*)

Ở địa-hạt dâm cuồng này, ta thấy Bích - Khê hoàn toàn là Baudelaire. Vì trong tác-phẩm chàng, gọi dục-tình thì ít, mà làm cho người ta ghê rợn đến gớm guộc cái cảnh trần trường khả ố thì nhiều.

Thú thực, tôi không hiểu Hàn-Mặc-Tử muốn nói gì ? Những văn thơ trên này đã làm cho «dây thần-kinh và gân huyết ta rung động say mê bởi những làn khoái-lạc của xác thịt nóng thơm...»

mà lại không gọi dục-tình, chỉ làm cho người ta ghê rợn đến gớm guộc (hay *ghiết* ?) cái cảnh trần trường khả ố ? Thực là mâu thuẫn ! Bởi vậy, tôi rất nghi ngờ sự thành-thực của Hàn-Mặc-Tử, và tôi nhất định liệt những văn thơ kiểu đó vào loại thơ trụy-lạc hối dâm không hơn không kém !



Tuy nhiên giữa điệu nhạc thác loạn dâm cuồng ấy thỉnh-thoảng cũng xen vào đôi nét nhạc du-dương hiền-diệu, dễ chịu như một làn gió mát giữa trưa hè oi-ả, quuyến rú như một đêm trăng sáng sau bao đêm mưa gió ngập trời.

Những bài *Nàng bước tới, Cuối thu, Ánh áy, Tỳ-bà* chính là những nét nhạc hiền dịu ấy.

Dưới đây là vài cảm nghĩ của tôi về một bài trong số đó, bài TỖ-BÀ, tiêu biểu cho phần thơ trong sáng của Bích-Khê.

Đọc bài thơ này, ta phải chú ý ngay đến nhạc thơ : tác-giả dùng toàn văn bằng đề tả tiếng nhạc êm-ái du-dương của tỳ-bà. Điều đáng chú ý nữa là trong

mỗi đoạn tác-giả dụng ý lặp đi lặp lại nhiều lần một chữ (như *tôi* trong đoạn 2 ; chữ *buồn*, chữ *cây* trong đoạn 4, v.v...) khiến ta có cảm-tưởng như nghe chính âm-thanh của tiếng đàn, chứ không phải là lời thơ tả tiếng đàn. Vì âm-nhạc quanh-quần chỉ có mấy cung bậc mà diễn tả được đủ mọi ý tình nên lời thơ, ở đây, cũng không cần phải nhiều thay đổi :

Tôi qua tìm nàng vay du-dương,

Tôi mang lên lầu lên cung Thương.

Ôi ! Tôi bao giờ thôi yêu nàng :

Tình tang tôi nghe như tình lang.

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân,

Buồn sang cây tùng thâm đông quán.

Ô ! Hay buồn vương cây ngô-đồng,

Vàng rơi ! Vàng rơi : Thu mênh mông !

Thật là những tiếng bồng tiếng trầm du-dương hòa hợp làm nao nao lòng người, gây buồn dề-mê. Gây buồn và cũng gọi cả thương mến nữa, nhờ những chữ dùng rất tài tình :

Ôi ! Tôi bao giờ thôi yêu nàng :
Tình tang tôi nghe như tình lang.

Mỗi đầu nhạc đi chậm chậm như tiếng dạo đàn :

Vàng sao nằm im trên hoa gầy,
Tương tư người xưa thôi qua đây.

Ôi ! Nàng năm xưa quên lời thề.
Hoa vừa đưa hương gây dề-mê.

rồi nhanh dần, chơi-vơi, lưu-luyến:

Tôi qua tìm nàng vay du-dương,

Tôi mang lên lầu lên cung Thương.

Ôi ! Tôi bao giờ thôi yêu nàng :

Tình tang tôi nghe như tình lang.

nhanh dần nữa, xao-xuyến, dề-mê:

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi,

Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi.

Đâu tìm Đào-nguyên cho xa xôi,

Đào-nguyên trong lòng nàng đây
thôi !

và cuối cùng dồn-dập tơi-bời như lá thu rơi, gây buồn man-mác :

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân,

Buồn sang cây tùng thâm đông quán

Ô ! Hay buồn vương cây ngô-đồng,

Vàng rơi ! Vàng rơi : Thu mênh mông !

Ý thật hay, lời thật đẹp và gọi hình : Thoạt nhìn cây đào

tưởng như buồn lưu ở đây ; nhìn sang cây tùng lại ngỡ như buồn náu ở đây. Nhưng thực ra buồn đang vương ở cây ngô-đồng, vì kìa từng loạt lá vàng rơi báo mùa thu tới, mùa thu với cái buồn man-mác bao la.

Đàn đã im tiếng mà dư âm của tiếng tí tiếng trúc còn văng vẳng mãi trong lòng khiến người nghe dần thương nhớ bằng-khuông như đứng trước một trời thu mệnh-mông toì bởi lá đỏ.

Chắc có người sẽ cho rằng : nhạc thơ bài này là bắt chước

Xuân-Diệu, vì nhà thơ này cũng có bài tả tiếng nhạc nhan đề là *Nhị kờ* dùng toàn văn bằng (trừ một đo,n thứ 2) và đã in ra trước thơ Bích-Khê (*Thơ Thơ* xuất bản năm 1938, *Tinh huyết* xuất bản năm 1939).

Tôi không tin như vậy. Nhưng dù có thực thế, thiết tưởng cũng không quan hệ. Điều quan hệ là thơ có hay, có đặc sắc, có truyền cảm không ?

Mà đọc xong bài *Tỳ-bà* của Bích-Khê, chắc ai cũng phải nhận là có.

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

VÀO THU



*Len lên chiều về với gió sương
Cây buồn rũ chết giữa trời thương
Xác xơ cành trúc nghiêng nở nước
Rũ cánh chim bay tận cuối ngàn*

*Chầm chậm Thu về theo tháng năm
Mưa bay giăng mắc nẻo dương Trần
Xóa đi hình ảnh bao mùa trước
Phủ kín thời gian mấy độ làn*

*Từng chiếc hoa rơi ngập lối vườn
Tâm tình bướm trắng ngổ lời thương
Gió đưa hồn mộng sang mùa trước
Dưới nắng trời hè bướm đuổi hương*

*Rưng rức buồn lên mình nhớ ai
Gối tay nằm nghĩ tháng năm dài
Ngày xưa cũng độ mùa thu đến
Mình gởi tâm tình những phút giây*

*Nhưng hết ! chứ đây đã hết rồi
Mình nằm đếm lá thu vàng rơi
Chứng nghe lan nát con tim bé
Đã gửi cho thu với bóng người*

*Thu đến mình xây trang kỷ-niệm
Ép vào giữa mộng tuổi đôi mươi
Cho lòng đỡ chút sầu thương nhớ
Đề được vui thu với đất trời !*

THANH-LỆ-HẢI
(Quảng Ngãi)

TRĂNG HIỆN

Đêm hè ngồi ngắm ánh trăng mờ
Lơ lửng không gian khỏi quyen mờ
Đóm đóm chập chờn tung cỏ lướl
Tám hồn rung cảm gợi vắn thơ

Diệu Huyền trăng rọi khắp trần gian,
Ngổ tồi trong đêm ngập ánh vàng
Trăng Diệu-Huyền mờ tươi tuyết quá,
Giúp đời tôi đượm nét huy-quang.

Diệu-Huyền trăng tỏa cả muôn phương
Mỹ ý thì nhân rọi tận tường
Kim cồ Đông Tây đều thấu đạt
Gieo đời thương-thức túi văn-chương

Diệu-Huyền trăng hiện giữa đời Thông
Vi vút Thông reo rộn cánh rừng
Trăng vẫn ở trong lá biếc
Vàng tia bóng nguyệt chiếu mênh mông.

Đêm hè trăng xuống ngự triều miên
Vật vật đề mờ ánh Diệu-Huyền
Lặng ngắm đời Thông lòng mở rộng
Diệu-Huyền trăng tỏa đẹp vô biên !

THANH-THÙY

(Kim-An, Huế)



★ Phổ-Thông ở Vientiane.

(của cô Nguyễn-thị-Lan, Lycée Pavie Vientiane, Laos)

... Em là một độc giả trung thành của báo **PHỔ THÔNG**, nhưng em không hiểu tại sao ở ngoại quốc người ta bán mắc quá? Ở Saigon một quyển **PHỔ THÔNG** chỉ bán có 10\$ mà ở đất Vạn-Tượng này người ta bán tới 35\$ lận, mà nhiều lúc mua không còn, không có thể coi tiếp số nọ qua số kia được. Vậy em muốn mua báo dài hạn ở báo quán thì em phải trả tiền bằng cách nào, chị làm ơn chỉ dùm em.

● **ĐÁP.**— Theo giá của chúng tôi bán báo năm sang các bạn bên Lào, tính mỗi quyền gởi phi-cơ là 14\$ (euroc phí máy bay mỗi quyền 4\$). Một năm là 336\$. Kề cả số Đặc biệt Xuân. Cả gởi tiền đến chúng tôi bằng mandat international, đề tên Ô. Giám-đốc.

★ Chán-nản... và Hy-vọng

(của bạn Hạnh Băng, Quốc-học Huế)

... Những ý-niệm của ông, cũng như những nhận xét của ông đã làm rõ-ràng một vấn đề mà số đông học sinh chưa dám nghĩ... Giờ đây, lòng-chường ở cấp đệ-nhi Trung-học, với một số vốn sinh-ngữ quá ít ỏi, chúng tôi đã cảm thấy lo lắng quá. Lại nữa, thêm vào đó viễn-ảnh một thanh-niên Đại-học cần tìm hiểu và nghiên-cứu bao nhiêu điều thiếu-thốn ở các sách ngoại-ngữ, phải chờ-vờ ngơ-ngác trước một pho-sách quý bằng Pháp-ngữ hay Anh-ngữ. Sách viết có mục-đích để cho những người còn kiến-thức kém như chúng tôi đọc, mà thật ra, chính chúng tôi đã phải ghen-ngào nhìn pho-sách như nhìn một kho tàng mà không có chìa khóa. Cố gắng học thêm ở nhà cho thực nhiều? Tiếng chuông gióng lên của ông đã khiến chúng tôi có ý-nghĩ đó. Nhưng ngoại-ngữ mà tự học sao được thừa ông, chúng tôi cảm thấy chán-nản quá! Vì thế, đại đa số anh em học-sinh chúng tôi tha-thiết mong bộ

G. D. cho chúng tôi học theo một chương-trình ngoại ngữ rộng-rãi, để
gran đời trong những lúc quá muộn này !

Có lẽ, bộ Quốc-giáo Giáo-dục cũng chẳng nở nào hy-sinh cả một
thế-hệ thanh niên ham học.

HẠNH-BẮNG và

một nhóm học-sinh Quốc-học Huế.

★ Vợ chồng không có con.

(của ông N.V.T. Nha Trang)

... Tôi và vợ tôi lấy nhau đã gần sáu năm rồi, mà không có
con. Nên bây giờ tôi định phải ly-hôn với vợ tôi. Nhưng ly-hôn
như vậy thì tôi nghiệp cho đời vợ tôi lắm.

Do đó mà tôi đã tìm đủ cách làm cho hạnh phúc của vợ chồng
tôi được vững bền. Thế mà không con vẫn là không !

Hôm nay thành thật viết thư này đến chị, xin chị bày cho một
giải-pháp nào để cho vợ chồng tôi có thể tránh được đau khổ, ân-hận,
và có thể yêu nhau mãi trong sự đầy đủ về tinh-thần !

Thưa chị, nói về vấn-đề này chị thương hại cho, sự không con
đối với vợ chồng chúng tôi, thì vợ chồng chúng tôi cot rất là lăm-
thường, không thấy gì là đau khổ hay cô đơn, nhưng hai bên Gia-
đình cha mẹ lại than vãn mãi trong sự đầy đủ về tinh-thần !

Thành thật mấy giòng mong chị cảm-thông. Xin chị giải đáp
trong sự cố gắng, hầu xây dựng cho vợ chồng tôi một nguồn hạnh-
phúc...

ĐÁP : Đây là một vấn-đề thắc-mắc của nhiều gia-đình chứ
không riêng gì hai bạn. Nhiều vị Vua chúa và Hoàng-hậu cũng đã
ở trong trường-hợp này. Nên nhờ Bác-sĩ chuyên môn khám-nghiệm,
nếu chắc-chắn là không thể có con được, có thể là tại người chồng,
hoặc tại người vợ, (nhiều nguyên-nhân) thì nên giải-quyết với sự
thỏa-thuận thông-cảm lẫn nhau. Trong nhiều trường hợp, khoa-học
cũng đành chịu bất-lực.

★ Tuấn, chàng trai nước Việt

(của các bạn : Kỳ, Lãng, Minh, Ngân, Phấn, Chí-dạo.)



Nhóm Thanh-niên Quảng-Ngãi)

... Xin tha-thiết yêu-cầu ông đăng lên mục « thư độc giả » mấy lời nhiệt-liệt hoan-ngheênh của chúng tôi. Nhiệt-liệt hoan-ngheênh thiên ký-sự « Tuấn, chàng trai nước Việt ! » vì nhiều lý-do văn-chương, chính-trị, xã-hội, lịch-sử, kể ra đây dài giòng không ích chi, tất cả đám thanh-niên chúng tôi, và chắc chắn là đại-đa-số các bạn khác, tìm được trong « Tuấn, chàng trai nước Việt » một bài học thiết bổ-ích, thiết hấp-dẫn, toàn những tài-liệu quý-giá, đặc-biệt và linh-dộng, như một cuộn « phim » thanh-niên của Thế-kỷ hai mươi. Hay vô-kê. Chúng tôi hãnh-diện được biết Ông cũng là « Thanh-niên Quảng-Ngãi. » Hoan-hô !

★ Tay sai của thực-dân

(Của Ô. L-t-Minh, Qui-nhon)

...Vài giáo-sư ở đây đồn rằng ông hô-hào dạy Sinh-ngữ ở các trường, có lẽ Ông là tay sai của thực-dân Anh Pháp.

Thật là động-trời ! Rất mong Ông cho biết ý-kiến...

LƯƠNG TRỌNG MINH

Thi-sĩ — Giáo-sư.

Tân-bình, Qui-nhon.

● **Đáp** — Ý-kiến của chúng tôi đã trình-bày đầy đủ trong các bài xã-luận về sinh-ngữ.

* Nếu mấy ông Bộ-trưởng trước

(Của Ô. Quảng-Thiện, Nguyễn-Huệ — Sài-gòn)

... Chúng tôi, một nhóm đồng phụ-huynh học-sinh, thành thật gửi đến ông lời cảm ơn và chân-thành kính mến. Lập trường tiến-bộ của ông về Sinh-ngữ đã gây được ảnh-hưởng tốt đẹp với nhà cầm-quyền. Ngày nay, theo lời ông Bộ-trưởng Giáo-dục mới tuyên-bố trong báo P. T., chương-trình Ngoại-ngữ được tăng gia chỉnh đốn,

như thế là học-sinh Trung-học và Đại học sẽ có đủ điều-kiện học tập tiến-bộ hơn mấy năm qua. Nếu mấy ông Bộ trưởng trước kia không bóp chặt việc học sinh-ngữ, thì đâu đến nỗi sinh-viên ta ngày nay bị kém-sức-trí-thức đến thế !

*Quảng-Thiện và một nhóm phụ-huynh học-sinh và sinh-viên,
Nguyễn-Huệ, Saigon.
Thành thật cảm ơn ông Chủ-Bút.*

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECIENO

Chuyên trị:

*** BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ỢI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU - NÓ HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CƠ RÚT,**

**CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC PHONG AU-MỸ**



**DẠI-BÔ
BẮC-SỸ TÍN**

**CẦN DÙNG CHO NGƯỜI ỒM YẾU, MẤT MÀU,
SỐT RẾT XANH XAO, ĐÀN BÀ TRONG KHÍ
DUỒNG THAI HAY SAU KHÍ SANH ĐẸ.
DẠI BÔ CHO NGƯỜI LAO-LỰC VÀ ĐAU MỐI MẠNH.**

VIÊN BẢO CHẾ
345.0 LƯC TÍNH

CÓ BÁN TẠI CÁC ĐẠI-LÝ
KHUYNH-ĐIỆP BẮC-SỸ TÍN



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ DIỆU-HUYỀN

★ **Bạn T.V.T. Phan-Thiết**

Bất cứ một cực Nam-châm hình gì, dài hay tròn, nam-châm thiên-nhiên, hay nhân-tạo, nó cũng có cực Bắc và cực Nam, và một đường trung-hòa (ligne neutre). Đừng quên rằng quả đất tròn cũng có Cực-Bắc và Cực Nam vậy.

★ **Bạn Y.Ang-Hmok, Học sinh Thượng, Trung-học kỹ-thuật, Huế**

Mẹ của bạn đau bệnh dạ-dày kinh niên, cần phải đến Bác-sĩ chuyên môn. *Ganidan*, hoặc *Sulfaganidine* không thích-hợp. Uống nhiều cũng vô ích.

★ **Bạn Nguyễn thị Mỹ Linh, Điện bàn, Quảng-Nam.**

Giếng của nhà bạn, nước không được trong, mà có màu ngà ngà không phải tại mạch nước, mà tại chất đất. Đào chỗ khác có thể gặp nước trong. Muốn bỏ thuốc gì cho nước giếng trong, thì trước hết cần phải đưa viện Pasteur phân-chất nước đã. Muốn có thùng lọc nước uống nên mua *filtre Chamberland* ở các tiệm thuốc Tây, thùng lọc kiểu Pasteur. Tự làm, thì bỏ vào một lớp sạn ở dưới cùng, một lớp than ở trên, lớp cát ở giữa.

✱ **Bạn Việt-Hương, Sài Gòn**

Bạn cứ gửi các bài Thơ đến chúng tôi xem.

★ **Bạn Ngọc Huyền, Huế.**

Năm thích kẻ gối cao, là thói quen chứ không phải bị bệnh gì cả.

★ **Bạn Lê-v. Tấn, Quảng Ngãi**

Câu tục-ngữ Pháp : *Loin des yeux, loin du coeur* (xa mặt, cách lòng) chứ không phải : *Loin des yeux, près du coeur*.

★ **Cô Ngọc-Lan KBC 4797, Kontum.**

Rất tiếc, chúng tôi không được biết Thi-sĩ Hồng-Trung.

★ **Ông Trần-nhâm-Thân, Qui-nhơn.**

Làng Tân-Phong, hồi trước tên là làng Tân-Hội, năm 1932 ở Tân-Hội có Cộng-sân nổi dậy, Tây đến đốt nhà cửa, khủng-bố dân-chúng rồi đổi tên làng là Tân - Phong. Ngày nay đổi lại là Phò Phong.

✱ **Bạn Tôn-Nữ Hồng-Anh, Lê-văn-Duyệt, Sài Gòn**

Tục-ngữ Pháp nói về « con chó » rất nhiều, nhưng không có câu tục-ngữ nào nói : « Ở đời muốn được người ta thương thì mình phải bất-chước làm như con chó ».

✱ **Bạn Hạnh Bằng, Quốc-học Huế**

— Nhà văn Lê-văn-Trương hiện còn sống ở Sài Gòn.

— Nhà Bác-học Albert Einstein sinh ngày 14 - 3 - 1879 tại Ulm (Đức), được giải Nobel năm 1921, bỏ nước Đức đi xuất ngoại năm 1933, bị Hitler truy-tố, treo giải-thưởng ai lấy được cái đầu của ông đem nộp cho Hitler, sẽ được 50.000 Marks (tiền Đức). Nhập quốc-tịch Mỹ ngày 10-1-1940, chết tại bệnh-viện Compton, Mỹ, đêm chủ-nhật 24-4-1955, thọ 76 tuổi.

Không có vấn-đề « sau khi ông chết, người ta lấy não và tim ông để nghiên cứu ».

★ **Ô. Huỳnh-ngọc-Anh, 14-A Nguyễn-trường-Tộ; Nhatrang.**

Bát-trần là 8 món « cao lương mỹ-vị » của Vua dùng, từ đời nhà Chu bên Tàu, kể sau đây :

1) Gan Rỗng, 2) Tủy-Phượng, 3) Thai Báo, (Beo) 4) Đuột Cá Gáy, 5) Chả thịt Cú, 6) Mối Đười Ươi, 7) Bàn-tay Gấu, 8) Nhượng Heo-con, (Heo quay). Bát-trần thông-thường hơn thì có :

1) Yến sào, 2) Hắt sôm, 3) Bào-ngư, 4) Mối Đười-ươi, 5) Lộc cán, 6) Cừu không, 7) Tê-bì, (Da con Tê-ngư, Rhinocéros) 8) Hùng chưởng (Bàn tay gấu).

— Của *Litttré*, là *Dictionnaire de la Langue Française* chỉ là quyển tự-điển, chứ không phải tự-điển Bách-Khoa như *Bloc Encyclopédie Larousse*. Bộ sách này đầy đủ hơn nhiều.

★ **Bạn Hà-trâm-Hoàn, Pellerin Huế**

Phạt *vi-cảnh*, là phạt những tội nhẹ, *Vi-phạm luật cảnh-sát*.

✧ **Ô. N. C. Minh-Châu, 18 Trưng-Trắc, An-xuyên.**

Lời của Phật : «Lấy hiền-hòa thắng giận-dối, lấy nhơn-ái thắng bạo-tàn, lấy từ-thiện thắng nghèo-nàn, lấy chân thật thắng giả-dối», có thể dịch ra Hán-văn : dĩ hòa thắng nộ, dĩ nhơn thắng bạo, dĩ thiện thắng bần, dĩ chân thắng giả.

Pháp-văn : *Triompher de la colère par la douceur, de la force par la vertu, de la misère par la charité, de l'erreur par la vérité.*

Anh-văn : *Overcome anger by loving-kindness, evil by good, overcome the miser by generosity, and the liar by truth.*

— Về sách Phật, ông hỏi thẳng nơi các Hội-quán Phật-giáo.

✧ **Ô. Tâm-An, cồ-thành, Huế**

Cô Mỹ-Khanh, tác-giả mấy truyện ngắn trong P. T. chính là con gái út của ông Phan-Khôi, hiện ở Quảng-nam.

— **Ô Lâm-q-Phong, Huế**

— Chúng tôi không thể trả lời được về «phương pháp làm giấy bạc». Đó là bí-mật của Chính-phủ.

✧ **Bạn Huỳnh ngọc Tập, Tam-kỳ**

— Tượng «Nữ-thần Tự-do» ở Mỹ, không phải là một vị Nữ-